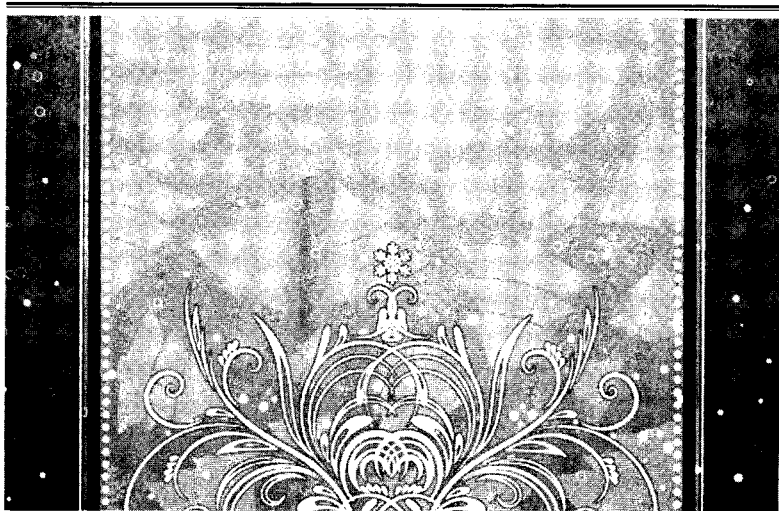


LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 66



Phẩm Thứ Bốn Mười Lăm



Văn Trì

(Nghe và Thọ Trì)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tự niệm rằng, thiện nam, thiện nữ được nghe Bát nhã Ba-la-mật, là người ở đời trước, đã trồng thiện căn công đức nơi các đức Phật, đã thân cận các thiện tri thức; huống nữa là thiện nam, thiện nữ thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, như thuyết tu hành Bát nhã Ba-la-mật. Phải biết người sau này, ở đời trước, đã thân cận nhiều đức Phật vậy.

Người ở đời trước, đã nghe, thọ trì, thân cận, chánh ức niệm, đúng như thuyết tu hành Bát nhã Ba-la-mật, thì đời nay mới có thể thưa hỏi và giải đáp về Bát nhã Ba-la-mật. Phải biết rằng người ấy, ở đời trước, đã từng thân cận, cúng dường nhiều đức Phật.

Lại nữa, người nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải là người đã từ vô lượng ức kiếp thật hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, và nghe rồi lại còn thọ trì, thân cận, đọc tụng chánh ức niệm... dẫn đến như thuyết tu hành, thì phải biết người ấy đã được quả vị Bồ tát bất thối chuyển.

Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Nếu đời trước chẳng thường tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thì nay chẳng sao có thể tín giải thâm Bát nhã Ba-la-mật được.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà hủy báng, thì phải biết người ấy, ở đời trước, đã từng hủy báng thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì người ấy nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng tin, chẳng vui, nên chẳng có được tâm thanh tịnh. Phải biết người ấy, ở đời trước, chẳng thừa hỏi chư Phật và chư đệ tử Phật về cách thực hành 6 pháp Ba-la-mật, cách tu tập nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, cách tu tập 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, cách tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon hỏi ngài Xá Lợi Phất: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ nào chẳng thường hành 6 pháp Ba-la-mật, chẳng thường hành nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng thường hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, chẳng thường hành 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, là người chẳng tín giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật. Có phải đúng như vậy chăng?

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Tôi xin kính lễ Bát nhã Ba-la-mật. Kính lễ Bát nhã Ba-la-mật là kính lễ Nhất thiết chủng trí vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Kính lễ Bát nhã Ba-la-mật là kính lễ Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí của chư Phật

đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật. Vì thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi vậy nên, này Kiều Thi Ca ! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn trú trong Nhất thiết chủng trí, thì phải trú trong Bát nhã Ba-la-mật; muốn được đạo chủng trí, thì phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật, muốn dứt trừ hết thấy các kiết sử và tập khí, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật; muốn chuyển pháp luân, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật; muốn được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật; muốn giáo hóa chúng sanh, khiến họ được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được quả A-la-hán, Bích Chi Phật, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật; muốn được Vô Thượng Bồ Đề, muốn giáo hóa chúng sanh, muốn thống nhiếp Tỷ-kheo tăng, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn là vị Thiên chủ lợi căn và thâm tín Phật pháp. Nay ngài nghe được Bát nhã Ba-la-mật tợ như lửa gặp gió, nên tín tâm của ngài càng thêm tăng trưởng. Lại nữa, ngài được nghe ngài Tu Bồ Đề dùng các pháp nhân duyên tán thán Bát nhã Ba-la-mật, và được Phật dùng chỗ thâm lý để giải đáp, nên ngài rất hoan hỷ, và tự niệm rằng: Thiện nam, thiện nữ nào được nghe Bát nhã Ba-la-mật, phải là người ở đời trước đã cúng dường nhiều đức Phật, đã có đại công đức, nên nay mới gặp được thầy tốt, bạn lành, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật cho nghe. Lại nữa, do đời trước đã gieo duyên cúng dường, nên ở đời nay, vừa nghe Bát nhã Ba-la-mật, đã liền tín thọ. Hơn thế nữa, thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, như pháp tu hành Bát nhã Ba-la-mật, phải là người, ở đời trước, đã được nghe chư Phật quá khứ cùng chư

đệ tử Phật thuyết giảng thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Những người này nghe Bát nhã Ba-la-mật liền tin thọ, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ. Vì sao? Vì hạng người này, trong nhiều A-tăng-kỳ kiếp, đã tu 6 pháp Ba-la-mật, đã thành tựu vô lượng công đức; tuy chưa được bất thối chuyển, nhưng ở nơi thâm pháp Bát nhã Ba-la-mật, đã chẳng còn nghi ngại nữa.

Ví như chiếc lông khô ráo rất dễ bị cuốn bay theo chiều gió; còn lông ướt, hoặc lông đã được dẹt lại với nhau thành tấm thảm lớn, thì rất khó bị gió cuốn đi được.

Cũng như vậy, người sơ phát tâm Bồ tát, do tu tập chưa được bao lâu, nên nghe Bát nhã Ba-la-mật chưa có được lòng tin vững chắc, khiến còn sợ hãi vậy. Trái lại, nếu đã từng nghe, từng tu tập Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì nay nghe Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn sợ hãi nữa.

Bởi vậy nên vị Đệ Thích lại tự niệm rằng: Người thọ trì, thân cận... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng công đức.

-o0o-

Ngày Xá Lợi Phát biết rõ tâm niệm của vị Đệ Thích, nên bạch với Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào chưa vào được Bồ tát vị, mà đã thâm tín Bát nhã Ba-la-mật, khiến chẳng còn sợ hãi khi nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật nữa thì phải biết người ấy đã có đại phước đức, đại trí huệ, đại trí lực rồi; người ấy xứng đáng được xem như là Bồ tát bất thối chuyển rồi vậy.

-o0o-

Ở phẩm này, Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm vi diệu, là vô tướng. Thế nên, thù được, tin được, thọ trì được Bát nhã Ba-la-mật thật là rất khó làm, là hy hữu, chẳng khác nào người trồng cây ở giữa hư không vậy.

Ví như người tu hành, khi vào được thánh pháp, thì xả được gốc vô minh, khi vào được thiên định, thì xả được 5 dục lạc v.v... Xả như vậy mà chẳng thấy có xả. Vì sao? Vì công đức chẳng có chỗ y chỉ, nên chẳng có chỗ xả vậy.

Lại ví như người dùng thước đo chiều dài của một vật. Khi đến điểm cuối cùng rồi mà còn muốn đo nữa, thì lại phải trở về điểm khởi đầu. Cũng như vậy, Bồ tát khi chưa được đạo, thì phải tin thọ Bát nhã Ba-la-mật; khi đã đạt được chỗ rốt ráo “vô sở y” rồi, thì được tự tại vô ngại ở nơi hết thảy các pháp. Lúc bấy giờ, Bồ tát hành các phước đức, tu xả ly 5 dục v.v..., chẳng thấy pháp môn nào phải xả bỏ cả.

Đây là pháp sự rất hy hữu. Bởi vậy nên nói: Thiện nam, thiện nữ tu tập 6 pháp Ba-la-mật, đã chứa nhóm nhiều công đức, thì nay mới có được tín tâm thanh tịnh, khi nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Nếu trái với những điều ghi trên đây, là hủy báng Bát nhã Ba-la-mật. Nếu có người nào ở trong nhiều kiếp đã chứa nhóm nhiều công đức, mà nay chẳng tin Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy, từ nhiều kiếp, đã có tập quán chấp đắm phước đức hữu lậu vậy.

Hỏi: *Nếu đời trước đã hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, thì phải thọ báo đọa địa ngục. Như vậy vì sao đời nay lại được nghe Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Có người đời trước hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, đã bị đọa vào địa ngục; sau khi đã thọ xong quả báo, nay lại

được trở lại làm người. Có người đời trước hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, nhưng đã có chứa nhóm nhiều công đức, lại vì chưa đến lúc phải thọ quả báo, nên đời nay vẫn được sanh làm người. Hạng người này, dù được nghe Bát nhã Ba-la-mật, nhưng do nhân duyên hủy báng Bát nhã Ba-la-mật ở đời trước, mà nay vẫn chẳng tin thọ Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Trái lại, người đời trước đã phạm tội “ngũ nghịch”, nhưng nay đã thọ xong quả báo, có thể lại được sanh làm người. Do nhân duyên chẳng có hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, nên nay nghe Bát nhã Ba-la-mật có thể sanh tin thọ.

-o0o-

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, rốt ráo vô sở hữu, là pháp thậm thâm vi diệu, nên tự niệm rằng: Người tin thọ Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng công đức, còn người hủy báng Bát nhã Ba-la-mật phải thọ vô lượng tội khổ.

Do suy nghĩ như vậy mà vị Đế Thích phát tâm kính lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì kính lễ Bát nhã Ba-la-mật là kính lễ Nhất thiết chủng trí, kính lễ Nhất thiết chủng trí là kính lễ 10 phương chư Phật.

Phật ấn chứng lời của vị Đế Thích, và tán thán rằng: Từ Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Phật, xuất sanh Nhất thiết chủng trí. Bỏ tát muốn trú Nhất thiết chủng trí... dẫn đến muốn thông nhiếp Tỷ-kheo tăng, phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

KINH:

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn!
Khi muốn hành Bát nhã Ba-la-mật:**

- Bồ tát phải làm thế nào để trú trong Đàn Ba-la-mật... dẫn đến trú trong Bát nhã Ba-la-mật?

- Bồ tát phải làm thế nào để trú trong nội không... dẫn đến trú trong vô pháp hữu pháp không?

- Bồ tát phải làm thế nào để trú trong 4 thiền, trong 4 vô lượng tâm, trong 4 vô sắc định, trong 5 thần thông?

- Bồ tát phải làm thế nào để trú trong 4 niệm xứ... dẫn đến trú trong 8 thánh đạo?

- Bồ tát phải làm thế nào để trú trong 10 Phật lực... dẫn đến trú trong 18 bất cộng pháp?

Bạch Thế Tôn! Bồ tát phải làm thế nào để tập hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, tập hành nội không... dẫn đến 18 bất cộng pháp?

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Kiều Thi Ca! Ý ông muốn hỏi là những điều như vậy đều do thần lực của Phật chăng?

Này Kiều Thi Ca! Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng trú trong sắc... dẫn đến thức, chẳng trú trong nhãn... dẫn đến ý, chẳng trú trong sắc... dẫn đến pháp, chẳng trú trong nhãn thức... dẫn đến ý thức, chẳng trú trong nhãn giới... dẫn đến ý thức giới, mới là tập hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng trú trong Đàn Ba-la-mật mới là tập hành Đàn Ba-la-mật, chẳng trú trong Thi La Ba-la-mật mới là tập

hành Thi Ba-la-mật, chẳng trú trong Sẵn Đề Ba-la-mật mới là tập hành Sẵn Đề Ba-la-mật, chẳng trú trong Tỳ Lê Gia Ba-la-mật mới là tập hành Tỳ Lê Gia Ba-la-mật, chẳng trú trong Thiên Na Ba-la-mật mới là tập hành Thiên Na Ba-la-mật, chẳng trú trong Bát nhã Ba-la-mật mới là tập hành Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy gọi là Bồ tát Ma-ha-tát chẳng trú trong các Ba-la-mật mà tập hành các Ba-la-mật vậy.

Này Kiều Thi Ca! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng trú trong nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, mới là tập hành nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không; chẳng trú trong 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông, mới là tập hành 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông; chẳng trú trong 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; mới là tập hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, chẳng trú trong 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, mới là tập hành 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Vì sao?

Này Kiều Thi Ca! Vì Bồ tát chẳng thấy nơi sắc có chỗ an trú, có chỗ tập hành... dẫn đến chẳng thấy nơi 18 bất cộng pháp có chỗ an trú, có chỗ tập hành vậy.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Vì Bồ tát biết rõ sắc quá khứ, sắc hiện tại, sắc vị lai đều bất khả đắc... dẫn đến 18 bất cộng pháp quá khứ, hiện tại và vị lai cũng đều là như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì sắc thậm thâm, nên Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm... dẫn đến vì 18 bất cộng pháp thậm thâm, nên Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất khó lường!

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì sắc khó lường... dẫn đến 18 bất cộng pháp khó lường, nên Bát nhã Ba-la-mật khó lường.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật vô lượng!

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì sắc vô lượng... dẫn đến 18 bất cộng pháp vô lượng, nên Bát nhã Ba-la-mật vô lượng.

Này Xá Lợi Phất ! Hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng hành sắc thậm thâm... dẫn đến chẳng hành 18 bất cộng pháp thậm thâm, chẳng hành sắc khó lường... dẫn đến chẳng hành 18 bất cộng pháp khó lường, chẳng hành sắc vô lượng... dẫn đến chẳng hành 18 bất cộng pháp vô lượng, mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Vì các tướng thậm thâm, khó lường, vô lượng của sắc... dẫn đến 18 bất cộng pháp là phi tướng (chẳng phải tướng) vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm, mà tướng thậm thâm ấy chẳng thể tư lường được.

Chớ nên vì hàng Bồ tát mới phát tâm, mà nói ra như vậy. Vì sao? Vì hàng Bồ tát sơ phát tâm nghe nói Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm như vậy, sẽ sanh sợ hãi, nghi hối, chẳng tin là mình có thể hành nổi được thậm pháp đó vậy.

Trái lại, chỉ nên vì hàng Bồ tát bất thối chuyển, nói ra

mà thôi. Vì sao? Vì hàng Bồ tát này nghe Bát nhã Ba-la-mật đã chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng nghi hối, mà còn tinh tấn, dũng mãnh tín thọ và hành trì Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Xá Lợi Phất: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu thuyết thâm Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát sơ phát tâm nghe, thì có lỗi gì?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát sơ phát tâm nghe, thì họ sẽ kinh sợ chẳng tin. Do chẳng tin mà có thể dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật.

Bất tín và hủy báng Bát nhã Ba-la-mật là tự gieo nghiệp nhân dẫn vào 3 đường ác. Do nghiệp nhân duyên này nên rất khó được Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nghe Phật tán thán đầy đủ về thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, liền bạch Phật rằng: Bồ tát phải làm thế nào để trú trong 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến trú trong 18 bất cộng pháp?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nêu lên câu hỏi trên đây nhằm đoạn nghi, khiến chúng hội thông đạt vô ngại, dẫn đến sẽ được nhiều lợi ích.

Bởi vậy nên Phật tán thán: Lành thay, lành thay!

Lại nữa, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn là vị Thiên chủ đang hưởng đầy đủ phước lạc, mà quyết tâm rời bỏ diệu dục lạc ở cõi trời, đến nghe thuyết về thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, lại còn khéo hỏi về chỗ tu hành của chư Thánh, là việc làm hy hữu, rất đáng khen.

Bởi vậy nên Phật tán thán: Lành thay, lành thay!

Sở dĩ, ở ngay giữa chúng hội mà vị Đệ Thích thưa hỏi Phật được như vậy, là vì ngài đã có trì “Tâm Kinh”. Do thường trì “Tâm Kinh”, mà tự thân được quang minh, nên mới có thể thưa hỏi được như vậy.

-o0o-

Phật dạy: Bồ tát chẳng trú trong sắc mà tập hành Bát nhã Ba-la-mật, vì biết rõ sắc là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, là thô động. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng trú trong sắc mà hành Bát nhã Ba-la-mật mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Phàm phu thấy sắc là liên trú trong sắc, nên khởi sanh phiền não, xa rời Bát nhã Ba-la-mật.

Đối với thọ, tưởng, hành thức; đối với nhãn... dẫn đến ý, đối với sắc... dẫn đến pháp, đối với nhãn thức... dẫn đến ý thức, đối với nhãn giới... dẫn đến ý thức giới cũng đều là như vậy.

Tóm lại, hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng trú trong 5 âm, trong 12 nhập, trong 18 giới mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Làm sao có thể chẳng an trú trong 6 pháp Ba-la-mật, mà có thể tu tập các hạnh Ba-la-mật được?*

Đáp: 6 pháp Ba-la-mật là những thiện pháp, nên phải tập hành. Thế nhưng hành 6 pháp Ba-la-mật mà chẳng trú trong 6 pháp này... dẫn đến chẳng trú trong 5 âm, 12 nhập, 18 giới, thì mới thật gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ở nơi pháp mà chẳng trú pháp mới đoạn được các ái chấp pháp. Đoạn được ái chấp pháp mới được rốt ráo thanh tịnh.

Chẳng trú pháp (bất trú pháp) nói trên đây cũng là chẳng đắc pháp (bất đắc pháp). Vì sao? Vì trú nơi “pháp xứ” mà chẳng có đắc pháp (bất đắc pháp) tức là ở ngay nơi pháp mà chẳng trú pháp vậy.

Phật nói lên các nhân duyên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng trú trong sắc mới gọi là tập hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì Bồ tát biết rõ sắc là như huyễn, chẳng nên trú; biết rõ sắc là tự tướng không, nên chẳng thủ sắc tướng, dù là thường tướng hay là vô thường tướng.

Lại nữa, Bồ tát thường hành các thiện pháp, có chánh ngữ, chánh nghiệp, lại tu tập thuần thực các đạo đức, nên nói chẳng trú trong sắc mà tập hành sắc. Nay Bồ tát muốn hành Bát nhã Ba-la-mật, quán sắc là tán hoại, nên nói chẳng tập hành sắc là tập hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì sắc quá khứ đã diệt, sắc vị lai chưa có, nên chẳng có thể tập hành sắc. Vì sắc hiện tại liền sanh, liền diệt, nên chẳng có thể trú sắc. Hơn nữa, vì niệm niệm sanh diệt, nên chẳng có thể trú niệm. Trú niệm còn chẳng được, huống nữa là trú sắc. Bởi vậy nên nói “chẳng tập hành sắc là hành Bát nhã Ba-la-mật”.

Bồ tát quán sắc quá khứ, hiện tại và vị lai đều là bất khả đắc... dẫn đến quán 18 bất cộng pháp quá khứ, hiện tại và vị lai cũng đều là như vậy.

Do quán hết thấy các pháp đều là bất khả đắc như vậy, nên Bồ tát chẳng còn chấp các pháp tướng. Như vậy là quán các pháp bình đẳng; mà quán các pháp bình đẳng là hành thật tướng pháp vậy.

Ngài Xá Lợi Phát nghe Phật dạy về thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy, sanh tâm hoan hỷ, bạch Phật rằng: Bát nhã Ba-la-mật rất thâm thâm!

Phật tán thán: Vì sắc... dẫn đến hết thảy các pháp thậm thâm, nên Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm.

Nhục nhãn chưa thấy được sắc thậm thâm, thiên nhãn cũng chưa thấy sắc thậm thâm. Bát nhã Ba-la-mật phân biệt được sắc, vào được như thật tướng sắc, mới thấy rõ sắc thậm thâm. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là thậm thâm.

Ví như mưa rơi từng hạt nhỏ chưa thể gọi là thậm thâm. Khi vô lượng hạt mưa hợp với nhau, tạo thành các dòng nước, rồi các dòng nước chảy dồn vào biển lớn, thì ở nơi đây mới gọi là thậm thâm.

Đôi với các sắc pháp cũng là như vậy.

Dùng nhục nhãn chẳng có thể thấy được sắc pháp thậm thâm; dùng thiên nhãn cũng chưa thấy được sắc pháp thậm thâm; khi có được huệ nhãn mới thấy được sắc pháp thậm thâm. Thế nhưng, chỉ có Phật nhãn mới thấy rõ tận nguồn chỗ thậm thâm, bất khả lượng đó.

Trái lại, người chưa có được trí huệ Bát nhã, thì thấy sắc pháp là thật có, hoặc thường, hoặc vô thường v.v... Đây là thức tâm tư duy, trừ lượng mà khởi các chấp điên đảo như vậy.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phát cùng chúng hội đều tự niệm rằng: Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có thể nghĩ bàn được. Nếu như vậy thì Bồ tát làm sao có thể tu hành được?

Phật biết rõ tâm niệm ấy, nên dạy rằng: Bồ tát, nếu hành

sắc thậm thâm là chẳng vào được Bát nhã Ba-la-mật. Chẳng hành sắc thậm thâm, mới vào được Bát nhã Ba-la-mật.

Đây là vì hạng người độn căn, mà nói sắc thậm thâm. Còn hạng người đã đầy đủ phước đức trí huệ, thì chẳng còn chấp sắc thậm thâm nữa.

Ví như khi nói biển có sâu, có cạn, có rộng, có hẹp v.v... chỉ là một cách nói rất tương đối, chẳng có gì là quyết định cả. Vì sao? Vì cùng một vùng biển đó, mà loài người cho là mênh mông, là sâu thẳm, nhưng đối với loài A-tu-la, thì chỉ là cạn hẹp mà thôi.

Cũng như vậy, đối với phàm phu, hay đối với người mới phát tâm, còn buông lung, giải đãi, thì Bát nhã Ba-la-mật là thậm thâm, khó hiểu, khó vào. Còn đối với hàng Bồ tát bất thối chuyển, đã đầy đủ phước đức trí huệ, thì Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là thậm thâm, khó hiểu vậy.

Chư Phật, ở nơi hết thảy các pháp, đã được vô ngại giải thoát, nên chẳng thấy có pháp nào là thậm thâm cả. Thế nhưng, vì căn cơ của chúng sanh có sai khác, có lợi căn, có độn căn, có tinh tấn, có giải đãi v.v..., nên Phật mới phương tiện thuyết Bát nhã Ba-la-mật có sâu, có cạn v.v... để mọi người nghe pháp đều được lợi lạc.

Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là rất khó lường, là vô lượng vậy.

-o0o-

Phật lại nói các nhân duyên chỉ rõ các tướng thậm thâm, khó lường, vô lượng của sắc... dẫn đến của hết thảy pháp đều là “phi tướng”. Người mới phát tâm, do còn sợ hãi, còn nghi hời, nên mới chấp sắc là thậm thâm, mà chẳng biết rằng

sắc tướng là rớt ráo không, nên chẳng thể nói sắc có sâu, có cạn được.

Do vậy mà ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm mà tướng thậm thâm ấy cũng chẳng có thể tư lường được.

Hỏi: Trước đây đã nói Bồ tát chẳng hành thậm thâm là hành Bát nhã Ba-la-mật. Nay vì sao ngài Xá Lợi Phất lại đề cập đến thậm thâm?

Đáp: Ngài Xá Lợi Phất chẳng phải có chủ tâm nói về nghĩa thậm thâm, nhưng ngài hiểu ý Phật, nên đã vì người nghe mà nói về thậm thâm vậy.

Do vậy mà ngài bạch Phật: Chẳng nên vì người sơ phát tâm mà nói về thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, vì hạng người này sẽ sanh tâm chìm đắm, chẳng tin là mình có thể hành được thâm pháp đó.

Trái lại, chỉ nên thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát bất thối chuyển, là những bậc đã có đầy đủ trí huệ, đã có tín tâm thanh tịnh. Hạng Bồ tát này, khi nghe được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, chẳng những chẳng có chìm đắm, mà còn tinh tấn, dũng mãnh thọ trì Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như gặp dòng nước sâu, chẳng nên cho trẻ nhỏ chưa biết lội, bơi qua. Chỉ có những người bơi lội giỏi mới có thể vượt qua được.

-o0o-

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Xá Lợi Phất rằng: Nếu thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát sơ phát tâm nghe, thì có lỗi gì?

Ngài Xá Lợi Phát đáp: Vì hàng Bồ tát sơ phát tâm chưa tin nổi Bát nhã Ba-la-mật, nên sanh tâm chìm đắm, nghi hối, rồi khởi sanh các phiền não. Họ sẽ nghĩ rằng: Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không. Nếu ta thọ pháp “không” như vậy, thì làm sao ta khỏi đọa về đoạn diệt?

Lại nữa, đối với hạng người chẳng kham thọ được pháp “không”, thì dù Phật thuyết pháp “không”, họ cũng chẳng thọ. Chẳng nên vì họ thuyết pháp “không” vậy.

Vì sao? Vì người ta đã có tâm nghi, thì thường hay sanh sợ hãi; còn người đã có định kiến, thì thường hay sanh ác kiến đối với pháp sư, dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật. Do tội hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, mà sẽ phải bị đọa vào địa ngục.

Như đã nói trước đây: Nếu do nghiệp báo nhân duyên phải đọa vào 3 đường ác, thì rất khó được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

KINH:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Xá Lợi Phát:
Thưa ngài Xá Lợi Phát! Có Bồ tát nào chưa được thọ ký nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ chẳng?

Ngài Xá Lợi Phát đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu có Bồ tát nào nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết Bồ tát ấy chẳng bao lâu nữa cũng sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề, nhiều lắm là dưới thời của một hoặc hai đức Phật nữa.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Xá Lợi Phát! Bồ tát đó, trong nhiều đời, đã phát tâm hành 6 pháp Ba-la-mật, đã cúng dường nhiều đức Phật, nên nay

nghe Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, và nghe xong liền thọ trì, đúng như pháp mà tu hành.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con muốn được nêu lên thí dụ về nghĩa này.

Ví như có thiện nam, thiện nữ cầu Bồ tát đạo, mà ở trong mộng lại thấy mình hành Bát nhã Ba-la-mật, nhập thiền định, siêng năng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, giữ gìn giới hạnh, thật hành bố thí, tu tập nội không, ngoại không... dẫn đến tọa đạo tràng, thì phải biết người ấy đã gần được Vô Thượng Bồ Đề rồi. Huống nữa là Bồ tát, khi thức, vẫn thường tu thâm Bát nhã Ba-la-mật, nhập thiền định, siêng năng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, giữ gìn giới hạnh, thật hành bố thí... mà chẳng mau thành tựu được Vô Thượng Bồ Đề hay sao?

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào đã đầy đủ thiện căn, vừa nghe Bát nhã Ba-la-mật liền thọ trì... dẫn đến y theo Bát nhã Ba-la-mật mà tu hành, thì phải biết đó là vị đại Bồ tát đã lâu đời trồng thiện căn, cúng dường chư Phật, thân cận chư thiện tri thức, đã gần được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề rồi vậy. Phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển, ở nơi Vô Thượng Bồ Đề chẳng hề thối tâm, thường nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, thường thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Bạch Thế Tôn! Ví như người đã lâu ngày gian khổ, băng rừng, xuyên núi, lần theo những nẻo đường hoang vắng, quanh co, hiểm trở, dài cả 2, 3, 4 trăm do tuần, mà bỗng nhiên thấy bóng dáng người chăn trâu, hoặc thấy cảnh ruộng vườn, thì phấn khởi, vui mừng. Người ấy biết chắc là mình đã đến gần thành ấp, xóm làng, biết mình sắp đến được nơi tụ lạc an ổn, đã thoát được nạn ác thú,

nạn độc trùng, nạn giặc cướp, biết mình chẳng còn bị đói khát nữa vậy.

Bồ tát cũng như vậy. Nếu đã được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì biết là mình chẳng bao lâu nữa sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề, sẽ chẳng còn bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa nữa.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Xá Lợi Phất! Ông hãy nêu thêm vài thí dụ nữa đi.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ví như muốn thấy biển lớn, quyết tâm đi mãi cho đến khi chẳng còn thấy núi đồi, chẳng còn thấy cây cối nữa, thì mặc dù chưa được nhìn thấy tận mắt biển lớn, nhưng người ấy đã biết là mình đã đến gần vùng biển lớn rồi. Vì sao? Vì vùng biển lớn bằng phẳng, chẳng có núi đồi, chẳng có cây cối vậy.

Bồ tát cũng như vậy. Khi đã được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì biết là mình chẳng bao lâu nữa sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, ví như trước khi mùa xuân đến, thấy cây rụng lá gàn sạch, thì biết chẳng còn bao lâu nữa rừng cây, đồng cỏ sẽ trở lại màu xanh tươi mát. Mọi người đều sanh lòng hoan hỷ, chờ đón mùa xuân mới.

Bồ tát cũng như vậy. Khi đã được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì biết rằng đời trước mình đã trồng thiện căn, đã cúng dường nhiều đức Phật.

Bồ tát này tự niệm rằng: Do đời trước ta đã trồng thiện căn, đã hướng về Vô Thượng Bồ Đề, nên đời nay ta

mới được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, mới thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật, và đúng như pháp tu hành vậy.

Lúc bấy giờ, chư vị thiên tử, đã từng nghe Phật, đều hoan hỷ tự niệm rằng: Chư vị Bồ tát, ở trong quá khứ, đã từng nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã được Phật thọ ký, nên ngày nay lại được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, ắt là chẳng bao lâu nữa sẽ thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật tiếp: Bạch Thế Tôn! Ví như người mẹ, trải qua 9 tháng mang thai, nay thấy thân thể nặng nề, đi đứng khó khăn, bỏ ăn, mất ngủ, bụng đau quằn quại, thì biết chẳng còn bao lâu nữa mình sẽ sanh con.

Bồ tát cũng như vậy. Trải qua thời gian lâu dài gieo trồng các thiện căn, cúng dường chư Phật, tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thân cận chư thiện tri thức, nay thiện căn đã thành tựu, được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, được thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật, và đúng như pháp tu hành, thì phải biết Bồ tát này chẳng còn bao lâu nữa sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Nay Xá Lợi Phát! Những lời ông vừa nói ra đều nương theo Phật lực cả.

Lúc bấy giờ, ngày Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Đáng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khéo phó chúc Phật sự cho chư vị đại Bồ tát.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm nhằm an ổn chúng sanh, khiến chúng sanh được nhiều lợi ích. Vì sao? Vì chư đại Bồ tát thương xót chúng sanh, muốn làm lợi ích cho hàng trời, người mà hành Bồ tát đạo.

Khi hành Bồ tát đạo, chư Bồ tát dùng 4 nhiếp pháp gồm “bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự” nhiếp độ vô lượng chúng sanh. Lại cũng đem 10 thiện đạo giáo hóa chúng sanh. Lại tự mình tu Sơ thiên... dẫn đến tự mình tu Phi Tướng Phi Phi Tướng Định, và cũng dạy người tu Sơ thiên... dẫn đến dạy người tu Phi Tướng Phi Phi Tướng Định; tự mình tu Đàn Ba-la-mật... dẫn đến tự mình tu Bát nhã Ba-la-mật, và cũng dạy người tu Đàn Ba-la-mật... dẫn đến dạy người tu Bát nhã Ba-la-mật.

Chư đại Bồ tát này dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để dạy chúng sanh tu được 4 quả Thanh Văn, được quả Bích Chi Phật mà tự mình chẳng chứng các quả ấy.

Chư đại Bồ tát này trú Bất Thối Chuyển Địa, cũng dạy người trú Bất Thối Chuyển Địa, tự mình thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, cũng dạy người thanh tịnh Phật độ; thành tựu chúng sanh, tự mình thành tựu thần thông, cũng dạy người thành tựu thần thông; tự mình được đầy đủ các đà la ni, đầy đủ biện tài vô ngại, cũng dạy người được đầy đủ các đà la ni, đầy đủ biện tài vô ngại; tự mình thành tựu sắc thân với 32 tướng tốt, cũng dạy người thành tựu sắc thân với 32 tướng tốt, tự mình thành tựu 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi... dẫn đến thành tựu Nhất thiết chủng trí; cũng dạy người thành tựu 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp, đại từ đại bi... dẫn đến thành tựu Nhất thiết chủng trí, tự mình ly hết thấy kiết sử, cũng dạy người ly hết thấy kiết sử; tự mình chuyển pháp luân, cũng dạy người chuyển pháp luân.

LUẬN:

Ngài Thích Bồ Đề Hoàn Nhon hỏi ngài Xá Lợi Phất rằng: Có Bồ tát nào chưa được thọ ký nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hải, chẳng sợ chẳng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp lại rằng: Nếu có Bồ tát nào nghe Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hải, chẳng sợ, thì phải biết vị Bồ tát đó đã gần được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề. Vị Bồ tát đó chỉ còn gặp 1 hoặc 2 đức Phật nữa là sẽ được thọ ký rồi vậy.

Lời ngài Xá Lợi Phất nói ra được Phật ấn chứng, nên ngài sanh tâm hoan hỷ, xin được nêu lên các thí dụ để làm sáng tỏ về thâm nghĩa này.

-o0o-

Ví như trong mộng, tâm trí thường bị ngăn che. Thế nhưng, nếu có thiện nam, thiện nữ nào nằm mộng mà thấy mình phát tâm hành 6 pháp Ba-la-mật, hoặc thấy mình đang tọa đạo tràng thuyết pháp, thì phải biết người đó đã có đầy đủ phước đức, đã gần được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề. Huống nữa là người, trong tinh thức, phát Bồ Đề tâm, tu tập 6 pháp Ba-la-mật, mà chẳng gần được thọ ký hay sao?

Lại nữa, người đang ở trong 6 đường sanh tử mà nghe Bát nhã Ba-la-mật liền thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập, thì phải biết người đó chẳng bao lâu nữa sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề. Ví như con cá đã cắn câu, thì dù thấy nó vẫn tung tăng bơi lội, mà ta cũng biết rằng chẳng còn bao lâu nữa con cá ấy cũng sẽ bị kéo lên khỏi mặt nước.

Người hành đạo cũng là như vậy. Khi đã thâm tín Bát nhã

Ba-la-mật rồi, thì biết chắc người đó chẳng còn bao lâu nữa cũng sẽ thoát khỏi các nẻo đường sanh tử vậy.

-o0o-

Trong các thí dụ nêu ở đoạn kinh trên đây, ngài Xá Lợi Phất có nói đến đường quanh co, hiểm trở, chẳng an ổn... để dụ cho 3 cõi “Dục, Sắc và Vô Sắc”; ngài cũng có nói đến đường dài cả 2, 3, 4 trăm do tuần... để dụ cho quá trình tu học lâu dài có thể vượt ra khỏi 3 cõi:

- 200 do tuần dụ cho thời gian tu tập để vượt ra khỏi cõi Vô Sắc.

- 300 do tuần dụ cho thời gian tu tập để vượt ra khỏi cõi Sắc.

- 400 do tuần dụ cho thời gian tu tập để vượt ra khỏi cõi Dục.

Ngài nói đến thành ấp, xóm làng để dụ cho vô lượng thiện pháp. Thấy thành ấp nhỏ, thấy được xóm làng là dụ cho được “nhu thuận nhẫn”; thấy được thành lớn là dụ cho được “vô sanh pháp nhẫn”, nơi an ổn là dụ cho Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi tư duy, trừ lượng rằng: Nếu ta tu được pháp này, thì tâm ta sẽ được an ổn, chẳng bao lâu nữa ta sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài cũng có nói đến độc trùng để dụ cho khát ái, phiền não, nói đến ác thú, nói đến giặc cướp để dụ cho 62 tà kiến.

Ngài nói đến chẳng còn sợ độc trùng, ác thú, giặc cướp, chẳng còn sợ cảnh đói khát để dụ cho được chân trí huệ, chẳng còn khát ái, chẳng còn sợ hãi nữa, vì biết rằng mình sắp được giải thoát.

Ngoài ra, muốn chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, thì phải tín thọ Bát nhã Ba-la-mật, phải theo gương

chư đại Bồ tát, là những vị đã nhận rõ thật tướng pháp, đã xả ly thế gian dục lạc, xả ly Thanh Văn và Bích Chi Phật pháp, thâm tâm ái kính Bát nhã Ba-la-mật, thường hành Bồ tát đạo, nhằm đem lại đại lợi ích cho chúng sanh. Chư đại Bồ tát đã thể nhập vào Bát nhã Ba-la-mật, nên dù ở trong vũng lầy sanh tử, mà vẫn tự tại hành đạo Cam Lộ, làm lợi lạc cho chúng sanh, chẳng còn bị sanh tử triển chuyển nữa.

Các sự kiện trên đây nói về các nhân duyên “sắp được thọ Ký Vô Thượng Bồ Đề” của chư đại Bồ tát. Khi thấy vị Bồ tát nào hiển bày các tướng nêu ở đoạn kinh trên đây, thì biết vị Bồ tát đó sắp được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề, chẳng còn bị đọa vào 3 đường ác, chẳng còn trầm luân trong sanh tử... dẫn đến chẳng còn lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa nữa.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất lại nói đến người muốn thấy biển lớn, quyết tâm đi mãi cho đến khi chẳng còn thấy núi đồi, cây cối nữa để dụ cho người cầu Vô Thượng Đạo, nhất tâm hành Bát nhã Ba-la-mật; nói đến vùng biển lớn là nơi bằng phẳng, chẳng có núi đồi, chẳng có cây cối để dụ cho Vô Thượng Bồ Đề, là nơi rất ráo thanh tịnh.

Ngài lại nói trước khi mùa xuân đến cây rụng sạch lá để dụ cho Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật đoạn sạch các phiền não trước khi được Vô Thượng Bồ Đề; nói đến màu xanh tươi mát của cây cỏ để dụ cho thanh tịnh lạc ở nơi Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài lại nói đến người mẹ mang thai để dụ cho Bồ tát phát đại nguyện thành bậc Vô Thượng Giác; nói đến các hiện tượng sắp sanh con của người mẹ, sau thời gian dài chín

tháng cưu mang, để dụ cho Bồ tát sau thời gian dài cần khổ, hành 6 pháp Ba-la-mật, đã ly được thế gian lạc, sắp thành tựu được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Phật tán thán lời nói của ngài Xá Lợi Phất. Qua lời tán thán đó, ngài Tu Bồ Đề biết rõ ý Phật, nên bạch Phật rằng: Thật là hy hữu ! Thế Tôn đã khéo phó chúc Phật sự cho chư Bồ tát, khi hành Bồ tát đạo.

-o0o-

Phật phó chúc cho chư Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm để an ổn chúng sanh trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp.

Nếu chúng sanh chấp thường, thì dạy cho họ pháp vô thường; nếu chúng sanh chấp lạc, thì dạy cho họ biết rằng chấp lạc sẽ dẫn sanh khổ; nếu chúng sanh chấp có các pháp, thì dạy cho họ biết về “pháp tánh không”; nếu chúng sanh chấp ngã, thì dạy cho họ về pháp vô ngã v.v...

Như vậy mới có thể an lập được hết thảy chúng sanh. Phàm phu nghe như vậy, thì dù đời nay chưa được an lạc, nhưng về sau, khi diệt sạch phiền não, thì cũng sẽ được thân tâm an lạc.

Ví như người uống thuốc đắng. Dù nay cảm thấy thuốc đắng có mùi vị khó chịu, nhưng về sau sẽ được lành bệnh vậy.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phát nguyện an lạc hết thảy chúng sanh, nên phải dùng mọi phương tiện để giáo hóa họ. Dù nay bản nguyện của Bồ tát chưa được thành tựu, nhưng đời sau sẽ được thành tựu viên mãn vậy.

-o0o-

Như trong kinh *Bốn Sanh* có nói: Bồ tát do diệt sạch phiền não mà được an lạc. Khi được an lạc rồi, Bồ tát lại dùng các phương tiện làm lợi ích cho chúng sanh, khiến họ được thế gian lạc về xuất thế gian lạc. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát lại dụng vô sở đắc thành tựu chúng sanh, khiến họ được an lập nơi thanh tịnh xuất thế gian lạc vậy.

Trong khi hành Bồ tát đạo, Bồ tát thường dùng 4 “nhiếp pháp” để nhiếp thủ chúng sanh. Đó là:

1). *Ái ngữ*: Tùy theo căn tánh của chúng sanh mà khéo chọn lựa lời nói, để khuyến dụ họ:

- Hoặc nương theo ý họ mà nói.

- Hoặc nương theo những điều ưa thích, những ước muốn của họ mà nói.

2). *Lợi hành*: Làm các việc lành, lợi ích cho chúng sanh:

- Hoặc dạy cho họ tinh tấn tu tập và hành trì các thiện pháp.

- Hoặc dạy họ nếu chưa tin Phật pháp, thì hãy khởi lòng tin nơi Phật pháp.

Ví như đối với người phá giới, thì dạy họ nên trì giới, đối với người bòn xén, thì dạy họ nên bố thí, đối với người ngu si, thì dạy cho họ mở mang trí tuệ v.v...

3). *Đồng sự*: Giáo hóa chúng sanh bằng cách cùng với họ hành các thiện pháp.

Ví như tự mình tu tập 10 thiện đạo, và cũng dạy người tu tập 10 thiện đạo v.v...

4). *Bố thí*: Thấy chúng sanh cần gì, thì bố thí cho họ được như nguyện:

- Hoặc tài thí: Thấy chúng sanh thiếu thôn, cần đến tài vật gì, thì đem tài vật ra bố thí cho họ.

- Hoặc pháp thí: Thấy chúng sanh cần biết pháp gì, thì đem pháp ấy thuyết cho họ.

- Hoặc vô úy thí: Thấy chúng sanh sợ sệt, thì làm cho họ được an ổn, chẳng còn sợ sệt nữa.

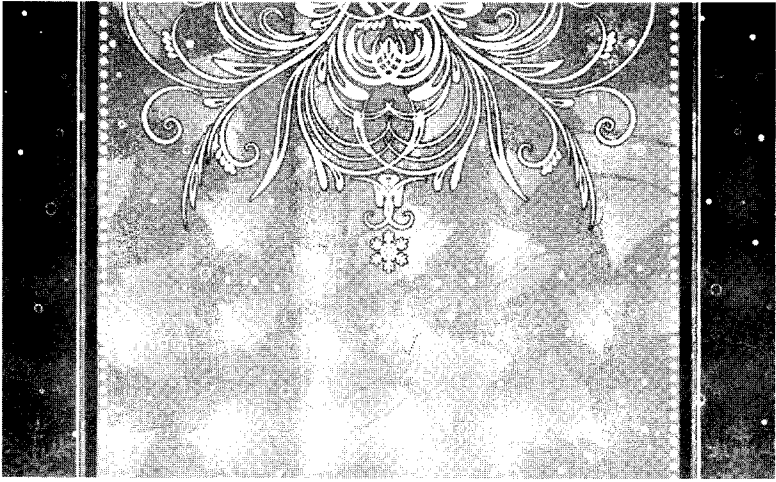
Pháp “ái ngữ nhiếp” là pháp dẫn đầu trong tất cả 4 nhiếp pháp.

Ví như, biết chúng sanh thích được sống lâu, thì nên khéo léo dạy họ tu tập 10 thiện đạo; biết chúng sanh thích các bảo vật, thì nên khéo léo dạy cho họ biết là “pháp bảo” quý hơn hết thảy các bảo vật ở thế gian v.v...

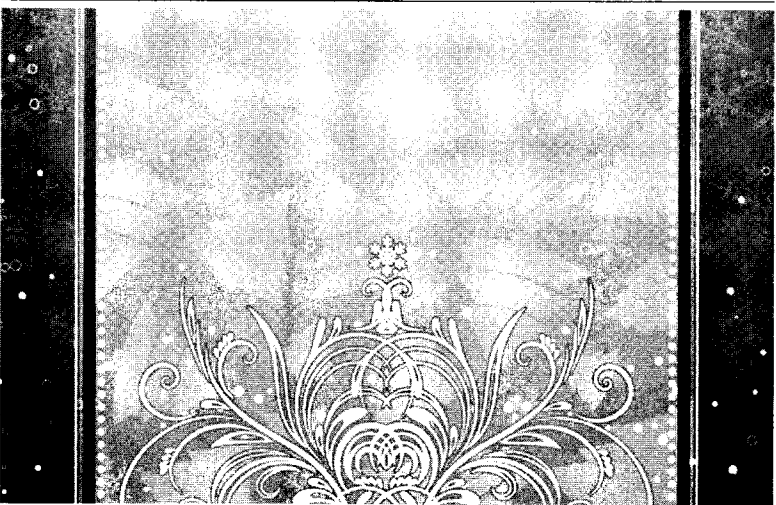
Pháp “đồng sự nhiếp” có nghĩa là đồng hành. Muốn giáo hóa chúng sanh, thì phải cùng với họ hành các thiện pháp.

Ví như, Bồ tát tự mình hành 10 thiện đạo, cũng dạy người hành 10 thiện đạo; tự mình tu 4 quả Thanh Văn, cũng dạy người tu 4 quả Thanh Văn; tự mình tu 6 pháp Ba-la-mật, cũng dạy người tu 6 pháp Ba-la-mật; tự mình trú bất thối chuyển địa, cũng dạy người trú bất thối chuyển địa; tự mình chuyển pháp luân, cũng dạy người chuyển pháp luân v.v...

Phật dạy: Ta, vì đại từ đại bi, mà phó chúc cho các Bồ tát tu tập như vậy, kiến lập đạo tràng như vậy, hành hết thảy các thiện pháp như vậy, mà chẳng có sanh tâm chấp đắm.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 67



Phẩm Thứ Bốn Mười Lăm (TIẾP THEO)



Văn Trì (tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Chư Bồ tát thành tựu đại công đức, vì hết thấy chúng sanh mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, để được Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn! Chư Bồ tát phải tu tập như thế nào để được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng thấy sắc tướng tăng hay giảm, chẳng thấy thọ tướng, tưởng tướng, hành tướng, thức tướng tăng hay giảm... dẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí tướng tăng hay giảm, thì như vậy gọi là Bồ tát tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi tu tập Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy có thị pháp và phi pháp; chẳng thấy có quá khứ pháp, hiện tại pháp và vị lai pháp; chẳng thấy có thiện pháp, bất thiện pháp và vô ký pháp; chẳng thấy có hữu vi pháp và vô vi pháp; chẳng thấy có cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc; chẳng thấy có 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến chẳng thấy có Nhất thiết chủng trí. Như vậy gọi là Bồ tát tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Vì các pháp đều là vô tướng (chẳng có tướng) là

không, là hư vọng, chẳng bền chắc, nên là chẳng có tri giả (người biết) và chẳng có thọ giả (người thọ) vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Lời dạy của Thế Tôn thật là bất khả tư nghì (chẳng thể nghĩ bàn).

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc bất khả tư nghì, nên lời Phật nói ra bất khả tư nghì.

Vì thọ, tưởng, hành, thức bất khả tư nghì... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghì, nên lời Phật nói ra bất khả tư nghì.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát biết sắc bất khả tư nghì, biết thọ, tưởng, hành, thức bất khả tư nghì... dẫn đến biết Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghì, mà lại trú trong bất khả tư nghì, thì như vậy là Bồ tát chẳng tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Ai là người tín giải được thậm Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát nào, đã từ lâu đời, thường tu 6 pháp Ba-la-mật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức, thì mới có thể tín giải thậm Bát nhã Ba-la-mật được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát đã từ lâu đời, thường tu 6 pháp Ba-la-mật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là Bồ tát chẳng phân biệt sắc, sắc tướng và sắc tánh... dẫn đến chẳng phân biệt Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tướng và Nhất thiết chủng trí tánh.

Vì sao? Vì sắc bất khả tư nghi... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghi vậy.

Như vậy gọi là Bồ tát, đã từ lâu đời, thường tu tập 6 pháp Ba-la-mật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sắc thậm thâm, nên Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm. Vì thọ, tưởng, hành, thức thậm thâm... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí thậm thâm, nên Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo. Ở nơi đây có đủ 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, 18 bất cộng pháp... dẫn đến Nhất thiết chủng trí. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là kho chứa đầy đủ các bảo vật.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là kho báu thanh tịnh.

Vì sao? Vì sắc thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật là kho báu thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật là kho báu thanh tịnh vậy.

LUẬN:

Ở đoạn kinh trên đây có nói đến “Bồ tát thành tựu đại công đức”. Đây là nói Bồ tát tự tu tập các công đức, và cũng dạy người khác tu tập các công đức. Bồ tát hành Bồ tát đạo để giáo hóa hết thấy chúng sanh, chẳng có phân biệt thân sơ, chẳng có mong cầu danh lợi. Bồ tát, vì hết thấy chúng sanh, mà cần khổ tu tập 6 pháp Ba-la-mật, để được Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy gọi là Bồ tát thành tựu đại công đức.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Bồ tát phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật như thế nào để được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật là chẳng thấy sắc tướng... dẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí tướng tăng hay giảm.

Bồ tát tuy đã được thập địa, đã tọa đạo tràng, đã được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, mà vẫn xem đó chỉ là như mộng, như huyễn. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều chẳng có tăng giảm, đều là không vậy.

Lại nữa, ở nơi hết thấy các pháp, Bồ tát chẳng có khởi phân biệt “thị-phi”. Ví như nước từ trăm dòng sông chảy về biển, đều hòa đồng với nhau, đều trở thành cùng một vị cả.

Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng thấy có pháp quá khứ, hiện tại hay vị lai, chẳng thấy có pháp thiện, bất thiện hay vô ký, chẳng thấy có 3 cõi, chẳng thấy có 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến chẳng thấy có Nhất thiết chủng trí, mới gọi là tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều bình đẳng; ở nơi thật tướng, thì hết thấy các pháp, dù là hữu vi, dù là vô vi, đều chẳng phải là thường pháp, chẳng phải là thật pháp, đều chẳng kiên cố vậy.

Lại nữa, thọ mạng của chúng sanh cũng là không. Vì sao? Vì nếu đã chấp có mạng căn, thì là có ngã tướng, mà ngã và chúng sanh đều không, nên thọ mạng cũng là không vậy. Chúng sanh đã là không, thì khổ lạc cũng đều là không. Như vậy là chẳng có người biết khổ lạc, chẳng có người thọ khổ lạc. Dẫn đến hết thấy các pháp đều là không, nên chẳng có người biết pháp, chẳng có người thọ pháp, tức là chẳng có tri giả, chẳng có thọ giả vậy.

Quán pháp không, quán chúng sanh không như vậy mới được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề vô cùng hoan hỷ, bạch Phật rằng: Lời Phật dạy thật là bất khả tư nghì.

Phật dạy: Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghì nên lời Phật nói ra bất khả tư nghì vậy. Vì sao? Vì nhân và quả bình đẳng, đồng nhất.

Bồ tát biết rõ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghì mà chẳng trú trong bất khả tư nghì đó, mới là tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật. Trái lại, nếu Bồ tát còn trú trong bất khả tư nghì đó, là còn chấp tướng, nên chẳng tu tập được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề thấy trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn có chỗ y chi, tựa như biển rộng mênh mông, nên lại bạch Phật: Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm như vậy, thì ai là người có thể tin giải được Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ tát nào, đã từ lâu đời, thường tu 6 pháp Ba-la-mật, thường gieo trồng thiện căn, thường thân cận tri thức, mới có thể tin giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Vì ở phẩm trước có nói đến trường hợp Bồ tát sơ phát tâm cũng có thể tin giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật, nên ngài Tu Bồ Đề lại bạch Phật rằng: Thế nào là Bồ tát, đã từ lâu đời, thường tu 6 pháp Ba-la-mật thường gieo trồng thiện căn, thường thân cận thiện tri thức.

Phật dạy: Đó là Bồ tát chẳng phân biệt sắc, sắc tướng và sắc tánh... dẫn đến chẳng phân biệt Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tướng và Nhất thiết chủng trí tánh.

Ý của lời kinh như sau:

- Chẳng phân biệt “sắc” có nghĩa là chẳng phân biệt 4 đại và 4 đại tạo sắc.

- Chẳng phân biệt “sắc tướng” có nghĩa là chẳng phân biệt sắc thấy được, sắc nghe được, sắc xấu hay tốt, sắc dài hay ngắn, sắc nhỏ hay lớn, sắc thường hay vô thường, sắc khổ hay lạc v.v...

- Chẳng phân biệt “sắc tánh” có nghĩa là chẳng thấy sắc là thường pháp. Ví như chẳng phân biệt đất có tánh cứng, lửa có tánh nóng v.v...

Vì sao? Vì “sắc tánh” rốt ráo không.

Dẫn đến Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tướng và Nhất thiết chủng trí tánh cũng là như vậy.

Bồ tát biết rõ “pháp tánh” rốt ráo không, nên khi hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng phân biệt “pháp tánh”. Do chẳng phân biệt “pháp tánh”, nên Bồ tát chẳng hoại “pháp”, chẳng hoại “pháp tướng” vậy.

Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng phân biệt pháp, pháp tướng và pháp tánh là đã tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, đã biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không, đều là bất khả tư nghì.

Thế nên, nếu có Bồ tát nào, dù nay chỉ mới sơ phát tâm, chỉ mới tu tập trong thời gian ngắn, mà đã hành được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì phải nên biết rằng, ở trong quá khứ, vị Bồ tát đó đã từ lâu thường tu tập 6 pháp Ba-la-

mật, thường gieo trồng thiện căn, thường thân cận chư thiện tri thức rồi vậy.

Đây là lý do vì sao ngài Tu Bồ Đề thưa hỏi Phật như trên đây.

Hỏi: *Đất có tướng cứng. Nay vì sao lại nói đất có tánh cứng?*

Đáp: Cứng là tánh của đất, nhưng tánh cứng được hiển lộ ở nhiều tướng khác nhau. Như vậy, do nhiều tướng cứng nhóm hợp lại mà tánh cứng mới được hình thành vậy.

Tương tự như vậy, người sân thường biểu lộ tánh sân của mình bằng nhiều tướng sân khác nhau, ở nơi thân, khẩu và ý.

Nên biết rằng:

- Có trường hợp “tánh” và “tướng” khác nhau. Ví như khi thấy khói, thì ta biết có lửa. Nhưng khói chỉ là tướng của lửa, chẳng phải là tánh của lửa.

- Có trường hợp “tánh” và “tướng” chẳng có khác nhau. Ví như “nóng” vừa là tướng của lửa, vừa là tánh của lửa.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nghe Bát nhã Ba-la-mật được thấm nhuần lợi ích, nên đã bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sắc thậm thâm... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thậm thâm, nên Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm. Hết thấy các pháp đều là thậm thâm tướng.

Ngài lại bạch Phật tiếp: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo. Ở nơi đây có đầy đủ 4 quả Thanh Văn... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề; Bát nhã Ba-la-mật có công năng tiêu trừ hết thấy các phiền não, thành tựu đầy đủ các hạnh nguyện... dẫn đến thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Đoạn kinh trên đây nói lên sự tư duy của ngài Tu Bồ Đề, và sự tôn kính của ngài đối với thâm Bát nhã Ba-la-mật:

- Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo, vì ở nơi đây, sắc rất ráo thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều rất ráo thanh tịnh cả.

- Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo, vì khi vào được trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng còn có các tà hạnh, chẳng còn có các lỗi lầm, là vào nơi rất ráo không, rất ráo bất khả tư nghì, mà chẳng có trú trong bất khả tư nghì vậy.

- Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo, vì có công năng thành tựu hết thảy các nguyện của chúng sanh, khiến chúng sanh ở đời này được nhiều lợi ích, và ở đời sau được an lạc ở Niết bàn... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Bát nhã Ba-la-mật là rất ráo thanh tịnh, ví như ngọc “như ý bảo châu” trong suốt, chẳng có tí vết, ví như “hư không” chẳng dính bụi trần. Chỉ có những chúng sanh mê muội, chẳng thấy được giá trị của vi diệu trân bảo này mà thôi vậy.

-o0o-

KINH:

Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ thay! Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh như vậy, mà vì sao cũng vẫn có nhiều lưu nạn?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật có rất nhiều lưu nạn. Bởi vậy nên thiện nam, thiện nữ nào muốn biên chép Bát nhã Ba-la-mật, thì phải nên biên chép ngay; muốn đọc tụng, tư duy, giảng nói... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-

la-mật, thì phải nên làm ngay, chớ nên để cho các lưu nạn phát khởi.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào nguyện viết chép Bát nhã Ba-la-mật trong thời gian 1 tháng, hoặc 2, 3, 4... tháng,... dẫn đến trong thời gian 1 năm, thì phải nên siêng năng tinh tấn thành tựu ý nguyện. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là kho chứa nhiều trân bảo, nên cũng có nhiều lưu nạn phát khởi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật này có rất nhiều ác ma muốn gây lưu nạn, khiến người muốn biên chép, đọc tụng, tư duy, giảng nói... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật rất khó có thể thành tựu được ý nguyện.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Dù ác ma có muốn gây lưu nạn, nhằm ngăn chặn sự biên chép, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nhưng vẫn chẳng sao có thể phá hoại được quyết tâm của Bồ tát.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do lực nào mà các ác ma chẳng có thể gây lưu nạn đối với Bồ tát biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Đó là do Phật lực khiến các ác ma chẳng có thể gây lưu nạn đối với Bồ tát biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Này Xá Lợi Phất! Do có thần lực của chư Phật 10 phương thường hộ niệm Bồ tát biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên các ác ma chẳng có thể gây lưu nạn được.

Này Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ đó phải nghĩ

rằng: Các sự việc ta đang biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật đều do thần lực của chư Phật 10 phương.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy đã được chư Phật 10 phương hộ niệm.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Xá Lợi Phất! Nhờ có Phật lực gia bị, nên thiện nam, thiện nữ ấy mới có thể biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hiện tại, vô lượng vô biên các đức Phật khắp 10 phương đều thấy biết thiện nam, thiện nữ này đang biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Xá Lợi Phất! Hiện tại, ở trong khắp 10 phương, chư Phật đều thấy biết thiện nam, thiện nữ ấy đang biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo mà biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy chẳng bao lâu nữa sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật thì phải biết người ấy, ở nơi thậm thâm pháp này đã có thâm tín giải; người ấy cũng đã thường cung kính, cúng dường, tôn trọng thâm pháp này vậy. Chư Phật trong khắp 10 phương dùng Phật nhãn thấy

biết thiện nam, thiện nữ đang biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, khiến người ấy được đại lợi ích, đại quả báo vậy.

Này Xá Lợi Phất! Do công đức cung kính, cúng dường, tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật, mà người ấy chẳng đọa vào 3 đường ác, dẫn đến được bất thối chuyển địa, trọn chẳng xa rời chư Phật.

Này Xá Lợi Phất! Do nhân duyên huân tập căn lành như vậy, mà mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề người ấy trọn chẳng xả ly nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, trọn chẳng xả ly 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, trọn chẳng xả ly 10 Phật lực... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề vậy.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề nói đến việc các ác ma thường hay gây lưu nạn nhằm phá hoại Bát nhã Ba-la-mật.

Phật ấn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề, và dạy thêm: Thiện nam, thiện nữ nào muốn biên chép kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật, thì phải nên biên chép ngay; muốn thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng phải nên làm ngay.

Vì sao? Vì pháp hữu vi là vô thường, là hủy hoại, chẳng thể tin được. Nếu chẳng có siêng năng, tinh tấn, thì khi vô thường đến, sắc thân có thể bị hủy hoại bất cứ vào lúc nào, khiến chẳng có thể thành tựu được ý nguyện vậy.

Lại nữa, đức Phật Thích Ca Mâu Ni ứng hiện trong “đời ác 5 trược”, nên các ác ma tìm mọi cách để gây ra các lưu nạn. Cho nên, nếu phải viết chép kinh trong thời gian 1 tháng, 2, 3, 4... tháng dẫn đến 1 năm, hoặc lâu hơn nữa, thì phải siêng

năng, tinh tấn thực hiện ngay ý nguyện, chớ để cho các lưu nạn có thể xảy đến.

Ví như trong thế gian ở nơi nào có nhiều cửa báu, thì thường bị các giặc cướp rình rập để đánh cắp. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo, nên các ác ma thường quấy phá, gây ra các lưu nạn.

Ác ma gây lưu nạn dưới nhiều hình thức khác nhau, như:

- Khiến người tu hành phải chịu cảnh đói khát, thiếu thốn, gây cản trở cho việc biên chép, thọ trì, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

- Nhập vào người tu hành để làm não loạn thân tâm, như bị bệnh tật, gặp cảnh ưu sầu, khổ đau v.v... gây cản trở cho việc biên chép, thọ trì, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

- Gây sự bất hòa hợp giữa thầy và trò, tạo cảnh người nghe pháp vạch tội lỗi của Pháp sư ngay giữa đại chúng, cản trở việc thuyết pháp và thính pháp.

Các ác ma còn hiện thân thiện tri thức, thân sa môn... khuyên người tu hành chớ nên biên chép, thọ trì, chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, như nói:

- Dù có trì giới, có tinh tấn, mà độn căn, thì cũng chẳng sao có thể hiểu được thâm Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy có nghe Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có lợi ích gì cả.

- Bát nhã Ba-la-mật diệt hết thầy các pháp, khiến chẳng còn có chỗ hành xử, người tu Bát nhã Ba-la-mật chỉ ví như người ở trần gian mà tự cho mình mặc áo tiên. Như vậy biên chép, thọ trì, tu tập Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có lợi ích gì cả.

- Bát nhã Ba-la-mật là không, là vô sở hữu, nên cũng chẳng cần biết đến tội phước, chẳng cần có đạo lý gì nữa cả.

- Bát nhã Ba-la-mật là không, chớ nên hành Bát nhã Ba-la-mật, mà hãy nên thủ chấp Niết bàn.

v.v...

Các sự việc như vậy đều do ác ma gây ra để phá hoại tâm của người cầu Phật đạo.

Các người mới phát tâm Bồ tát, khi nghe các sự việc như vậy, liền sanh tâm sợ hãi, tự nghĩ rằng: Ma Vương là chủ cõi Dục, có oai lực rất lớn. Như vậy, ta làm sao có thể hành Bát nhã Ba-la-mật mà đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Để giải nghi cho đại chúng, Phật dạy: Ác ma rất muốn gây lưu nạn nhằm ngăn chặn sự biên chép, đọc tụng, tư duy, giảng nói... dẫn đến chánh ức niệm tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nhưng vẫn chẳng sao có thể phá hoại được quyết tâm của Bồ tát.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là đại trí huệ, nên có thể lực rất lớn, thắng được hết thầy các ma sự, vô thường và hư vọng vậy. Vì đại sự thắng các tiểu sự, ví như: Hạnh ly dục thắng lòng tham dục, từ bi thắng sân nhuế, trí huệ thắng ngu si v.v...

Bồ tát, tuy chưa được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, nhưng đã có được khí phần Bát nhã Ba-la-mật, nên các ác ma chẳng có thể phá hoại được vậy.

-o0o-

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Do lực nào mà các ác ma chẳng có thể gây lưu nạn đối với Bồ tát biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Đó là do Phật lực, khiến các ác ma chẳng có thể gây lưu nạn được.

Vì sao? Vì có ác nơi ma, thì có thiện nơi Phật để đối trị, có đại uế trước nơi ma, thì có đại thanh tịnh nơi Phật để đối trị; có lưu nạn nơi ma, thì có đại thông đạt nơi Phật để đối trị vậy.

Nếu có người nào, vì chúng sanh, phát tâm biên chép, tư duy... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì người ấy được các đức Phật trong khắp 10 phương, như đức Phật A Súc Bệ, đức Phật A Di Đà... thường hộ niệm. Lại cũng có các ác tặc, sau khi đã hồi tâm, trở lại tán trợ. Bởi vậy nên các ác ma, dù có muốn phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, cũng chẳng sao thực hiện được ý đồ vậy.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất lại nói về chư Phật trong khắp 10 phương đều thấy biết người biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Phật ẩn chứng lời nói của ngài Xá Lợi Phất, và dạy thêm: Hiện tại ở trong khắp 10 phương, chư Phật đều dùng Phật nhãn thấy biết người đang biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Phải biết người ấy đã thâm tín giải Bát nhã Ba-la-mật, đã thường cung kính, cúng dường thậm thâm pháp này. Do thành tựu các công đức như vậy, nên các ác ma chẳng sao phá hoại được.

Hỏi: Trước đây thường chỉ nói đến thiên nhãn. Nay vì sao lại nói đến Phật nhãn?

Đáp: Ở đây, nên phân biệt có 2 trường hợp dùng thiên nhãn. Đó là:

- Thiên nhãn nhiếp trong Phật nhãn.
- Thiên nhãn chẳng có nhiếp trong Phật nhãn.

Nếu dùng thiên nhãn chẳng có nhiếp trong Phật nhãn, thì chỉ thấy được chúng sanh ở hiện tiền, và thấy có hạn lượng.

Nếu dùng Thiên nhãn nhiếp trong Phật nhãn, thì thấy được chúng sanh ở cả 3 đời, và thấy vô hạn lượng.

Ngoài ra còn có pháp nhãn nhiếp trong Phật nhãn. Dùng pháp nhãn nhiếp trong Phật nhãn sẽ thấy rõ được hết thấy các tướng pháp.

Lại có huệ nhãn nhiếp trong Phật nhãn. Dùng huệ nhãn nhiếp trong Phật nhãn sẽ thấy các pháp đều là rốt ráo không.

Hỏi: *Thiên nhãn nhiếp trong Phật nhãn là thật hay chỉ là hư vọng?*

Đáp: Thiên nhãn nhiếp trong Phật nhãn thấy được chúng sanh thành tựu Niết bàn, nhưng vẫn biết rõ chúng sanh là không, là hư vọng. Đây chẳng phải là sự thấy biết như hàng phàm phu.

Vì sao? Vì do phàm phu chấp tướng, nên Phật nói pháp tướng là hư vọng, nhằm phá sự lầm chấp của phàm phu vậy.

Hỏi: *Vì sao chẳng có dùng huệ nhãn nhiếp trong Phật nhãn để quán chúng sanh?*

Đáp: Huệ nhãn là vô tướng, nên thường tương ưng với 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”. Bởi vậy nên chẳng cần phải dùng huệ nhãn để quán chúng sanh, vì chúng sanh do 5 ấm hòa hợp đã là giả danh, là hư vọng rồi vậy.

Ví như đối với đứa trẻ ngỗ nghịch, ta chỉ cần dùng những hình phạt nhẹ để răn dạy, chẳng cần phải dùng đến những hình phạt nặng.

Nơi đây, ý nói rằng, đối với đa số chúng sanh, Bồ tát phải ở nơi Thế Đế mà hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng phải ở nơi Đệ Nhất Nghĩa Đế.

Hỏi: *Vị lai chưa đến. Dùng trí để tư duy về vị lai còn khó thay, làm sao có thể thấy các sự việc ở vị lai được?*

Đáp: Quá khứ đã qua, nhưng các tâm sở pháp vẫn còn lưu tồn, vẫn còn tác niệm, khiến có thể nhớ nghĩ được các việc quá khứ.

Các bậc Thánh đã có “túc mạng thông”, nên dù chúng sanh chưa có khởi niệm, mà các ngài đã có thể thấy, có thể biết được sự hiện hạnh của các chúng từ ẩn kín ở trong tâm của họ vậy.

Khi vào được trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì 3 thời đều đồng nhất, vô phân biệt. Bởi vậy nên khi đã nhận chân được hiện tại rồi, thì đồng thời cũng nhận chân được quá khứ và vị lai vậy.

Hỏi: *Vào thời “mạt pháp” chúng sanh ở phương này chưa diệt tận các kiết sử hữu lậu, còn mang nhiều tội ác. Như vậy, vì sao nói lúc bấy giờ Phật dùng Phật nhãn hộ niệm cho những chúng sanh thâm tín Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Phật trải rộng tâm từ bi, thương xót hết thảy chúng sanh và chur Bồ tát thâm nguyện vì hết thảy chúng sanh mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật quán, vào thời “mạt pháp” uế trược sau khi Phật nhập Niết bàn rồi, thì ở phương này những chúng sanh ở biên địa bị 3 độc hoành hành, khiến chẳng còn tin tội phước nhân duyên, tương tục khởi đao binh, sát hại lẫn nhau. Vào thời bấy giờ các bậc Thánh Hiền

rất hiếm; số chúng sanh đọc tụng kinh điển phát tâm cầu Vô Thượng đạo cũng gặp rất nhiều trở ngại, chẳng phải như khi Phật còn tại thế.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật mới dùng Phật nhãn để hộ niệm cho những chúng sanh nào tín giải được Bát nhã Ba-la-mật. Những chúng sanh nào dùng hoa hương cúng dường Bát nhã Ba-la-mật cũng được Phật hộ niệm, khiến họ được đại lợi ích, chẳng còn có thọ ác báo nữa.

-o0o-

Những chúng sanh nào đã thâm tín giải Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng những chẳng còn bị đọa vào 3 đường ác, mà còn tinh tấn niệm Phật tam muội, vào Bồ tát vị, giáo hóa chúng sanh, trọn chẳng ly các đức Phật.

Những chúng sanh nào thâm ái thiện pháp, mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật mới được chư Phật dùng Phật nhãn hộ niệm, mới được đại quả báo ở đời này và cả ở đời sau.

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Phật thị hiện xuất thế ở phương Đông. Sau khi Phật nhập diệt, thâm Bát nhã Ba-la-mật này sẽ được truyền đến các cõi nước ở phương Nam. Ở nơi đây, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di sẽ biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật này.

Bởi nhân duyên vậy, mà bốn chúng ở nơi đây chẳng đọa vào 3 đường ác, được hưởng thọ phước báo cõi Trời và cõi người, được tăng ích 6 pháp Ba-la-mật, thường cung kính, cúng dường, tán thán chư Phật, thành tựu

được Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa... dẫn đến Phật thừa.

Này Xá Lợi Phất! Thâm Bát nhã Ba-la-mật này lại được truyền từ phương Nam đến phương Tây, từ phương Tây sẽ được truyền đến phương Bắc. Ở các nơi đây, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di sẽ biên chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, ... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thậm thâm pháp này.

Bởi nhân duyên vậy, mà 4 chúng ở các nơi đó chẳng đọa vào 3 đường ác, được hưởng thọ phước báo cõi Trời và cõi người, được tặng ích 6 pháp Ba-la-mật, thường cung kính, cúng dường, tán thán chư Phật, thành tựu được Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa... dẫn đến Phật thừa.

Này Xá Lợi Phất! Ở phương Bắc, thâm Bát nhã Ba-la-mật này sẽ hiển bày Phật sự, và sẽ rất hưng thịnh. Vì sao? Vì là thời kỳ pháp của ta thịnh. Nên chẳng có tướng hoại diệt.

Này Xá Lợi Phất! Ta sẽ hộ niệm cho các thiện nam, thiện nữ nào thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật. Ta cũng sẽ hộ niệm cho các thiện nam, thiện nữ nào biên chép, cung kính, cúng dường, tán thán thậm thâm pháp này.

Này Xá Lợi Phất! Do nhân duyên gieo trồng căn lành như vậy, mà các thiện nam, thiện nữ ấy chẳng đọa vào 3 đường ác, được hưởng phước báo ở cõi Trời và cõi người, tặng ích 6 pháp Ba-la-mật, thường cung kính, cúng dường, tán thán chư Phật, thành tựu được Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa... dẫn đến Phật thừa vậy.

Này Xá Lợi Phất! Ta sẽ dùng Phật nhãn quán sát các người ấy, tán thán các người ấy. Đồng thời, vô lượng vô

biên chư Phật ở trong khắp 10 phương cũng dùng Phật nhãn quán sát các người ấy, tán thán các người ấy vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Về sau này, thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ rất hưng thịnh ở phương Bắc chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Xá Lợi Phất! Về sau này, thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ rất hưng thịnh ở phương Bắc. Vì sao? Vì ở nơi đây có những thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo nghe được thâm Bát nhã Ba-la-mật liền thọ trì, đọc tụng, ... dẫn đến chánh ức niệm, đúng như pháp mà tu tập. Phải biết các thiện nam, thiện nữ đó từ lâu đã phát tâm Đại thừa, đã cúng dường nhiều đức Phật, đã gieo trồng nhiều thiện căn, đã thân cận nhiều bậc thiện tri thức vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Về sau này, ở phương Bắc, có bao nhiêu thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, mà phát tâm biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Về sau này, ở phương Bắc, tuy có rất nhiều thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, nhưng có rất ít người nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ. Vì sao? Vì số ít người nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, phải là người đã từ lâu thân cận, cúng dường nhiều đức Phật, đã được học hỏi nhiều nơi các đức Phật, đã đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đã đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến đã đầy đủ 18 bất cộng pháp.

Này Xá Lợi Phất! Các thiện nam, thiện nữ ấy đã thuận thực thiện căn; vì Vô Thượng Bồ Đề, mà làm lợi ích cho chúng sanh.

Nay, ta vì các thiện nam, thiện nữ này thuyết về pháp “Nhất thiết chủng trí”. Cũng như chư Phật trong quá khứ vì các thiện nam, thiện nữ ấy thuyết về pháp “Nhất thiết chủng trí”.

Bởi nhân duyên vậy, nên ở đời sau các người ấy vẫn tiếp nối được Vô Thượng Bồ Đề, và vì người khác thuyết về Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Các thiện nam, thiện nữ ấy thường nhất tâm hòa hợp, hàng phục được các ma, khiến ma vương và ma dân... dẫn đến các người có ác tâm chẳng có thể phá hoại Vô Thượng Bồ Đề tâm của họ được.

Này Xá Lợi Phất! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Bồ tát đạo, khi nghe được thâm Bát nhã Ba-la-mật này, mà được đại pháp hỷ, đại pháp lạc, thì người ấy cũng khiến cho nhiều người khác gieo trồng được thiện căn nơi Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Phật thị hiện đản sanh ở phương Đông. Nơi đây, sau khi thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật để hàng phục chúng ma và ngoại đạo, cùng độ vô lượng chúng sanh, Phật đến nước Câu Di Ma Kiệt, giữa 2 cây Tha La Song Thọ, thị hiện nhập Niết bàn.

Sau đó, Bát nhã Ba-la-mật được truyền đến phương Nam, phương Tây, rồi phương Bắc, độ vô lượng chúng sanh, ở các nước vây quanh núi Tu Di, trong cõi Diêm Phù Đề.

Đoạn kinh trên đây nói về Bát nhã Ba-la-mật truyền từ phương Đông, đến phương Nam, phương Tây, rồi phương Bắc. Đây chỉ là phương tiện để nói về “vô định xứ”. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu vậy.

Ở nơi đâu cũng có các chúng sanh biên chép, thọ trì, đọc

tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Những chúng sanh này đều hưởng thọ được quả báo phước lạc ở cõi Trời và cõi người.

Phật lại dạy: Ở phương Bắc, thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ hiển bày Phật sự và sẽ rất hưng thịnh.

Đây là nhân duyên nói khi Phật còn tại thế, cũng như thời gian 500 năm sau khi Phật diệt độ, nhiếp vào thời kỳ “Chánh Pháp”. Vào thời kỳ này Phật pháp hưng thịnh, nên chẳng có tướng hoại diệt. Thế nhưng, quá 500 năm sau khi Phật diệt độ, thì Chánh Pháp dần dần bị hoại diệt, khiến cho Phật sự rất khó được tác thành.

Vào lúc bấy giờ, nếu có người lợi căn tinh tấn biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, như thuyết tu tập Bát nhã Ba-la-mật, hoặc có người, tuy độn căn, mà thường tinh tấn dùng hương hoa cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết 2 hạng người này, vào thời vị lai, sẽ được độ.

Bởi vậy nên Phật dạy: Ta cũng như Phật khắp 10 phương đều dùng Phật nhãn hộ niệm và tán thán các người ấy.

Hỏi: *Vì sao trong kinh nói thâm Bát nhã Ba-la-mật được hưng thịnh ở phương Bắc?*

Đáp: Vì ở trong cõi Diêm Phù Đề thì phương Bắc có đất đai rộng rãi, có núi tuyết. Ở trên núi tuyết có rất nhiều loại dược thảo, tiêu trừ được các chất độc. Lại nữa, ở nơi đây, chúng sanh được tâm nhu nhuyễn, thiện căn thuần thực.

Bởi vậy nên ở phương Bắc có nhiều chúng sanh hành Bát nhã Ba-la-mật. Các người này, khi nghe Bát nhã Ba-la-mật liền biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, và như thuyết tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Phải biết rằng

các chúng sanh ấy đã từ lâu đời phát tâm Đại thừa, đã cúng dường chư Phật, đã gieo trồng thiện căn, đã thân cận chư thiện tri thức, nên ở trong “đời ác 5 trước” này mà vẫn tinh tấn biên chép, thọ trì, ... dẫn đến chánh ức niệm, như thuyết tu tập Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Hỏi: *Ở phương Bắc số người cầu Phật đạo, mà phát tâm biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật có nhiều chăng?*

Đáp: Phật dạy: Thâm Bát nhã Ba-la-mật rất khó biết, khó hành, bởi vậy nên, tuy có rất nhiều người cầu Phật đạo, mà rất ít người nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

Nếu có người nào nghe Bát nhã Ba-la-mật, liền được tâm thông đạt, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết người ấy, ở trong vô lượng kiếp, đã thấy các đức Phật, đã cung kính, cúng dường các đức Phật, và cũng đã thường thưa hỏi các đức Phật, mong được giải nghi cho mình, mong được tín giải những yếu pháp mà mình chưa rõ về cách tu hành Bát nhã Ba-la-mật.

Người thưa hỏi được như vậy là người đã được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, đầy đủ 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp; đã thành tựu đầy đủ các phước đức đem lại lợi ích cho chúng sanh; đã từng sanh trong các đại gia, đại tộc; đã từng tự mình hành bố thí và dạy người hành bố thí; đã từng khiến cho vô lượng chúng sanh xuất gia, thọ giới, phát Vô Thượng Bồ Đề.

Theo đây, Phật dạy: Người ấy đã đầy đủ các nhân duyên thân cận chư Phật, tiếp nối được Vô Thượng Bồ Đề, và giáo hóa chúng sanh khiến họ phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Người như vậy ví như ngọn đèn đã được thắp sáng có thể dùng để châm môi cho các ngọn đèn khác, cũng được thắp sáng theo.

Người như vậy đã gần diệt sạch phiền não, chẳng còn xan tham, tật đố, sân si... dấy khởi, nên thường giữ được tâm hòa hợp, khiến các loài ma chẳng sao có thể phá hoại được.

Vì sao? Vì có phạm lỗi lầm, thì ma mới tìm được chỗ tiện lợi để phá hoại. Ví như nếu thân người có các chỗ lở loét, thì các độc trùng mới có thể xâm nhập vào để phá hoại được vậy.

Lại nữa, do từ vô lượng kiếp trước đến nay đã thâm ái Phật pháp, đã đầy đủ tín lực và huệ lực, nên nay vừa được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, người ấy liền thành tựu được đại bi, đại trí, đại từ, liền vào được Bát nhã Ba-la-mật, liền nhất tâm hành bố thí, trì giới, nhất tâm gieo trồng các thiện căn dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Người này, vì cầu Vô Thượng Bồ Đề, mà giáo hóa chúng sanh, khiến thiện căn công đức càng thêm tăng trưởng.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Các thiện nam, thiện nữ này, từ trước, đã thọ trì Bát nhã Ba-la-mật, đã hành Bồ tát đạo, đã phát nguyện rộng độ chúng sanh, khiến cho họ phát Vô Thượng Bồ Đề tâm... dẫn đến được bất thối chuyển địa, được thọ ký.

Ta biết rõ tâm nguyện của các thiện nam, thiện nữ ấy, nên đã tùy hỷ. Chư Phật quá khứ cũng biết rõ tâm niệm của thiện nam, thiện nữ ấy, và cũng đã tùy hỷ.

Này Xá Lợi Phát! Các thiện nam, thiện nữ ấy, vì đại tâm, nên dù thọ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà vẫn hành được đại pháp sự như hành đại bố thí, gieo trồng đại thiện căn, và được đại quả báo. Vì bản nguyện nhiếp độ chúng sanh, nên các thiện nam, thiện nữ ấy đã thọ thân người, nguyện xả bỏ hết tất cả các nội ngoại vật sở hữu của mình, để làm việc lợi ích cho chúng sanh.

Lại nữa, do nhân duyên trồng thiện căn như vậy, mà các thiện nam, thiện nữ ấy nguyện sanh về các thế giới khác, hiện có các đức Phật đang thuyết pháp, để giáo hóa trăm ngàn muôn ức chúng sanh, khiến họ phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Chẳng có pháp gì, dù ở quá khứ, ở hiện tại hay ở vị lai, mà Phật chẳng biết. Chẳng có tướng gì của chúng sanh mà Phật chẳng thấy. Chẳng có hạnh gì của chúng sanh mà Phật chẳng rõ.

Nay Phật lại dạy thêm: “Ở khắp 10 phương và trong cả 3 đời, có bao nhiêu đức Phật, bao nhiêu vị Bồ tát, bao nhiêu vị Thanh Văn Phật cũng đều biết rõ cả”.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ cầu 6 pháp Ba-la-mật, mà thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, như pháp tu hành sẽ đắc pháp hay chẳng đắc pháp?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Thiện nam, thiện nữ nào nhất tâm tinh tấn cầu 6 pháp Ba-la-mật, thì sẽ thấu triệt được ý nghĩa thâm diệu của 6 pháp Ba-la-mật và của các kinh điển vậy.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào tinh tấn hành 6 pháp Ba-la-mật như

vậy là hành đúng theo thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ nào tinh tấn hành 6 pháp Ba-la-mật như vậy là hành đúng theo thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ ấy, vì Vô Thượng Bồ Đề, mà thuyết pháp, giáo hóa, khai thị, làm lợi ích cho chúng sanh, khiến họ hoan hỷ... dẫn đến được an trú trong 6 pháp Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ ấy, chuyển sanh vào đời sau, cũng sẽ hành 6 pháp Ba-la-mật, đúng theo lời dạy trong kinh mà tinh tấn tu tập, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, chẳng hề ngưng nghỉ, mãi cho đến khi trở thành đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

LUẬN:

Phật dạy: Thiện nam, thiện nữ nào ở trước ta và trước các đức Phật quá khứ, đã lập thệ nguyện hành Bồ tát đạo, khiến cho vô lượng chúng sanh phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, rồi lại khai thị giáo hóa cho họ vào được bất thối chuyển địa và được thọ ký, thì ta cùng chư Phật quá khứ đều thấy biết, đều tán thán và tùy hỷ.

Thiện nam, thiện nữ ấy cũng biết là Phật đã thấu rõ tâm mình, nên tự niệm: Ở đời quá khứ, ta đã phát thệ nguyện hành Bồ tát đạo, thì đời nay ta cũng lại phải tinh tấn hành Bồ tát đạo vậy.

-o0o-

Nên biết, người ta phát đại tâm như vậy thường duyên hết thầy tâm chúng sanh, thường vui với 6 trần, mà khi tác

phước cũng như khi họ phước chẳng hề nhiễm chấp, chẳng hề nghi hối.

Vì sao? Vì nếu tâm còn chấp pháp, còn nghi hối, thì chỉ có thể hưởng được phước báo thế gian, chẳng có thể hồi hướng phước đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề được, khiến chẳng có thể giáo hóa chúng sanh được. Vì nghiệp tội nhân duyên ấy mà các căn dần dần trở thành ám độn.

Lại nữa, có người dù chưa được đạo thanh tịnh, nhưng do nhân duyên đời trước đã có gieo trồng thiện căn, nên đời nay được hưởng dục lạc. Hạng người này thường chỉ muốn tận hưởng dục lạc, hoặc chỉ muốn bố thí, cúng dường nhằm cầu phước đức mà thôi. Thế nhưng, nếu họ nghe được Phật pháp, thì dục tâm của họ liền dứt, và họ liền khởi bi tâm, thương xót chúng sanh... dẫn đến phát tâm cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ, vì tâm chẳng còn ái chấp nữa, nên người ấy sẵn sàng bố thí các nội ngoại vật sở hữu của mình, mà chẳng hề luyến tiếc. Khi đã đầy đủ trì giới, luật nghi, thì người ấy sẽ dùng đại từ bi tâm, hành các thiện pháp và dạy người khác hành các thiện pháp. Do các phước đức nhân duyên như vậy, nên người ấy chẳng còn cầu thế gian lạc, chẳng còn cầu giàu sang, phú quý, mà chỉ nguyện được vãng sanh về nước Phật, để được thấy Phật, được nghe pháp.

Nên biết, chư đại Bồ tát đã biết rõ thật tướng pháp, chẳng nhiễm duyên thế tục, chỉ muốn sanh về các nước Phật, ở trong 10 phương, để được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật. Thế nhưng, vì thương xót chúng sanh nên khi nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật rồi, các ngài lại phát đại nguyện khai hóa cho vô lượng chúng sanh phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có pháp gì, dù ở quá khứ, ở hiện tại hay ở vị lai, mà Phật chẳng biết. Chẳng có tướng gì của chúng sanh, mà Phật chẳng thấy. Chẳng có hạnh gì của chúng sanh, mà Phật chẳng rõ. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí của Phật có thể lực rất lớn, có thể lực bất khả tư nghì vậy.

Ngài lại bạch Phật tiếp: Đồng là người xuất gia cầu Bát nhã Ba-la-mật, nhưng vì sao có người đắc pháp, có người chẳng đắc pháp?

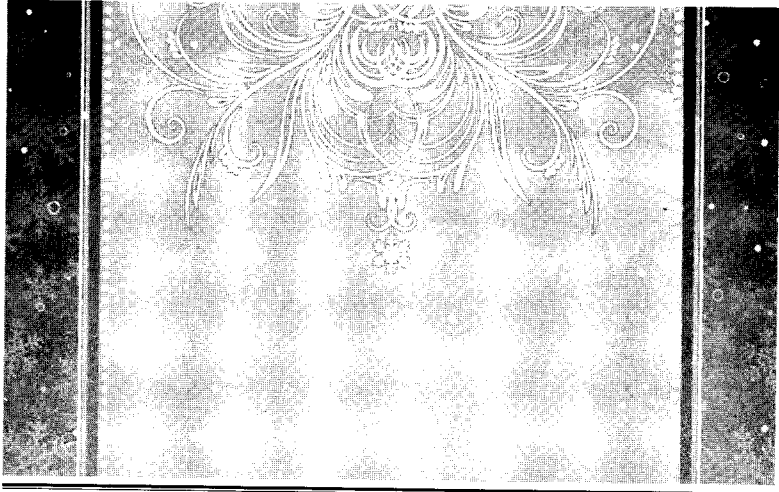
Phật dạy: Nếu Bồ tát nhất tâm cầu 6 pháp Ba-la-mật, phát đại tâm vì chúng sanh khai thị, giáo hóa họ, mà chẳng hề tiếc thân mạng mình, thì sẽ được chư Phật, chư đại Bồ tát, chư thiên ở khắp 10 phương hộ niệm. Như vậy gọi là Bồ tát đắc pháp.

-o0o-

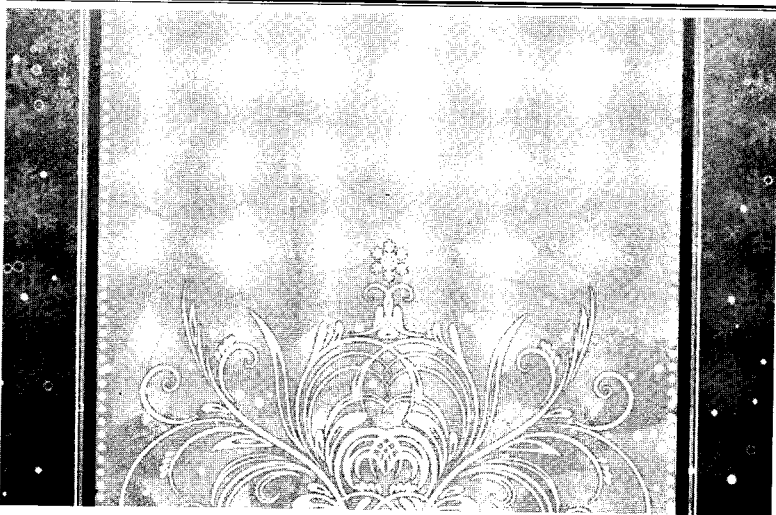
Ngài Xá Lợi Phát tự niệm rằng: Thế lực của ma rất lớn, nên khi Phật đã nhập diệt rồi, thì Bồ tát dù có tinh tấn tu hành, cũng rất khó vào được thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Thiện nam, thiện nữ nào muốn được Vô Thượng Bồ Đề, thì phải nhất tâm hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, lại phải vì chúng sanh thuyết giảng, khai thị, giáo hóa, khiến chúng sanh được an trú trong 6 Ba-la-mật. Đây là quả báo nhân duyên khai thị Phật đạo. Bởi vậy nên ở đời sau, người ấy cũng sẽ hành 6 pháp Ba-la-mật, đúng theo lời Phật dạy mà tinh tấn tu tập, chẳng hề ngưng nghỉ vậy.

(Hết quyển 67)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 68



Phẩm Thứ Bốn Mười Sáu



Ma Sự

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật tán thán công đức của các thiện nam, thiện nữ phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, hành 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Như vậy, vì sao cũng có những thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo mà còn gặp lưu nạn?

Phật dạy: Muốn thuyết pháp mà biện tài chẳng sanh, thì đó là ma sự của Bồ tát. Vì sao? Vì thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, nên khi thuyết pháp biện tài chẳng liền sanh. Phải biết, đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi đang thuyết pháp mà chợt khởi ý, thì đó là ma sự của Bồ tát. Vì sao? Vì thật hành 6 pháp Ba-la-mật mà lại chấp sự lạc thuyết, khiến biện tài liền mất. Phải biết, đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà tâm khởi khinh mạn, thì đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà đùa cợt, chẳng cung kính thì đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép kinh quyển Bát

nhã Ba-la-mật mà tâm tán loạn, chẳng an định thì đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà có các việc chẳng hòa hợp, thì đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà dấy niệm nghĩ rằng: “Mình chẳng hiểu được ý vị trong kinh” bèn bỏ đi, chẳng chép nữa, thì đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thọ trì, đọc tụng, giảng nói, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà khởi tâm khinh khi, ngạo mạn, thì đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà thân tướng chao động, đùa cợt, thì đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thọ trì, đọc tụng... dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà giữa những người đồng tu khởi tâm khinh miệt lẫn nhau, thì đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà tâm tán loạn, thì đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà tâm chẳng hòa hợp, thì đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, nếu thiện nam, thiện nữ nào tự niệm rằng: “Mình chẳng hiểu được ý vị trong kinh”, rồi liền bỏ đi, chẳng muốn biên chép Bát nhã Ba-la-mật nữa, thì đó là

ma sự của Bồ tát. Vì nhân duyên gì mà Bồ tát này chẳng hiểu được ý vị trong kinh, khiến phải bỏ đi?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Vì đời trước hành 6 pháp Ba-la-mật chưa được bao lâu, chưa có được công đức sâu dày, nên nay nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật liền nghĩ rằng: “Mình chẳng ghi nhận được gì”. Do nghĩ như vậy nên Bồ tát này chẳng được tâm thanh tịnh, rồi bèn đứng dậy bỏ đi.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì chẳng thọ ký cho hạng Bồ tát này?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Người chưa vào được pháp vị Bát nhã Ba-la-mật thì chưa được chư Phật thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, nay Tu Bồ Đề! Khi nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát này tự niệm rằng “vì sao danh vị của mình chẳng được đề cập đến?”. Do niệm như vậy mà Bồ tát này đứng dậy bỏ đi. Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà ở trong thâm Bát nhã Ba-la-mật chẳng có danh vị của hạng Bồ tát này?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Vì người chưa nhập pháp vị, chưa được thọ ký, thì chưa có được danh vị ở trong Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, khi nghe Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát này tự niệm rằng: “Vì sao danh vị của mình, xứ sở của mình chẳng được đề cập đến ở nơi đây?”. Do niệm như vậy mà Bồ tát này đứng dậy, bỏ ra đi. Phải biết rằng cứ mỗi lần khởi niệm như vậy là mất đi một kiếp tinh tấn cầu Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Hết thấy các pháp hữu vi đều có tăng, có giảm, có trái nhau. Do vậy mà có đối nghịch nhau, có nhiều hại lẫn nhau. Ví như nước có thể diệt được lửa, thế nhưng khi thế lửa tăng trưởng mạnh mẽ, thì lửa lại có thể diệt được nước. Dẫn đến súc vật, cây cỏ cũng nhiều hại nhau. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng sao tránh khỏi sự quấy nhiễu, bạo hành do chúng sanh gây ra.

Bồ tát tuy có đại bi tâm, chẳng cùng với chúng sanh gây oán thù, nhưng trái lại, vẫn có nhiều chúng sanh oán ghét Bồ tát. Vì sao? Vì Bồ tát thọ thân hữu vi, nên chẳng sao có thể tránh khỏi các lưu nạn do chúng sanh gây ra.

-o0o-

Trước đây Phật dạy rằng: Do công đức tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà Bồ tát được chư Phật, chư đại Bồ tát cũng như chư thiên thường hộ niệm.

Trước đây, Phật chưa có nói đến các trường hợp oán tặc, tác hại do chúng sanh gây ra để nhiều hại Bồ tát. Nay Phật thương xót chúng hội và ngài Tu Bồ Đề, nên đã rộng nói về các ma sự.

Nên biết, Phật giữ tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sanh. Thế nhưng vì Bồ tát phát nguyện làm các việc lợi ích cho chúng sanh, nên Phật cần phải chỉ bày rõ, phải phân biệt rõ các sự tương sai khác, như tốt và xấu, đạo và phi đạo, lợi và hại v.v... cùng nêu lên các lưu nạn có thể xảy ra trong quá trình hành Bồ tát đạo.

Do đã biết được các lưu nạn có thể xảy ra, nên Bồ tát có thể tự điều phục dễ dàng, giữ được tâm kiên cố, tinh tấn tu hành Bồ tát đạo để mau đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Hỏi: Vì sao người hành Bồ tát đạo vẫn còn bị lưu nạn?

Đáp: Bồ tát tuy đã phát tâm cầu Vô Thượng Đạo, tuy đã vượt ra ngoài tâm phàm phu, nhưng vẫn còn thọ sắc thân, nên chẳng sao tránh khỏi ách nạn, như bệnh hoạn, đói khát, nóng lạnh v.v... Bởi vậy nên các ma quỷ, các kẻ tà nghi, ác kiến, bất tín v.v... có được chỗ tiện lợi để gây tác hại, quấy phá Bồ tát.

Nói chung, tất cả những gì quấy nhiễu làm trở ngại quyết tâm tu hành Bồ tát đạo đều gọi là oán tặc của Bồ tát, đều là “ma” đến để quấy nhiễu Bồ tát cả.

Nên phân biệt có hai loại ma. Đó là:

- Nội ma: Tâm phân biệt các pháp, tâm chấp thế gian pháp, tâm ưu sầu nghĩ rằng mình chẳng được pháp vị v.v... là “nội ma”.

- Ngoại ma: Các nạn ác thú, độc trùng, cướp bóc, phi báng v.v... là “ngoại ma”.

-oOo-

Trong kinh có nói đến 4 loại ma. Đó là:

1) *Phiền não ma:*

Tất cả các phiền não đều gọi là “phiền não ma”.

2) *Ngũ âm ma:*

Do các phiền não, tập khí hòa hợp tạo thành các nghiệp báo nhân duyên, nên mới dẫn đến có thọ sắc thân.

Sắc thân do 4 đại hòa hợp tạo thành là hữu vi pháp, nên là vô thường, là khổ. Lại nữa, do 5 âm chi phối mà khởi sanh ra tham, sân, si cùng vô lượng các phiền não. Đây là do 6 căn giao tiếp với 6 trần dẫn sanh ra 6 thức, rồi 6 thức lại hòa hợp

với nhau, khởi sanh ra vô lượng thức vấy. Bởi vậy nên gọi là “ngũ âm ma”.

3) *Tử ma:*

Khi vô thường hiện khởi làm tán hoại 4 đại tạo ra sắc thân, phá vỡ sự tương tục của 5 âm thân, khiến mạng căn phải đoạn dứt, “hữu tình” phải chết. Đây là “tử ma”.

4) *Thiên ma:*

“Thiên ma” là tên dùng để gọi chung các loài ma ở trên cõi Trời.

Do còn các chủng nhân ưa thích thế gian lạc, ưa trú hữu sở đắc, nên thường sanh tâm tật đố, tà kiến đối với các bậc Thánh Hiền. Do có sức thần thông, biến hóa tự tại, nên các “thiên ma” thường làm ngăn trở sự thành tựu huệ mạng của chư Thánh Hiền.

Hỏi: Nói về “ngũ âm ma” là đã nhiếp trọn các loài ma rồi. Như vậy vì sao còn phân biệt 4 loại ma làm gì nữa?

Đáp: Thật ra chỉ cần nói “ngũ âm ma” là đầy đủ rồi.

Ví như: Do nhân duyên có 5 âm mà khởi sanh ra các phiền não nên mới nói “phiền não ma” nhiếp trong “ngũ âm ma”. Do nhân duyên có các phiền não như tham dục, sân nhuế... phá hoại thân tâm, đưa đến sự đoạn dứt của mạng căn, nên nói “tử ma” cũng nhiếp trong “ngũ âm ma”. Các loài “thiên ma”, do có thần thông, biến hóa thường đem tâm tật đố, tà kiến... đoạt huệ mạng của những bậc tu hành. Đó cũng là nhân duyên đưa đến sự đoạn mạng, nên cũng nhiếp trong “ngũ âm ma”.

Thế nhưng, cũng cần phải phân biệt rõ ràng 4 loại ma để người tu được dễ dàng trong việc hành đạo.

Hỏi: Vì sao “thiên ma” thường nhiễu loạn người tu hành?

Đáp: Đã có “thân 5 ấm” là có phiền não khởi sanh. Khi đã có phiền não khởi sanh thì “thiên ma” được chỗ tiện lợi để hòa hợp “5 ấm phiền não”. Bởi vậy nên khi nói đến “phiền não ma” là đã có sự hòa hợp của “ngũ ấm ma” rồi vậy.

Ở đoạn kinh trên đây ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Trước đây Phật đã tán thán công đức của Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật. Vì sao nay Phật lại nói đến các ma sự của Bồ tát? Những gì là ma sự của Bồ tát?

Phật dạy: Khi thuyết pháp mà biện tài chẳng sanh là ma sự của Bồ tát.

Vì sao? Vì Bồ tát ngồi trên tòa cao để thuyết pháp mà biện tài chẳng sanh, ắt sẽ làm cho người nghe khởi sanh phiền não, thắc mắc về lý do vì sao Pháp sư chẳng chịu nói pháp, trong lúc thính chúng đang nóng lòng muốn được nghe. Do suy nghĩ như vậy, mà người nghe khởi niệm bất kính đối với Pháp sư, cho rằng Pháp sư sợ hãi nên chẳng nói, hoặc Pháp sư có phạm lỗi gì thâm trọng nên chẳng nói, hoặc Pháp sư chẳng được cúng dường, nên chẳng nói, hoặc Pháp sư khinh thường thính chúng nên chẳng nói v.v...

Đây là các nhân duyên phá hoại tín tâm của những người nghe pháp. Bởi vậy nên khi Pháp sư muốn nói pháp mà chẳng nói được, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát. Ví như có nhiều lần Phật hỏi ngài A Nan về một vấn đề gì, mà ngài A Nan bị ma ám chẳng đáp lại được. Ngài Tu Bồ Đề lại bạch Phật: Vì nhân duyên gì mà biện tài chẳng sanh được?

Phật dạy: Do Bồ tát chẳng hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, do nhân duyên đời trước độn căn, giải đãi v.v... nên ma có được chỗ tiện lợi để phá hoại, khiến biện tài chẳng sanh. Lại

nữa, do Bồ tát chẳng có nhất tâm, tinh tấn hành 6 pháp Ba-la-mật, nên biện tài chẳng sanh.

Hỏi: *Vì sao nói khi đang thuyết pháp mà chợt khởi ý cũng gọi là ma sự của Bồ tát?*

Đáp: Nếu Pháp sư còn ái pháp, chấp pháp, cầu danh, thích nói nhiều, thì chẳng sao có thể tự kiềm chế được. Ví như nước chảy mạnh lôi cuốn theo các chất uế trước vậy.

Bởi vậy nên Phật dạy rằng, người hành Bát nhã Ba-la-mật mà còn chấp pháp thì đó cũng là ma sự của Bồ tát.

-o0o-

Trong kinh cũng nêu lên những ma sự khác nữa, như sau:

- Biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà tâm khởi kiêu mạn.

- Biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà đùa cợt, chẳng cung kính.

- Biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà tâm tán loạn, chẳng được an định.

- Biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà có các việc chẳng hòa hợp.

- Biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà dấy niệm nghĩ rằng mình chẳng hiểu được ý vị trong kinh, rồi bỏ đi, chẳng biên chép nữa.

- Thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật mà khởi tâm khinh khi, ngạo mạn.

- Thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật mà thân tướng chao động, đùa cợt.

- Thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật mà giữa bạn đồng tu khởi tâm khinh miệt lẫn nhau.

- Thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật mà tâm tán loạn.

- Thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật mà tâm chẳng hòa hợp.

v.v...

Tất cả những sự việc như vậy đều là ma sự của Bồ tát cả.

Hỏi: *Vì sao chẳng hiểu được ý vị trong kinh mà chẳng có hỏi người khác để được rõ thêm, lại tự ý bỏ đi?*

Đáp: Kinh Bát nhã Ba-la-mật từ kim khẩu của Phật thuyết ra, ý vị rất thâm diệu, nên hàng phàm phu khó có thể tin, có thể hiểu được. Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo thanh tịnh, đem lại nhiều lợi ích cho chúng sanh, nên ngài Tu Bồ Đề muốn biết nguyên nhân vì sao có các vị Bồ tát chẳng hiểu được ý vị trong kinh, mà phải bỏ đi.

Phật dạy: Vì đời trước, những người ấy hành Bát nhã Ba-la-mật chưa có được bao lâu, nên tín căn còn cạn mỏng, chưa tìm được các pháp đều là “không, vô tướng, vô tác”, đều là “vô sở y”. Bối nhân duyên vậy, mà sanh loạn tâm, tự ý bỏ đi, chẳng còn muốn biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật nữa.

Lại nữa, những người ấy nghĩ rằng Phật chẳng có thọ ký cho mình, nên tự ý bỏ đi.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Vì sao Phật chẳng thọ ký cho những người ấy? Vì sao Phật chẳng hộ niệm cho những người ấy để họ khỏi bị đọa?

Phật dạy: Người chưa vào được chánh pháp vị, thì chư

Phật chẳng có thọ ký. Vì sao? Vì nếu chưa đầy đủ các thiện hạnh nhân duyên thì còn gây tội lỗi ở nhiều kiếp sau. Do vậy mà chẳng được Phật thọ ký.

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát nào bỏ Bát nhã Ba-la-mật mà học các kinh khác, thì trọn đời chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí. Đây là bỏ gốc mà vin cành lá. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ ấy học theo những kinh gì, mà trọn chẳng đến được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là những kinh mà hàng Thanh Văn tu tập, như 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 nhánh đạo, không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô tác giải thoát môn.

Thiện nam, thiện nữ nào an trú trong các pháp trên đây, thì chỉ được các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Hàng Thanh Văn tu tập như vậy chẳng thể nào đến được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư đại Bồ tát, thành tựu hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Do vậy mà khi hành Bát nhã Ba-la-mật, thì đồng thời Bồ tát cũng liễu đạt được hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian.

Này Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ nào chỉ học Thanh Văn pháp, mà chẳng hiểu Bồ tát pháp và Phật pháp, thì qua đời sau người ấy cũng sẽ chỉ vin lấy cành lá là kinh Thanh Văn và kinh Bích Chi Phật, mà bỏ cội gốc là kinh Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người nhìn dấu chân voi mà nói là đã thấy được voi. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có phải là người có trí huệ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là người có trí huệ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo nghe được Bát nhã Ba-la-mật rồi, mà lại bỏ đi, để học theo kinh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người nhìn vũng nước đọng ở dấu chân trâu mà cho là đã thấy được biển lớn. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có phải là người có trí huệ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là người có trí huệ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, đời sau, nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, nghe được Bát nhã Ba-la-mật rồi mà lại bỏ đi, để học theo kinh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người nhìn thấy tướng mạo của một vị tiểu vương, mà cho là đã thấy được vị chuyển luân thánh vương. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có phải là người có trí huệ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là người có trí huệ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, đời sau, nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, nghe được Bát nhã Ba-la-mật rồi, mà lại bỏ đi, để học theo kinh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người đang đói, bỏ cơm nóng, thơm ngon, để rồi đi tìm ăn thứ cơm thiu lâu ngày. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có phải là người có trí huệ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là người có trí huệ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, đời sau, nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, nghe được Bát nhã Ba-la-mật rồi, mà lại bỏ đi, để học theo kinh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người được ma ni bảo châu, mà lại bỏ đi đổi lấy loại ngọc giả bằng thủy tinh. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có phải là người có trí huệ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là người có trí huệ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, đời sau, nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, nghe được Bát nhã Ba-la-mật rồi mà lại bỏ đi, để học theo kinh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào khi đang biên chép Bát nhã Ba-la-mật mà ưa nói những sự việc chẳng đúng với chánh pháp, thì người ấy chẳng sao thành tựu được việc biên chép Bát nhã Ba-la-mật.

Thế nào là “ưa nói những sự việc chẳng đúng với chánh pháp”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là ưa nói về “sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp”; ưa nói về bố thí, trì giới, thiền định; ưa nói về 6 pháp Ba-la-mật, ưa nói về 4 niệm xứ... dẫn đến ưa

nói về Vô Thượng Bồ Đề. Ưa nói như vậy, thì chẳng sao thành tựu được sự biên chép Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có tướng để nói vậy.

Bát nhã Ba-la-mật là bất khả tư nghĩ tướng, bất sanh tướng, bất diệt tướng, bất cấu tướng, bất tịnh tướng, vô thuyết tướng, vô thị tướng, vô ngôn ngữ tướng, là vô sở đắc tướng vậy. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Vì trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có các pháp tướng.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật lại để tâm tán loạn, duyên theo pháp cảnh, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật này có thể biên chép được chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể biên chép được. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là tự tánh không. Vì 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là tự tánh không cả. Đó là tự tánh không, thì là vô pháp; mà đã là vô pháp, thì chẳng có thể biên chép được vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà dấy niệm nghĩ rằng: “Vô pháp là Bát nhã Ba-la-mật”, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật lại dấy niệm nghĩ rằng: “Ta có biên chép Bát nhã Ba-la-mật”, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô văn tự. Vì 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là vô văn tự vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà dấy niệm nghĩ rằng: “Vô văn tự là Bát nhã Ba-la-mật”, ... dẫn đến dấy niệm nghĩ rằng: “Vô văn tự là Nhất thiết chủng trí”, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát. Vì sao?

Vì khi thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì chẳng nên niệm Bát nhã Ba-la-mật là có văn tự, hay là chẳng có văn tự vậy.

Lại nữa, mà khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật lại tưởng nhớ đến quốc độ, thành ấp, tụ lạc, hoặc lắng nghe những lời tán thán hay hủy báng thầy mình, hoặc tưởng nhớ đến cha mẹ, anh chị em, bà con, thân thuộc của mình, hoặc khởi bất cứ niệm gì khác, thì phải biết đó là do ác ma gây lưu nạn nhằm phá hỏng việc thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật của người tu hành. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà khi thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật lại còn ham danh vọng, lợi dưỡng, ham được sự cung kính, cúng dường, thì người ấy chẳng sao thành tựu được việc thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật vậy. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì ác ma tìm đủ phương tiện để đem các kinh thâm nghĩa khác đến

tặng, nhằm gây lưu nạn. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Nếu có Bồ tát đã đầy đủ các lực phương tiện, thì sẽ chẳng sanh tâm chấp đắm, vì biết rõ các kinh ấy chẳng thể nào dẫn đến Nhất thiết chủng trí được. Trái lại, người chẳng có đầy đủ các lực phương tiện, khi nghe nói đến các kinh thâm nghĩa khác, sẽ bỏ Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Này Tu Bồ Đề! Trong thâm Bát nhã Ba-la-mật, ta đã rộng nói về các phương tiện hành đạo của Bồ tát. Chư Bồ tát phải y theo đó mà hành trì.

Thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà bỏ thâm Bát nhã Ba-la-mật, để học theo các kinh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Nay ta, vì các thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, nói đến các ma sự của Bồ tát. Trong lúc hành Bồ tát đạo, ông phải nên biết rõ như vậy.

LUẬN:

Ở đoạn kinh trên đây, Phật dạy rằng: Nếu bỏ Bát nhã Ba-la-mật mà theo các kinh khác, thì trọn chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí.

Có hàng đệ tử Thanh Văn, do chẳng hiểu rõ nghĩa lý thâm diệu trong Bát nhã Ba-la-mật, nên dạy các người theo Thanh Văn đạo rằng: Các người nên theo học các kinh Thanh Văn. Trong kinh *Thanh Văn* có Lục Trú Luận, A Tỳ Đàm Luận phân biệt rõ các pháp tướng. Đó cũng là Bát nhã Ba-la-mật vậy. Lại nữa, trong A Tỳ Đàm Luận có phân biệt rõ về Thiền Giải Thoát tam muội. Đó cũng là Thiền Na Ba-la-mật vậy.

Lại nữa, có kinh *Bốn Sanh* tán thán bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn. Đó chính là 4 Ba-la-mật còn lại vậy.

Lý giải như vậy nhằm khuyên người tu hành cầu Nhất thiết chủng trí nên xả bỏ Bát nhã Ba-la-mật, và nên tu theo kinh *Thanh Văn*. Như vậy chẳng khác gì người muốn được gỗ tốt mà lại vứt bỏ thân cây, để chỉ nhận lấy ngọn ngành vậy. Tuy rằng tất cả đều là gỗ quý từ nơi một cây ra, nhưng gỗ ở ngọn ngành chẳng sao bì kịp gỗ ở thân được vậy.

-o0o-

Nên biết rằng phải thâm nhập vào Bát nhã Ba-la-mật rồi mới có thể vì 4 chúng rộng nói về 3 thừa pháp được.

Trong kinh *Thanh Văn* cũng có nói về thật tướng pháp, nhưng chẳng được rõ ràng như trong kinh Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như, trong cơn gió lốc, người bám vào ngọn cây chẳng được an toàn; người ôm được thân cây mới thật an toàn, vững chắc vậy.

Cũng như vậy, nếu trú chấp vào kinh Thanh Văn, thì chỉ được quả vị Tiểu Thừa; trái lại, nếu hành trì theo Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ đến Vô Thượng Đạo. Chớ nên bỏ gốc, bỏ thân mà vin lấy ngọn ngành.

Hỏi: *Vì sao nói 37 Phẩm Trợ Đạo là Thanh Văn pháp?*

Đáp: Trong Bát nhã Ba-la-mật cũng có nói đến 37 Phẩm Trợ Đạo, nhưng ở đây tất cả đều hướng về “tánh không”, nên hợp với tâm thể.

Bồ tát, dụng đại bi tâm, vì chúng sanh thuyết Thanh Văn pháp, nên chẳng chứng ngại đạo pháp. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thành tựu cả thế gian pháp và xuất thế gian pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên người cầu Phật đạo phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Người cầu Phật đạo mà bỏ Bát nhã Ba-la-mật để học theo kinh Thanh Văn là thiếu trí huệ, thiếu minh giác, nên Phật đã vì chúng hội chỉ bày rõ ràng như vậy.

Hỏi: *Vì sao chỉ tán thán Bát nhã Ba-la-mật là diệu pháp dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề, và nói hết thảy các thiện pháp khác đều là “bất như pháp” cả?*

Đáp: “Bất như pháp” là pháp chẳng hiển bày được thật tướng pháp.

Bồ tát khởi đại bi tâm, dùng các lực lượng phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để thuyết pháp mà chẳng chấp có thuyết, nên là vô sở thuyết vậy. Vì sao? Vì Bồ tát dụng tâm vô sở đắc, khai thị cho chúng sanh biết rõ các pháp đều là rốt ráo không.

Bởi vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà còn chấp tâm, thủ tướng... dẫn đến còn chấp thủ Vô Thượng Bồ Đề, thì phải biết đó là hành “bất như pháp” vậy.

Hỏi: *Trên đây nói Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, là vô sở hữu, là chẳng thể biên chép, đọc tụng được. Nói như vậy cũng là ma sự hay sao?*

Đáp: Người tu hành biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, là vô sở hữu, nhưng chẳng chấp các tướng ấy. Vì sao? Vì nếu chấp tướng rốt ráo không, tướng vô sở hữu là ma sự.

Người dùng văn tự để biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, tự chấp là mình có biên chép cũng là ma sự.

Chỉ có những người thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng khởi tâm pháp, mới chẳng bị ma phá hoại. Vì sao? Vì phá hoại những người ấy là phá hoại Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

Lại nữa, ở nội tâm có phiền não ma, ngoại tâm có thiên ma. Nếu bị 2 chướng duyên ấy chi phối, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Nếu có khởi niệm, có chấp niệm duyên cảnh, thì tâm chẳng được an ổn. Duyên theo pháp thế gian, như nghe xung tán, hủy báng, hoặc nhớ nghĩ đến cha mẹ, anh chị em, hoặc nhớ nghĩ đến bệnh tật, giặc cướp v.v... cũng là như vậy. Tất cả đều là ma sự của Bồ tát.

Ví như ở chung với người đồ tể sẽ dễ sanh tâm hiếu sát, ở chung với dâm nữ sẽ dễ phát khởi lòng dâm dục. Người tu hành cũng là như vậy. Nếu được người cúng dường, mà tham đắm lợi dưỡng, thì sẽ bị trở ngại trên bước đường hành đạo.

Bồ tát, khi đã biết rõ các duyên sự như vậy, phải khéo xa lìa, chớ để vọng tâm phát khởi. Phải xả ly các dục lạc thế gian, nhất tâm thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì pháp sự này mới được thành tựu viên mãn, chẳng bị trở ngại, chẳng bị phá hoại vậy.

-o0o-

Phật dạy: Kinh *Thanh Văn* cũng có chỗ thâm thâm, nhưng chớ nên tham đắm.

Ví như người thợ nấu vàng, tuy thấy vàng trong lò nấu hiện vẻ sáng đẹp, nhưng chẳng nên sanh tâm tham đắm, dùng tay nắm lấy vậy.

Chỉ những người tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà các căn chưa được thông lợi, thoạt thấy trong kinh *Thanh Văn* cũng có nói đến vô tướng và vô tác, cũng có nói đến các nguồn gốc khổ đau, mới rời bỏ Bát nhã Ba-la-mật để theo học kinh *Thanh Văn* mà thôi, phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Vi sao? Vì Bồ tát phương tiện tu học kinh Thanh Văn, nhưng chẳng trú trong Thanh Văn địa, mà trái lại, chỉ dùng từ bi tâm hành 3 giải thoát môn để độ thoát chúng sanh.

Ví như tô lạc hay đề hồ có trộn chất độc có thể làm nguy hại đến tánh mạng người. Thế nhưng, nếu chất độc đã bị khử trừ rồi, thì các thức ăn ấy chẳng còn tác dụng giết hại người được nữa.

Bồ tát cũng như vậy. Phải ở nơi Bát nhã Ba-la-mật mà cầu Vô Thượng đạo, mới được như nguyện. Dù thấy ở các kinh khác cũng có chỗ thâm sâu, Bồ tát cũng chẳng nên trú chấp, chẳng nên theo vậy.

Phẩm Thứ Bốn Mười Bảy



Lưỡng Bất Hòa Hợp
(Hai Bên Chẳng Hòa Hợp)

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Người nghe pháp muốn thọ trì, đọc tụng, biên chép, vân nghĩa... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà người thuyết pháp chẳng muốn thuyết, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Ngược lại, người thuyết pháp muốn thuyết, mà người nghe pháp chẳng muốn thọ trì, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người nghe pháp muốn thọ trì, đọc tụng, biên chép, vân nghĩa... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà người thuyết pháp lại lánh đi nơi khác, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Ngược lại, người thuyết pháp muốn thuyết, mà người nghe lại lánh đi nơi khác, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp quý trọng của bố thí, cúng dường, mà người nghe pháp lại thiếu dục, tri túc, nhiếp niệm, tinh tấn, thiền định, trí huệ, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Ngược lại, nếu người nghe thích làm việc bổ thí, cúng dường, mà người thuyết pháp lại thiếu đức, tri túc, nhiếp niệm, tinh tấn, thiền định, trí huệ, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp thọ 12 hạnh “đầu đà”^{*}, mà người nghe pháp chẳng muốn thọ các hạnh đó, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Có 12 hạnh “đầu đà” liệt kê như sau:

1. Mặc y bằng vải vụn lượm được, đem khâu lại với nhau (nạp y, cũng gọi là Phấn tảo y).
2. Chỉ giữ 3 y (Đãn tam y).
3. Ăn những thức ăn mình xin được (Thường khát thực).
4. Thứ lớp khát thực từng nhà (Thứ đệ khát thực).
5. Ngồi yên ở một chỗ mà ăn; ăn xong mới đứng dậy (Nhất tọa thực).
6. Chỉ ăn các thức ăn ở trong bát của mình (Nhất sử thực, cũng gọi là Tiết lượng thực).
7. Không ăn sau giờ Ngọ. Ăn giờ Ngọ rồi, chẳng có ăn trở lại trong ngày nữa (Bất tác dư thực).
8. Ở nơi chôn A Lan Nhã, tức là chôn xa vắng (Viễn ly xứ).
9. Ở nơi gốc cây (Thọ hạ tọa).
10. Ở nơi chôn mồ mả (Trùng gian tọa).

*. Đầu đà nghĩa là phải bỏ trần cấu phiền não, nhất tâm cầu Phật đạo.

11. Ở nơi chỗ trống (Lộ địa tọa).

12. Từ khi mặt trời lặn cho đến khi mặt trời mọc, chỉ đứng hay ngồi, mà chẳng có nằm (Thường tọa bất ngoại).

LUẬN:

Hết thầy các pháp hữu vi đều hội đầy đủ các duyên hòa hợp mới có. Khi có đủ các duyên hòa hợp, thì sanh; khi các duyên tan rã, thì diệt.

Thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật, cũng là như vậy. Phải hòa hợp đầy đủ các nội ngoại nhân duyên, phải có sự đồng tâm, nhất trí giữa thầy và trò, thì pháp sự mới thành tựu được.

Phật dạy: Người nghe pháp phải hội đủ: “Tín, tấn, niệm, định, huệ”, thì sự thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật mới đạt được kết quả mong muốn.

Hỏi: Nếu bị 5 triền cái ngăn che, chẳng muốn nói pháp, hoặc chẳng muốn nghe pháp, thì pháp sự có được thành tựu chăng?

Đáp: Nếu người thuyết pháp chấp thế gian lạc, chẳng quán vô thường, thì tuy tâm có hiểu biết, mà miệng chẳng nói nên lời, khiến người nghe chẳng biết phải y vào đâu mà thưa hỏi.

Cũng như vậy, nếu người thuyết pháp khởi bi tâm muốn rộng giải về thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà người nghe, vì độn căn hoặc vì còn chấp đắm thế gian lạc, chẳng chú tâm nghe, thì chẳng có được lợi lạc gì. Trong cả 2 trường hợp, pháp sự chẳng sao thành tựu được.

Hỏi: Nếu người nghe pháp chẳng muốn thọ trì, thì thuyết pháp cho họ nghe để làm gì?

Đáp: Đây là nói về trường hợp những người nghe pháp mà chẳng chịu tư duy cho đến chỗ rốt ráo, khiến sự thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập chẳng có được kết quả mong muốn. Bởi vậy nên nói là người nghe chẳng muốn thọ trì. Như vậy giữa thầy và trò phải có sự đồng tâm, thì sự thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật mới thành tựu được viên mãn. Nếu trái lại thì chỉ là ma sự cả. Vì sao? Vì nội ma và ngoại ma thường hay phá hoại sự thành tựu Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu hành giả tỉnh giác, biết rõ các ma sự để giải trừ, thì ma chẳng thể nào phá hoại được. Nếu thầy trò phạm lỗi lầm, bỏ mất sự nhất tâm, thì thầy phải khuyên dạy khiến trò có được sự nhất tâm trở lại.

Trong kinh cũng có nêu lên nhiều ma sự khác, khiến 2 bên thầy trò chẳng được hòa hợp, như:

- Trò muốn thọ trì... tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà thầy lại lánh đi nơi khác, chẳng muốn thuyết pháp.

- Thầy muốn thuyết pháp, mà trò lại lánh đi nơi khác, chẳng muốn nghe.

- Thầy tham đắm lợi dưỡng, mà trò lại thiếu dục, tri túc.

- Thầy thiếu dục, tri túc, mà trò lại thích làm các việc bố thí, cúng dường.

- Thầy thọ 12 hạnh đầu đà, mà trò lại chẳng muốn thọ các hạnh ấy, hoặc ngược lại.

Phải biết tất cả đều là ma sự của Bồ tát.

Hỏi: Vì sao cả 2 thầy trò đều có tín tâm, đều giữ giới, mà 1 bên muốn thọ hạnh đầu đà, còn bên kia chẳng muốn thọ hạnh đó?

Đáp: Vì Phật dạy rằng: Khi thọ giới, các đệ tử không nhất thiết phải thọ 12 hạnh đầu đà.

Vì ở đoạn kinh trên đây nói “khi 2 bên thầy trò chẳng được hòa hợp là ma sự”, nên mới nêu lên trường hợp này.

Mặc dù thầy và trò đều nhất tâm hành đạo, nhưng nếu mỗi bên đều có kiến thù riêng, thì vẫn có thể gây nhiều loạn cho nhau. Ví như giữa hai thầy trò có người muốn ở chốn A Lan Nhã để được thanh tịnh, có người muốn đồng cư với chúng sanh để hành Bồ tát hạnh, thì như vậy cũng là có chống trái nhau, cũng là ma sự vậy.

-o0o-

Phật lại dạy: Những người ở trong một chúng phải y theo pháp của chúng mà hành sự, khiến tăng chúng được hòa đồng, thanh tịnh.

Ví như trong chúng có người được thí chủ thỉnh thực, tự cho mình là có phước đức; lại có người chẳng được thí chủ thỉnh thực, tự than trách, rồi sanh phiền não. Vì sao? Vì tâm tham trước thường ngăn che tâm đạo. Bởi vậy nên những người chưa được đạo, thường hay khởi tâm tham trước, khiến chẳng được nhất tâm hành đạo.

Trong Phật pháp, người tu hành chẳng nên vì lợi ích cho riêng mình mà tham trước sự cúng dường; chỉ nên thọ sự cúng dường có chừng mực. Chớ nên ăn nhiều mà sanh bệnh; chỉ ăn vừa phải để dễ tiêu hóa, thân ít bệnh.

Ngài Xá Lợi Phất thường nói: Tôi chỉ ăn 5, 6 miếng là đủ no, dùng thêm một ít nước nữa là đủ để nuôi thân mạng tôi rồi.

Ngài Xá Lợi Phất ăn uống có tiết lượng như vậy; ngài lại

chỉ ăn trước giờ Ngọ, và sau giờ Ngọ chỉ dùng ít nước mà thôi; thế nhưng thân tâm ngài vẫn thường được an lạc. Nếu tham đắm các thức ăn, thức uống, thì tâm sẽ bị loạn động, chẳng có được sự nhất tâm. Như vậy, chẳng có được lợi ích gì cho sự tu tập cả.

-o0o-

Nên biết “quán không” và “quán vô thường” là sơ môn dẫn vào đạo.

Nhờ 2 pháp quán này mà hành giả nhằm chán 3 cõi, như nhằm chán cảnh mờ hoang.

Nếu chưa vào được đạo, chưa được tâm rộng lớn, chưa được đại Niết bàn, thì hành giả phải quán “thân vô thường”, như từ thi bất tịnh, tán hoại v.v... Quán như vậy, hành giả sẽ dễ ly dục trong bước đầu hành đạo.

-o0o-

Nên biết về 4 oai nghi trong pháp tu thân, thì ngồi là quan trọng nhất. Hành giả cần chọn chỗ ngồi thoáng mát, thế ngồi “kiết già” vững chắc, nhằm giúp sự tiêu hóa được dễ dàng, và hơi thở được điều hòa.

Khi chưa thành đại sự, người cầu đạo thường bị giặc phiền não quấy nhiễu, chớ nên giải đãi nằm nhiều, rất dễ bị hôn trầm.

Lại nữa, khi đi đứng thường dễ bị loạn động, khó nhiếp tâm.

Bởi vậy nên hành giả thường thọ “tọa pháp”.

-o0o-

Người tu hành chẳng nên chấp vị ngon hay dở. Trong khi khát thực, phải giữ tâm bình đẳng, thứ lớp khát thực, chẳng phân biệt giàu nghèo, sang hèn.

Người tu hành phải tri túc, thiếu dục, chỉ giữ 3 y vừa đủ mặc.

Phật phương tiện chế các giới luật để hàng đệ tử xuất gia rời bỏ thế gian dục lạc.

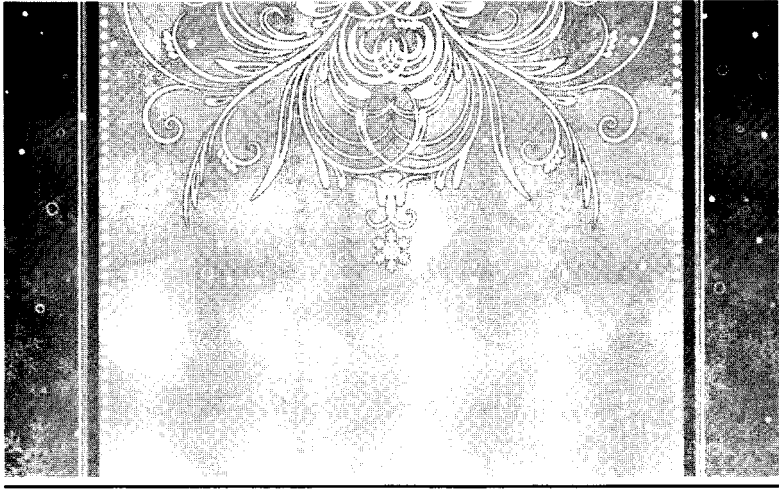
Phật thường tán thán 12 hạnh đầu đà làm gốc.

Ví như, khi 5 vị Tỷ-kheo đầu tiên đạt đạo bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng con nên mặc pháp y gì?” thì Phật dạy rằng: “Hãy nhặt những mảnh vải vụn ráp lại thành chiếc phước điền y mà mặc”. Ở đây, cũng nên biết:

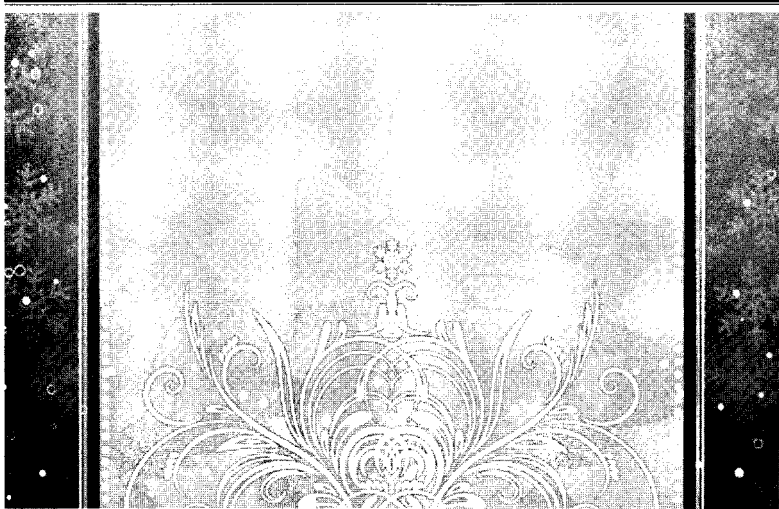
- Khi thọ giới là thọ pháp y, đi khát thực, ngồi dưới gốc cây, uống thuốc bằng lá cây. Đây là 4 thánh chủng đầu đà.

- Trong tất cả các hạnh tu, phải lấy trí huệ làm gốc, chớ nên chấp pháp khổ hạnh là pháp dẫn đầu. Vì sao? Vì các pháp môn tu chỉ là trợ đạo. Chư Phật đều tán thán trí huệ là thù thắng hơn cả.

(Hết quyển 68)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 69



Phẩm Thứ Bốn Mười Bảy (TIẾP THEO)



Lưỡng Bát Hòa Hợp (tiếp theo)

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp có tín tâm, có giới hạnh muốn thọ trì, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà người nghe pháp chẳng như vậy, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp chẳng có xan tham, thường hay bố thí, mà người nghe pháp lại xan tham, chẳng muốn bố thí, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người nghe pháp muốn cúng dường tứ sự cho người thuyết pháp, mà người thuyết pháp chẳng muốn thọ nhận hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp liễu đạt thâm lý, mà người nghe pháp lại ám độn, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp liễu nghĩa thứ lớp 12 bộ kinh, mà người nghe pháp chẳng như vậy, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp thành tựu 6 pháp Ba-la-mật, mà người nghe pháp chẳng như vậy, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp có đầy đủ các lực phương tiện ở nơi 6 pháp Ba-la-mật, mà người nghe pháp chẳng như vậy, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp đã đắc đà la ni, mà người nghe pháp chẳng như vậy, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà người nghe pháp chẳng muốn như vậy, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp ly tham dục, sân nhuế, ngu ngù, trạo cử, nghi hối, mà người nghe pháp chẳng như vậy, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà có người đến nói rằng: “Thọ thân trong 3 đường ác là khổ. Vì sao ở đời này, người chẳng tu dứt khổ, nhập Niết bàn, mà lại cầu Vô Thượng Bồ Đề để làm gì?”. Như vậy là 2 bên chẳng được hòa hợp, khiến việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng thành tựu được. Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà có người đến nói rằng: “Ở cả 3 cõi Trời có rất nhiều khoái lạc, ở cõi Dục có ngũ dục lạc, ở cõi Sắc có thiên định lạc và ở cõi Vô Sắc có tịch diệt lạc. Vì sao ở đời này, người chẳng tu phước để được sanh lên cõi Trời, mà lại cầu pháp Đại thừa làm gì cho khổ? Vì sao ở đời này, người chẳng tu để được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật, mà cứ mãi ở trong thế gian, mãi ở trong sanh tử trải qua nhiều kiếp, để cầu Vô Thượng Bồ Đề làm gì cho khổ?

Như vậy là 2 bên chẳng được hòa hợp, khiến việc biên chép ... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng thành tựu được. Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp một thân, chẳng hệ lụy với ai, được tự tại, vô ngại, mà người nghe pháp lại có nhiều hệ lụy, dắt dìu nhiều người khác, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp bảo người nghe pháp phải thuận theo ý mình, mới cho biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà người nghe pháp chẳng theo, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ nguy nạn mà người nghe pháp chẳng muốn đi, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ nghèo đói, mà người nghe pháp chẳng muốn đi, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ giàu sang mà người nghe pháp chẳng muốn đi, hoặc ngược lại, khiến hai bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ hoang vắng, có nạn giặc cướp, ác thú, độc trùng, mà người nghe pháp chẳng muốn đi, hoặc ngược lại, khiến hai bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp có nhiều thí chủ tới lui thăm viếng, mà người nghe pháp chẳng muốn như vậy, khiến hai bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

LUẬN:

Hỏi: Có người biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật mà lại phạm giới. Như vậy, khi người ấy thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật làm sao có thể tin được? Làm sao có thể thọ pháp với người ấy được?

Đáp: Có người, tuy chẳng tin Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, nhưng vì cầu danh mà biên chép, đọc tụng... dẫn đến thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

Thế nhưng, vì đệ tử của Phật thâm tín Bát nhã Ba-la-mật, nên dù thấy người biên chép, đọc tụng... dẫn đến thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật có phạm giới chẳng nữa, thì vẫn chẳng mất lòng tin nơi thậm thâm pháp này.

Hỏi: Vì sao nói đệ tử muốn cúng dường thầy, mà thầy chẳng muốn thọ cũng là ma sự?

Đáp: Đệ tử chẳng muốn cúng dường thầy, vì nghĩ rằng:

“Nếu thầy thủ chấp vật cúng dường, thì chẳng sao xả thân vì đạo được”. Tâm niệm của đệ tử đối với thầy như vậy là ma sự.

Nhưng, có trường hợp đệ tử muốn cúng dường thầy, mà thầy chẳng muốn thọ nhận, khiến giữa thầy trò chẳng được hòa hợp cũng là ma sự.

Có thể vì thầy thiếu dục, tri túc, mà chẳng muốn thọ nhận sự cúng dường, có thể thầy nghĩ rằng thọ nhận sự cúng dường như vậy xem như là mình đã bán pháp cho đệ tử; có thể thầy nghĩ rằng mình giới đức còn cạn mỏng, chẳng tiêu được tín thí cúng dường v.v... Thầy tâm niệm như vậy là rất tốt, nhưng có thể làm cho thầy trò mất sự hòa hợp, gây trở ngại cho việc biên chép Bát nhã Ba-la-mật của người đệ tử. Phải biết đó cũng là ma sự.

-o0o-

Trong kinh còn nêu nhiều ma sự khác, khiến giữa thầy trò chẳng có sự hòa hợp, như sau:

- Thầy đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, nhưng vì độn căn, chẳng thể nào giải rõ thâm nghĩa cho đệ tử nghe được.

- Thầy giải rõ thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà đệ tử vì độn căn, chẳng sao lãnh hội được.

- Thầy thứ lớp đọc tụng, tìm hiểu nghĩa của 12 bộ kinh, mà đệ tử chẳng như vậy.

- Thầy thành tựu 6 pháp Ba-la-mật, mà nghĩ rằng đệ tử độn căn chẳng sao lãnh hội được, chẳng biết rằng đệ tử mình, sau khi nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi có thể thành tựu được đại sự.

- Thầy giảng dạy 6 pháp Ba-la-mật cho đệ tử, mà đệ tử lại nghĩ rằng các pháp ấy quá thậm thâm chẳng sao có thể tu tập

được, hoặc nghĩ rằng thầy cũng chỉ nói, nhưng chẳng hành được v.v...

Đệ tử chẳng biết rằng thầy đã có đầy đủ các phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật, đã có được đại lợi ích nơi Bát nhã Ba-la-mật rồi.

- Đệ tử chỉ muốn thủ chấp các thiện pháp, mà thầy lại chỉ muốn dùng các thiện pháp đó làm phương tiện hành Bát nhã Ba-la-mật.

Đệ tử chẳng ưa theo, mà chẳng biết rằng thầy tán thán Bát nhã Ba-la-mật như vậy nhằm đoạn chấp cho mình, để dẫn dắt mình cùng hành Bát nhã Ba-la-mật.

Tất cả các trường hợp nêu trên đều làm cho thầy trò chẳng có được sự hòa hợp, khiến việc thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể thành tựu được viên mãn. Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Hỏi: *Nếu thầy chưa đắc đà la ni, trong lúc đệ tử đã đắc đà la ni rồi, thì thầy làm sao dạy được đệ tử?*

Đáp: Đà la ni có rất nhiều môn. Có thể đệ tử đắc một môn đà la ni nào đó mà thầy chưa đắc, hoặc ngược lại. Ví như đệ tử được Văn Trì đà la ni mà thầy được Giải Thâm đà la ni; hoặc đệ tử được Thật Tướng Nghĩa đà la ni, mà chẳng có thứ lớp đọc tụng; hoặc thầy được Văn Trì đà la ni, mà đệ tử chẳng có được đà la ni nào cả v.v...

Các sự kiện nêu trên có thể làm cho thầy và trò chẳng có được sự hòa hợp, khiến công việc giáo hóa của thầy gặp trở ngại.

Hỏi: *Vì sao có lúc đệ tử muốn thọ trì Bát nhã Ba-la-mật*

mà thầy lại chẳng muốn trao pháp; có lúc thầy muốn trao pháp mà đệ tử lại chẳng muốn thọ nhận?

Đáp: Có rất nhiều nguyên nhân. Có thể là đệ tử thấy thầy có lỗi, nên chẳng muốn thọ pháp. Có thể thầy thấy đệ tử còn nhiều tà kiến, nên chưa muốn trao pháp v.v...

Chỗ hành pháp phải tương ứng với nhau, thì giữa người thuyết pháp và người nghe pháp mới có được sự hài hòa, an lạc, đem lại nhiều lợi lạc.

Nếu trái lại, giữa người thuyết pháp và người nghe pháp chẳng có sự hòa hợp, thì sự trao pháp và thọ pháp chẳng sao thành tựu được.

Ví như một bên ly dục, mà bên kia chẳng muốn ly dục..., thì giữa đôi bên sẽ khinh miệt nhau, sẽ đối kỵ nhau, khiến cho sự trao truyền pháp, và sự thọ nhận pháp gặp rất nhiều trở ngại.

Trong kinh có nêu lên rất nhiều trường hợp giữa thầy và đệ tử chẳng có được sự hòa hợp, như:

- Thầy hành pháp thiếu dục, tri túc chẳng ưa đệ tử cúng dường nhiều, mà các đệ tử lại muốn được gần gũi thầy, muốn được cúng dường thầy. Do chấp hạnh thiếu dục, tri túc, mà thầy xa rời các đệ tử, mà chẳng nhiếp phục được họ.

- Thầy thuyết pháp mà muốn các đệ tử theo bên mình, đi đâu cũng muốn các đệ tử đi theo để cúng dường tứ sự, mà đệ tử lại chỉ muốn được gần thầy cầu pháp, học hỏi, chẳng để tâm lo cúng dường cho thầy.

- Đệ tử muốn theo sát bên thầy để cúng dường, mà thầy chẳng muốn, vì nghĩ rằng để cho đệ tử làm như vậy sẽ bị tổn đức, khiến đệ tử chẳng được an tâm, tự nghĩ rằng thầy khinh mình.

- Thầy vì lợi dưỡng mà dạy pháp, khiến đệ tử chẳng kính phục thầy, vì cho rằng thầy bán Phật pháp.

- Đệ tử, vì tài lợi, vì danh vọng, mà cầu học Bát nhã Ba-la-mật, tâm chẳng được thanh tịnh. Thầy biết rõ như vậy, nên chẳng dạy.

- Thầy muốn đi đến một nơi xa, đường sá hiểm trở để thuyết pháp, mà đệ tử, vì sợ nguy đến tánh mạng chẳng dám theo thầy.

- Thầy muốn đến nơi giàu sang, xa, mà đệ tử, hoặc vì ngại đường sá xa xôi, hoặc chẳng tham đắm cảnh giàu sang, vui sướng, mà chẳng muốn đi theo thầy.

- Thầy muốn đi giáo hóa ở một nơi nào đó, trong hoặc ngoài nước, mà đệ tử chẳng ưa thích, hoặc chẳng tin rằng thật sự chuyến du thuyết ấy có thể đem lại lợi ích mong muốn, hoặc nghĩ rằng thầy vì danh vọng, lợi dưỡng mà ra đi, nên chẳng muốn đi theo thầy.

- Thầy muốn đến một nơi đầy gian nguy, mà chẳng muốn để cho đệ tử theo, vì tự niệm rằng “Thân ta dù có chết cũng chẳng sao, chẳng nên để người khác, vì theo ta, mà phải mắc nạn”.

- Thầy có nhiều tín thí cúng dường, nhưng đệ tử lại thiếu dục, tri túc, chẳng ưa tín thí cúng dường thầy mình. Đệ tử chỉ muốn cầu pháp, chẳng muốn thầy bỏ nhiều thì giờ tiếp các tín thí đến cúng dường. Mặc dù thầy có nhiều nhân duyên cần phải tiếp các tín thí để tùy phương tiện nói pháp cho họ nghe, nhưng đệ tử chẳng muốn tin lời thầy.

v.v...

Tất cả các trường hợp nêu trên đều làm cho thầy trò chẳng có được sự hòa hợp, khiến việc thọ trì, đọc tụng, biên chép...

dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể thành tựu được viên mãn. Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

-o0o-

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ác ma giả làm Tỷ-kheo đến chỗ thiện nam, thiện nữ, dùng các phương tiện để phá hoại, chẳng cho thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ác ma giả làm Tỷ-kheo dùng phương tiện gì để phá hoại?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ác ma giả làm Tỷ-kheo, đến chỗ thiện nam, thiện nữ, bảo rằng “Lời kinh do ta nói ra mới là Bát nhã Ba-la-mật, còn kinh người đang thọ trì, đọc tụng, biên chép đó chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật”.

Nghe ác ma nói như vậy, những thiện nam, thiện nữ nào chưa được thọ ký có thể khởi nghi tâm. Do khởi nghi tâm mà bỏ Bát nhã Ba-la-mật, chẳng còn thọ trì, đọc tụng, biên chép nữa. Như vậy là chẳng hòa hợp. Phải biết đó là ma sự.

Ác ma giả làm Tỷ-kheo, đến chỗ thiện nam, thiện nữ, bảo rằng “Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, chứng thật tế, được 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật, người chớ nên biên chép Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy là chẳng hòa hợp. Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thuyết thâm Bát nhã Ba-la-mật này thường bị các ác ma đến gây lưu nạn. Bồ tát phải nên biết để xa lìa các ma sự.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những ma sự gì thường làm trở ngại Bát nhã Ba-la-mật, khiến Bồ tát phải nên biết để xa lìa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ác ma khởi xướng các pháp tương tự như Đàn Ba-la-mật... dẫn đến tương tự như Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát phải biết rõ đó là ma sự, để xa lìa.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải nên học kinh Thanh Văn, kinh Bích Chi Phật. Nhưng học rồi, thì phải nên xả. Vì sao? Vì nếu chẳng xả, thì đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ác ma giả làm Tỷ-kheo tìm phương tiện trao những loại kinh dạy về nội không, ngoại không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, dạy về 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, dạy về 3 giải thoát môn “Không, vô tướng và vô tác”... để được 4 quả Thanh Văn, được Bích Chi Phật đạo. Như vậy là chẳng hòa hợp, gây trở ngại cho việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ác ma hóa làm thân Phật sắc vàng, phóng hào sáng ngời, đến chỗ Bồ tát. Do đấm trước thân Phật, mà Bồ tát bị tổn giảm chánh trí huệ, khiến cho việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng thành tựu được. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, ác ma giả làm thân Phật và chúng Tỷ-kheo đến chỗ Bồ tát thuyết pháp. Bồ tát tham trước, tự niệm rằng: “Đời sau ta sẽ được như vậy”. Do tham trước, mà Bồ tát bị tổn giảm chánh trí huệ, khiến việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng thành tựu được. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, ác ma hóa ra vô số thân Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, chỉ bày cho các thiện nam, thiện nữ hành 6 pháp Ba-la-mật. Do tham trước hành pháp như vậy, mà các thiện nam, thiện nữ bị tổn giảm chánh trí huệ, khiến việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể thành tựu được. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có “Sắc, thọ, tưởng, hành, thức”... dẫn đến chẳng có Nhất thiết chủng trí.

Do Bát nhã Ba-la-mật chẳng có sắc... dẫn đến chẳng có Nhất thiết chủng trí, nên trong Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có Thanh Văn, chẳng có Bích Chi Phật, chẳng có Bồ tát... dẫn đến chẳng có Phật.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là tự tánh không vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật thường gặp nhiều lưu nạn. Ví như trong cõi Diêm Phù Đề có nhiều trân bảo, nào là kim ngân, xa cừ, xích châu, mã não... cùng vô số báu vật khác, khiến cho nhiều kẻ trộm cướp thường rình rập. Cũng như vậy, biên chép Bát nhã Ba-la-mật thường gặp nhiều lưu nạn, quấy nhiễu.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Đúng như vậy, Bạch Thế Tôn! Khi biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, thì ác ma thường đến quấy phá, gây lưu nạn.

Vì sao? Vì hạng người si muội thường bị ma sai sử nhằm phá hoại việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật. Bạch Thế Tôn! Hạng người ngu si này chẳng ưa thích pháp Đại thừa, nên chẳng muốn biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà lại

còn pháp hoại việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm của người khác nữa.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hàng sơ phát tâm Đại thừa cũng còn bị ác ma sai sử, khiến chẳng biết gieo trồng thiện căn, chẳng biết cúng dường chư Phật, chẳng biết gần gũi thiện tri thức. Do vậy mà những người này chẳng muốn biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà còn gây trở ngại cho người khác nữa.

Này Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào nhất tâm biên chép... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì các ma sự chẳng phát khởi được. Người này dần dần sẽ được đầy đủ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật, được đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết là do có Phật lực gia bị, mà thiện nam, thiện nữ ấy có thể biên chép... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật, được đầy đủ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật, đầy đủ nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Chư Phật, chư đại Bồ tát ở khắp 10 phương cũng đồng hộ niệm cho thiện nam, thiện nữ ấy biên chép... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Ma giả làm thân Sa Môn có đại oai đức đến thuyết pháp, khiến người nghe tin theo lời chúng bèn bỏ kinh Bát nhã Ba-la-mật để thọ trì các kinh khác.

Ma còn nói với Bồ tát rằng: Kinh do ta thuyết mới là lời Phật, kinh mà các người đang nghe, đang biên chép đó chẳng

phải là thật, chẳng phải do Phật thuyết. Các người hãy bỏ kinh Bát nhã Ba-la-mật, hãy đọc theo kinh *Thanh Văn*.

Bồ tát độn căn vừa nghe theo, liền khởi sanh tà kiến. Còn Bồ tát lợi căn mà chưa được thọ ký thì lại sanh tâm nghi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chân trí huệ, nói hết thảy các pháp đều là không, là vô sở hữu, nên rất khó tin, khó biết. Do vậy mà ác ma mới có chỗ tiện lợi để phá hoại tâm Bồ tát vậy.

Ác ma nói với Bồ tát rằng: Bát nhã Ba-la-mật rộng nói về 3 giải thoát môn “Không, vô tướng và vô tác”, nhưng thật sự chỉ nói về pháp “Không” mà thôi. Nếu người thường ở trong “Không” mà tu tập thì dù có được chứng đắc cũng chẳng sao thành Phật được. Muốn thành Phật, trước hết người phải trì giới, phải tu 32 phước đức, phải tọa đạo tràng, rồi sau đó mới tu pháp “Không”.

Bồ tát nghe như vậy, hoặc chẳng còn tin Bát nhã Ba-la-mật, hoặc khởi tâm nghi Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến sẽ xa lìa Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao nói hành tương tự 6 pháp Ba-la-mật là ma sự?*

Đáp: Vì hành 6 pháp Ba-la-mật mà còn chấp là còn hành tương tự 6 pháp Ba-la-mật. Như vậy là chưa có phát khởi đại bi tâm, chưa nhất tâm cầu Phật đạo, là chỉ muốn tự độ vậy. Tuy là hành thiện pháp nhưng vẫn là phá hoại tâm Đại thừa của Bồ tát. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Hỏi: *Nếu Bồ tát thấy được Phật thân mà đả trước phát khởi tín tâm, thì vì sao lại gọi là ma sự?*

Đáp: Hết thảy các chấp đều là tướng phiền não nên đều gọi là ma sự. Các vị Bồ tát sơ phát tâm chưa thấy được Phật thân, nên ác ma mới hiện thân Phật, đầy đủ các tướng tốt

trang nghiêm, khiến họ sanh tâm chấp đắm, tưởng là mình đang đứng trước Phật vậy.

Ví như người chưa ly dục vừa thấy thân hình người nữ liền sanh tâm đắm trước, khởi dục vọng. Cũng như vậy, Bồ tát sơ phát tâm, do chưa ly chấp, nên vừa thấy ma hiện thân Phật là liền sanh tâm chấp trước, bởi vậy nên ma mới có chỗ tiện lợi để phá hoại, làm suy giảm “thật tướng trí huệ” của Bồ tát.

-oOo-

Theo lời Phật dạy thì sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều là tự tướng không, nên chúng hội khởi tâm nghi, nghĩ rằng “Nếu các pháp là tự tướng không, nếu Bát nhã Ba-la-mật là tự tướng không, thì vì sao vô thượng pháp Bát nhã Ba-la-mật có đại lợi ích như vậy, mà còn bị các lưu nạn, còn bị ghét bỏ?”

Phật biết rõ tâm niệm của chúng hội, nên dạy rằng: Ví như người có nhiều của cải, vàng bạc, châu báu, thường bị trộm cướp rình rập để cướp đoạt và cũng có rất nhiều người ganh ghét. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật là đại pháp bảo nên ác ma thường tìm cách phá hoại. Ác ma chỉ muốn khiến người tu hành thủ chấp Niết bàn, chẳng ưa người tu hành thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật. Do vậy mà các người tu tập Bát nhã Ba-la-mật thường gặp lưu nạn, thường bị ganh ghét.

Ngài Tu Bồ Đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ tín thọ, và nêu thêm các trường hợp lưu nạn khác do ác ma phá hoại Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Kẻ cuồng si bị ma sai sử nên chẳng được tự tại. Do ít trí huệ nên họ chẳng thông đạt được diệu lý trong Phật pháp. Người chẳng có đại tâm, chẳng

liều đạt được pháp vị thanh tịnh, thường đắm chìm trong “dâm, nộ, si” mới gây lưu nạn đối với Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, này Tu Bồ Đề! Như lời ông nói, nếu Bồ tát nào thọ trì, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật mà các ác ma chẳng có gây lưu nạn, thì phải biết vị Bồ tát ấy được chư Phật và chư đại Bồ tát trong 10 phương thường hộ niệm. Cũng như vậy, thiện nam, thiện nữ nào nhất tâm tinh tấn tu tập 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, thì cũng được chư Phật và chư đại Bồ tát trong 10 phương hộ niệm.

-o0o-

Cũng nên biết ma có thể lực rất mạnh ở Dục giới, người thế gian lại thường đắm trước trong dục lạc. Do vậy ở nơi đây, ma có chỗ tiện lợi để sai sử, gây lưu nạn. Còn chư thiên ở Sắc giới thường vào thiền định, được tâm nhu yếu nên ma khó có thể phá hoại được, chư thiên ở Vô Sắc giới chẳng có hình sắc, nên ma chẳng có thể gây lưu nạn được.

Ở Dục giới ma có đầy đủ thể lực nên các ác ma thường phá hoại việc làm tốt của giới tu hành.

Bởi nhân duyên vậy, nên chư Phật, chư đại Bồ tát cùng chư thiên thường hộ niệm Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Thế nhưng, các Bồ tát sơ phát tâm, do phước đức còn cạn mỏng, lại do còn tiếc thân mạng, nên cũng có thể bị ma sai sử, khiến chẳng thành tựu được Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như giặc xâm lấn bờ cõi, người lớn ra sức chống giặc để cứu nước, thế mà lũ trẻ nít chẳng hay biết gì cả. Cũng như vậy, chư Phật, chư đại Bồ tát cùng chư thiên vẫn thường hộ niệm người tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thế mà có người vẫn

chẳng hay biết, khiến cho ác ma sai sử phá hoại Bát nhã Ba-la-mật vậy.

-o0o-

Trên đây lược nói về các ma sự, mà Bồ tát phải biết để xa lìa. Nếu rộng nói thì có vô lượng vô biên ma sự.

Phật từ bi thương xót chúng sanh, muốn cho chúng sanh thành tựu được Bát nhã Ba-la-mật, nên đã rộng thuyết về các trường hợp bất hòa hợp giữa thầy và trò, làm trở ngại cho việc thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Phẩm Thứ Bốn Mười Tám



Phật Mẫu
(Mẹ Của Chư Phật)

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ví như bà mẹ có nhiều con. Khi bà mẹ lâm bệnh thì các con đều lo lắng chạy chữa, mong cho mẹ mau lành bệnh. Do nhớ đến công ơn sanh thành và dưỡng dục của mẹ mà các con thường cung phụng mẹ vậy.

Cũng như vậy, này Tu Bồ Đề! Chư Phật trong khắp 10 phương vẫn thường dùng Phật nhãn chiêm ngưỡng thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Vì thâm Bát nhã Ba-la-mật khai thị hết thảy các thế gian tướng. Từ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật. Chư Phật do tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật mà được Nhất thiết chủng trí. Cũng từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật, xuất sanh ra nội không, dẫn đến vô pháp hữu pháp không, xuất sanh ra 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, xuất sanh ra 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, xuất sanh ra Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo... dẫn đến Phật đạo.

Này Tu Bồ Đề! Chư Phật quá khứ và hiện tại đều do tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ

Đề, chư Phật vị lai sẽ do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì chư Phật sẽ dùng Phật nhãn gia bị cho người ấy, khiến chẳng thối thất tâm Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo như lời Phật dạy, Bát nhã Ba-la-mật khai thị hết thấy thế gian tướng, từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật.

Bạch Thế Tôn! Vì sao nói Bát nhã Ba-la-mật khai thị hết thấy thế gian tướng? Vì sao nói Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì thâm Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp... dẫn đến xuất sanh ra Nhất thiết chủng trí. Người được đầy đủ các pháp như vậy được gọi là Phật, nên nói Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Chư Phật khai thị 5 âm là thế gian tướng, nên nói Bát nhã Ba-la-mật khai thị thế gian tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật khai thị 5 âm tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật khai thị 5 âm tướng chẳng tán hoại, chẳng sanh diệt, chẳng cấu tịnh, chẳng tăng giảm, chẳng xuất nhập, chẳng có quá khứ, hiện tại hay vị lai. Vì sao? Vì “không tướng” là “vô tướng tướng”, “vô tác tướng”, là chẳng phải “hoại tướng” vậy. Vì hết thấy các pháp đều chẳng khởi, chẳng

sanh, đều là “vô sở hữu”, là “như pháp tánh”, nên chẳng có tướng tán hoại vậy. Vì pháp tướng là như vậy, nên khai thị như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Chư Phật do nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà biết rõ tâm niệm của vô lượng vô biên chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Trong thâm Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chúng sanh, chẳng có danh tự chúng sanh, chẳng có sắc, chẳng có danh tự sắc... dẫn đến chẳng có Nhất thiết chủng trí, chẳng có danh tự Nhất thiết chủng trí.

Như vậy gọi là Bát nhã Ba-la-mật khai thị hết thấy thế gian tướng.

Này Tu Bồ Đề! Thâm Bát nhã Ba-la-mật chẳng khai thị sắc, thọ, tướng, hành, thức... dẫn đến chẳng khai thị Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có tướng của Bát nhã Ba-la-mật hướng nữa là tướng của sắc, thọ, tướng, hành, thức... dẫn đến tướng của Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ở quốc độ này... dẫn đến ở hết thấy các quốc độ trong khắp 10 phương có vô lượng chúng sanh, hoặc loài hữu sắc (có sắc), hoặc loài vô sắc (chẳng có sắc), hoặc loài hữu tướng (có tướng), hoặc loài vô tướng (chẳng có tướng), hoặc loài phi hữu tướng phi vô tướng (chẳng có tướng cũng chẳng phải chẳng có tướng). Những chúng sanh như vậy hoặc nhiếp tâm, hoặc loạn tâm, Phật đều biết rõ tâm niệm của họ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Phật biết rõ như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phật dùng pháp tướng để biết như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật dùng pháp tướng gì để biết?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Trong pháp tướng chẳng có “tướng pháp tướng”, huống nữa là “tướng nhiếp tâm” hay “tướng loạn tâm”.

Phật dùng pháp tướng như vậy nên biết rõ chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm. Vì sao?

Vì tận tướng, vì đoạn tướng, vì tịch diệt tướng, vì ly tướng cho nên biết. Nói cách khác, Phật do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà như thật biết chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật biết rõ chúng sanh có nhiễm tâm, có sân tâm, có si tâm và cũng biết rõ tâm nhiễm, tâm sân, tâm si của chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Phật biết rõ như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì thật tướng của “nhiễm tâm” là “vô nhiễm tâm tướng”, của “sân tâm” là “vô sân tâm tướng”, của “si tâm” là “vô si tâm tướng”.

Vì sao? Vì ở nơi thật tướng chẳng có tướng của “tâm vương”, tướng của “tâm sở”, huống nữa là các tướng của “nhiễm tâm”, của “sân tâm”, của “si tâm”, cũng như các tướng của “vô nhiễm tâm”, của “vô sân tâm”, của “vô si tâm”.

Bởi vậy, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật biết rõ “nhiễm tâm”, “sân tâm”, “si tâm” của chúng sanh, cũng như biết rõ “vô nhiễm tâm”, “vô sân tâm”, “vô si tâm” của chúng sanh. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Vì tâm thể chẳng có tướng nhiễm, chẳng

có tướng vô nhiễm. “Nhiễm tâm tướng” và “vô nhiễm tâm tướng” đều chẳng đầy đủ, chẳng cùng chung vậy. Dẫn đến “sân tâm tướng” và “vô sân tâm tướng”, “si tâm tướng” và “vô si tâm tướng” cũng là như vậy. Bởi vậy nên Phật cũng biết rõ “vô nhiễm tâm”, “vô sân tâm”, “vô si tâm” của chúng sanh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật, mà Phật biết rõ “quảng đại tâm” của chúng sanh.

Vì sao? Vì tâm tướng của chúng sanh chẳng rộng, chẳng hẹp, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng đến, chẳng đi. Tâm tướng là ly, là “không”, nên là như vậy.

Bởi vậy, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật biết rõ chúng sanh có “quảng đại tâm”, và cũng biết rõ “quảng đại tâm” của chúng sanh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật biết rõ tâm chúng sanh vô lượng.

Vì sao? Vì tâm chẳng phải an trú, cũng chẳng phải chẳng an trú. Vì tâm thể là vô tướng, chẳng có chỗ y chỉ, nên chẳng có chỗ trú, cũng chẳng có chỗ chẳng trú.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật biết rõ tâm chúng sanh chẳng thể thấy được.

Vì sao? Vì tâm thể là vô tướng. Chẳng thể dùng “5 nhãn” mà thấy được tâm chúng sanh vậy.

Bởi vậy, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật biết rõ tâm chúng sanh bất khả kiến (chẳng thể thấy được) vậy.

LUẬN:

Hỏi: Ngài Tu Bồ Đề nêu 4 vấn đề để hỏi Phật, mà Phật chỉ giải đáp có 3 vấn đề. Còn câu hỏi: “Vì sao nói từ nơi Bát

nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật”, thì Phật chẳng có giải đáp?

Đáp: Nói “Chư Phật từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh”, hay nói “Do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà thành tựu Phật quả”, thì nghĩa cũng chẳng có gì khác nhau cả.

Vì sao? Vì có thuyết nói: “Hòa hợp được hết thảy các pháp là được Bát nhã Ba-la-mật; mà Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật”. Lại có thuyết nói: “Do hành Bát nhã Ba-la-mật, mà thành tựu được Phật hạnh, nên mới được gọi là Phật”.

Như vậy, trước nói Bát nhã Ba-la-mật là chủ tác, xuất sanh ra chư Phật; sau đó nói Bát nhã Ba-la-mật là duyên khởi dẫn đến Vô Thượng đạo, thành Phật quả. Cả 2 cách nói đồng diễn đạt một ý nghĩa, chẳng có gì sai khác cả.

Ví như nói: “Cây bật gốc, ngã xuống, gây tai nạn chết người”, hay nói: “Một nhánh lớn của cây gãy, rơi xuống, làm chết người”, thì kết quả chẳng có gì sai khác cả.

Như vậy, dù cây đẽ chết người, hay nhánh cây đẽ chết người, thì chủ tác vẫn là cây vậy, chẳng có gì sai khác cả.

Hỏi: *Các kinh đều nói 5 ấm là tán hoại, là thế gian pháp. Vì sao kinh Bát nhã Ba-la-mật nói 5 ấm tán hoại ấy là chẳng có sanh, chẳng có diệt?*

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là kinh Đại thừa. Giữa kinh Đại thừa và kinh Thanh Văn có nhiều sai khác:

- Kinh Thanh Văn phần nhiều nói về vô thường, vô ngã. Kinh Đại thừa phần nhiều nói về pháp “Không”.

- Kinh Thanh Văn, trước nói về vô thường, rồi về sau mới dần dần đến pháp “Không”. Kinh Đại thừa, trước sau đều nói về pháp “Không”.

- Kinh Thanh Văn nói các pháp tướng là tán hoại, khiến chúng sanh sợ hãi. Kinh Đại thừa chẳng nói như vậy, mà nói các pháp thường trú, chẳng sanh, chẳng diệt.

-o0o-

Ở đoạn kinh trên đây, Phật thuyết về pháp tánh “Không, vô tướng và vô tác”, nên chẳng nói đến tán hoại. Như vậy là Bát nhã Ba-la-mật khai thị thể gian tướng.

Sắc thân của chúng sanh rất dễ thấy, dễ biết, mà chúng sanh còn chẳng biết được thể tánh của sắc thân. Như vậy làm sao có thể biết được các tâm và tâm sở, là những pháp vô hình!

Phật như thật biết hết thảy các pháp; dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật biết rõ chúng sanh là không, sắc là không... Nhất thiết chủng trí cũng là không.

-o0o-

Phật dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật mà biết rõ tâm niệm của vô lượng vô biên chúng sanh. Chúng sanh, dù ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc, cõi Hữu Tướng, cõi Vô Tướng, cõi Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng có bao nhiêu tâm niệm, hoặc nhiếp tâm, hoặc loạn tâm, hoặc nhiễm tâm, hoặc vô nhiễm tâm v.v..., Phật đều biết tất cả.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy như vậy sanh nghi, tự niệm rằng: Chư Phật thường ưa tịch tịnh, thường ở nơi pháp “Không”, nay vì sao Phật lại nói khắp biết chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm? Lại nữa, chúng sanh vô lượng vô biên, làm sao chỉ một mình Phật mà có thể biết hết thảy tâm niệm của chúng sanh được?

Phật dạy: Phật dùng pháp tướng để biết rõ như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Phật dùng pháp tướng gì để biết rõ như vậy?

Phật dạy: Dùng thật tướng pháp. Ở nơi thật tướng pháp, thì chẳng còn có “tướng pháp tướng”, huống nữa là các tướng nhiếp tâm hay loạn tâm.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào là thật tướng pháp?

Phật dạy: Thật tướng pháp là tự tánh không, là rốt ráo không, là bất khả đắc không.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thật tướng pháp là rốt ráo không, mà ở trong “Không” chẳng có phân biệt tâm và tâm sở pháp. Như vậy, làm sao có thể biết được tâm niệm của chúng sanh?

Phật dạy: Tánh của thật tướng pháp cũng là bất khả đắc. Cho nên Phật dùng lực phương tiện trí huệ biết được chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm. Vì sao? Vì tánh không là bất khả đắc, chẳng có ngăn ngại vậy.

Phật đã vượt qua hết thảy tướng phân biệt, hư vọng, đã an trú trong thật tướng pháp, trong tánh không, nên biết rõ hết thảy chúng sanh tâm.

Trái lại, phạm phu trú tâm nơi hư vọng pháp, nên chẳng có thể biết được tâm niệm của kẻ khác.

-o0o-

Cũng như vậy, Phật dùng như thật trí huệ, mà biết được nhiễm tâm, sân tâm, si tâm v.v... của chúng sanh. Vì sao? Vì thật tướng của nhiễm tâm, của sân tâm, của si tâm là vô nhiễm, vô sân, vô si. Nên biết chúng sanh tâm là vô lượng, là quảng đại, là bình đẳng vậy.

Hỏi: *Vì sao trước Phật nói: “Thật tướng pháp là vô tướng, nên như thật biết được chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm; rồi sau đó lại nói: “Do tướng tận, tướng đoạn, tướng tịch diệt, tướng ly, nên như thật biết được chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm”?*

Đáp: Bồ tát dùng “vô thường huệ” mà biết “tướng tận”. Do hành “vô thường huệ” mà tâm ly hết thấy nhiễm được vô nhiễm. Lại dùng hết thấy “thế gian đạo”, ngăn ngừa và diệt trừ các kiết sử. Đây là “tướng diệt”. Lại dùng “vô lậu đạo”, tận đoạn các kiết sử. Đây là “tướng đoạn”. Lại quán Niết bàn tịch diệt, ly hết thấy các tướng. Đây là “tướng tịch diệt”, “tướng ly”.

Bởi vậy nên, khi vào được nơi thật tướng pháp, trú nơi thật tướng pháp, thì biết rõ được chúng sanh nhiếp tâm, hay loạn tâm. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng pháp, thì hết thấy các pháp đều là vô tướng cả.

-o0o-

Lại nữa, niệm là vô trú, là rốt ráo không, là chẳng thể biết được. Vì sao? Vì niệm quá khứ đã qua, niệm hiện tại chẳng trú, niệm vị lai chưa đến. Nếu khởi niệm là có sanh diệt rồi vậy.

Phàm phu, do chấp tướng, mới vọng chấp phân biệt có 3 thời. Trái lại, người trí biết rõ “hiện tại”, cũng là tận tướng, là rốt ráo không. Vì biết rõ tâm niệm là rốt ráo không, nên chẳng chấp trước, chẳng có gì vướng mắc cả.

Do biết rõ thời gian là vô trú, nên được đạo. Do biết rõ thật tướng các pháp là vô tướng, nên chẳng khởi sanh vọng kiến phân biệt, dẫn đến như thật biết được tâm chúng sanh nhiễm hay tịnh.

Lại nữa, vì thật tướng của các pháp là rốt ráo thanh tịnh, nên thật tướng của “nhiễm tâm” là “vô nhiễm tâm” vậy. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng, thì chẳng còn có phân biệt tâm và tâm sở pháp. Do vậy, mà biết được nhiễm tâm, sân tâm, si tâm vốn chẳng có tướng nhiễm, tướng sân, tướng si, đều là vô tướng.

Phật dạy: Do nhân duyên “nhiễm tâm” và “vô nhiễm tâm” đều chẳng đầy đủ, chẳng chung nhau, nên ở nơi tâm pháp, chúng sanh thứ lớp sanh tâm; khi có tâm ô nhiễm, thì chẳng có tâm nhiễm, và ngược lại. Thế nhưng, ở cả 3 đời, nhiễm tâm và vô nhiễm tâm đều là bất khả đắc. Vì sao? Vì cả 2 tâm ấy đều rốt ráo là tánh không. Sở dĩ có phân biệt 2 tâm, là do đối đãi mà có vậy.

Nên biết, ở nơi thật tướng pháp chẳng có các tướng nhiễm tâm, vô nhiễm tâm, sân tâm, vô sân tâm, si tâm, vô si tâm... Vì sao? Vì ở nơi thật tướng pháp, thì hết thấy các pháp đều là tướng không, đều là bình đẳng, vô phân biệt.

Người vô trí, do chấp tâm, chấp tướng mà phân biệt tâm có nhiễm, có tịnh, có rộng, có hẹp, có tăng, có giảm v.v... Còn các bậc Thánh thì chẳng phải như vậy, vì các ngài biết rõ tâm là vô sắc, vô hình, vô trước vậy.

-o0o-

Phật dạy: Tâm tướng là tánh không. Các tướng nhiễm, tịnh, rộng, hẹp, tăng, giảm v.v... đều là bất khả đắc cả.

Do có so lường mà nói tâm có nhiễm, có tịnh, có rộng, có hẹp, có tăng, có giảm v.v... Như vậy là nói tâm có hạn lượng. Thế nhưng vì tâm duyên vô lượng chúng sanh, duyên vô lượng pháp, lại vì tâm tướng là bất khả đắc, nên tâm là vô lượng.

Ví như nhãn căn duyên nhãn trần, sanh ra nhãn thức, mà nhãn thức chẳng phải ở trong hay ở ngoài mắt, chẳng phải ở bên này hay bên kia mắt, nên là vô trú xứ, là bất khả đắc vậy.

Do vậy, nên nói các trần cảnh hiện ra trước mắt đều là như cảnh ở trong mộng, chẳng có định tướng. Thức duyên cũng như vậy, chẳng có y chỉ, chẳng có định tướng nên nói tâm là quảng đại, là vô lượng.

Hỏi: *Nếu tâm là chẳng thể thấy được, thì Phật làm sao có thể như thật thấy, như thật biết tâm của hết thảy chúng sanh được?*

Đáp: Người vào thiền định, được tâm thanh tịnh như lưu ly, nên thấy được các vọng tâm đầy khởi, người quán bạch cốt thấy tâm thứ lớp sanh, chẳng thấy tâm tại thân, cũng chẳng thấy tâm tại duyên, người duyên vô biên xứ, thấy thức vô lượng vô biên v.v...

Nên biết, tâm thể là vô tướng, nên chẳng có các tướng tâm như vậy.

Trái lại, Phật thường trú nơi tịch diệt, nên như thật biết hết thảy tâm chúng sanh.

Vì sao? Vì tự tướng của tâm chúng sanh là vô tướng. Phật dùng 5 nhãn, thấy rõ tâm thể của chúng sanh là vô tướng, là bất khả đắc.

Người dùng nhục nhãn và thiên nhãn, thì thấy có sắc pháp. Người dùng huệ nhãn, duyên Niết bàn tướng, thì chẳng thấy có sắc pháp.

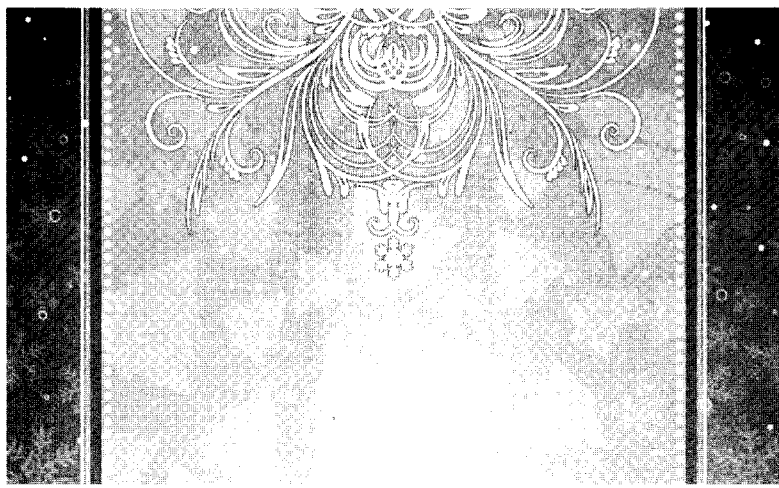
Người mới dùng pháp nhãn, thì thấy phân biệt có thiện pháp, có bất thiện pháp, có hữu lậu pháp, có vô lậu pháp, đến khi liễu đạt được thật tướng pháp rồi, thì người dùng pháp

nhân sẽ thấy rõ được các pháp đều là vô tướng, là bình đẳng, là vô phân biệt.

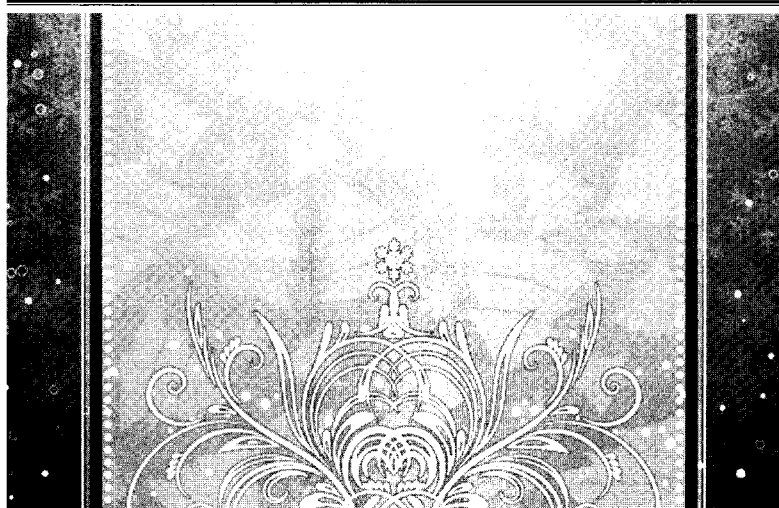
Trước đây đã nói rằng “Hết thấy các pháp đều chẳng có tác giả, chẳng có tri giả, chẳng có kiến giả”. Bởi vậy nên tâm cũng như hết thấy các pháp khác, đều chẳng thể thấy được vậy.

Phật, ở nơi tịch diệt tướng, chẳng dùng sự thấy hư vọng của hàng phàm phu, cũng chẳng dùng 5 nhãn để thấy, nên mới “như thật thấy, như thật biết tâm niệm của chúng sanh” vậy.

(Hết Quyển 69)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 70



Phẩm Thứ Bốn Mươi Tám (TIẾP THEO)



Phật Mẫu (tiếp theo)

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Do nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà Phật như thật biết tâm số lên xuống, ra vào của chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Phật biết rõ như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy tâm số chúng sanh dù có lên xuống, dù có ra vào, thì cũng đều y cứ nơi “sắc, thọ, tưởng, hành, thức” mà sanh khởi cả. Vì sao? Có chúng sanh y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thế gian là thường, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thế gian là vô thường, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thế gian vừa là thường cũng vừa là vô thường, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối, hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thế gian chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối.

Đối với “thọ, tưởng, hành và thức” cũng lầm chấp như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có chúng sanh y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thế gian là hữu biên, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân và

thế gian là vô biên, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thế gian vừa là hữu biên cũng vừa là vô biên, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối, hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thế gian chẳng phải hữu biên cũng chẳng phải vô biên, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối.

Đôi với “thọ, tướng, hành và thức” cũng làm chấp như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có chúng sanh y cứ nơi sắc, mà chấp thân tức là thân, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân khác thân, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân vừa là thân cũng vừa khác thân, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân chẳng phải thân cũng chẳng khác thân, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối.

Đôi với “thọ, tướng, hành và thức” cũng làm chấp như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có chúng sanh y cứ nơi sắc, mà chấp sau khi chết sẽ có thần chuyển đi, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp sau khi chết sẽ chẳng có thần chuyển đi, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối, hoặc y cứ nơi sắc mà chấp sau khi chết sẽ vừa có thần chuyển đi cũng vừa có thần chẳng chuyển đi, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp sau khi chết sẽ chẳng có thần chuyển đi, cũng chẳng có thần chẳng chuyển đi, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối.

Đôi với “thọ, tướng, hành và thức” cũng làm chấp như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật như thật biết tâm số lên xuống, ra vào của chúng sanh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Phật như thật biết sắc tướng. Vì sao? Vì sắc tướng là như như, là bất hoại, là vô phân biệt, vô ức tướng, vô hý luận, vô tướng, vô đắc.

Đối với “thọ tướng, tưởng tướng, hành tướng và thức tướng” Phật cũng đều như thật biết vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên Phật như thật biết chúng sanh như tướng, tâm số lên xuống và ra vào của chúng sanh như tướng, 5 âm như tướng, các hành như tướng ... dẫn đến hết thấy các pháp như tướng.

Thế nào gọi là hết thấy các pháp như tướng?

Đó là 6 pháp Ba-la-mật như tướng, 37 Phẩm Trợ Đạo như tướng, 18 pháp “không” như tướng, 8 bối xả như tướng, 9 thứ đệ định như tướng, 10 Phật lực như tướng, 4 vô sở úy như tướng, 4 vô ngại trí như tướng, đại từ đại bi như tướng, 18 bất cộng pháp như tướng, Nhất thiết chủng trí như tướng. Đó là thiện pháp như tướng, bất thiện pháp như tướng, thế gian pháp như tướng, xuất thế gian pháp như tướng, hữu lậu pháp như tướng, vô lậu pháp như tướng, hữu vi pháp như tướng, vô vi pháp như tướng, quá khứ pháp như tướng, hiện tại pháp như tướng, vị lai pháp như tướng. Đó cũng là Tu-đà-hoàn quả như tướng, Tu-đà-hàm quả như tướng, A-na-hàm quả như tướng, A-la-hán quả như tướng, Bích Chi Phật quả như tướng... dẫn đến đó là Phật quả như tướng, Vô Thượng Bồ Đề như tướng.

Hết thấy pháp như tướng đều là “nhất như tướng”, đều chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng tán, chẳng hoại.

Này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật, mà Phật như thật biết hết thấy pháp như tướng. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay xuất sanh ra chư Phật, hay khai thị thế gian tướng.

Này Tu Bồ Đề! Phật như thật biết hết thấy pháp như tướng là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì như thật biết hết thấy pháp như tướng, nên Phật được gọi là đấng Như Lai.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu! Hết thấy pháp như tướng là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng phải chẳng như tướng.

Bạch Thế Tôn! Chư Phật dụng pháp như tướng như vậy, để vì chúng sanh thuyết Vô Thượng Bồ Đề. Chỉ có các bậc Bồ tát bất thối, các bậc lậu tận A-la-hán, các bậc đã đầy đủ chánh kiến mới tín giải được thậm thâm pháp này.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì pháp như tướng là vô tận, nên là thậm thâm, vi diệu.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì được gọi là như tướng vô tận, nên là thậm thâm vi diệu?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều là như tướng vô tận, nên đều là thậm thâm, vi diệu.

Này Tu Bồ Đề! Phật như thật biết hết thấy pháp như tướng vô tận, nên mới vì chúng sanh chuyển pháp luân.

LUẬN:

Phật biết rõ chúng sanh, khi hành các pháp, thường rơi vào 62 tà kiến chấp, Đó là do 98 kiết sử phiền não sanh ra. Bởi vậy nên nói là Phật biết rõ tâm và tâm sở pháp lên xuống, ra vào của hết thấy chúng sanh.

Phàm phu, do bị ái dục che tâm, mà thường khởi sanh các phiền não. Hàng xuất gia, nếu còn bị kiêu mạn che tâm, thì cũng còn khởi sanh tà kiến.

Phàm phu, do chấp thế gian lạc, nên tâm bị chìm xuống. Hàng xuất gia nhằm chán sanh tử, muốn cầu Phật đạo, muốn được tâm nổi lên; thế nhưng, nếu chẳng rõ được chánh đạo, thì chẳng ly được ba cõi, khiến tâm vẫn bị chìm xuống.

-o0o-

Dùng mắt thường (nhục nhãn) nhìn vào hồ nước trong có thể thấy rõ đàn cá trong hồ, có lúc nổi lên, có lúc chìm xuống, bơi lội mãi miết như vậy, mà chẳng thoát ly ra được.

Cũng như vậy, dùng Phật nhãn quán tâm chúng sanh, ở trong 6 đạo và khắp 10 phương, cứ mãi lên xuống, ra vào. Vì sao? Vì chúng sanh thường bị 5 dục che tâm, khiến phải bị chìm đắm mãi trong sanh tử, chẳng có thể thoát ly khỏi ngục tù 3 cõi. Ví như:

- Có người phát tâm Bồ đề, trì giới, nhưng lại bị tà nghi che tâm, khiến tâm huệ bị chìm xuống.

- Có người đã ly 5 dục, đã có được Noãn pháp và Đánh pháp, quán được 4 Thánh Đế, nhưng nếu chưa liễu đạt được thật tướng pháp, thì tâm huệ vẫn còn bị chìm xuống.

- Có người đã ly dục, đã rõ thông được các pháp vô sở hữu... nhưng nếu chưa vào Niết bàn, thì tâm huệ vẫn còn bị chìm xuống.

Hỏi: Thế nào gọi là tâm nổi lên, chìm xuống?

Đáp: Ở đoạn kinh trên đây, Phật nêu lên các trường hợp

lầm chấp của chúng sanh, khiến tâm của họ cứ phải nổi lên, chìm xuống mãi trong biển sanh tử.

Các trường hợp lầm chấp của chúng sanh về “thần và thể gian”, y cứ nơi 5 âm, được chia ra làm 4 nhóm.

1). Nhóm thứ nhất: Chấp thần và thể gian hoặc là thường, hoặc là vô thường, hoặc vừa là thường cũng vừa là vô thường, hoặc chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường.

Phàm phu chấp có thần và thể gian, mà chẳng biết rằng thần và thể gian chẳng thật có, chỉ do ức tưởng phân biệt mà vọng chấp vậy thôi.

- Có người chấp thần là thường. Do chấp thần như vậy, mà thường tu phước đức, mong được thân chứng giải thoát.

- Có người chấp thần là vô thường. Do chấp thần như vậy, mà buông lung theo danh lợi, nhằm thỏa mãn cuộc sống hiện tại.

- Có người chấp “vi tế thần” là thường trú, còn thần tạo ra thân sau là vô thường. Như vậy là chấp thần vừa là thường cũng vừa là vô thường.

- Có người chấp thân chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường. Vì sao? Vì họ cho rằng chấp thần thường hay vô thường cũng đều có lỗi cả. Nếu chấp thần là vô thường, thì chẳng có tội, cũng chẳng có phước. Nếu chấp thần là thường thì khổ lạc chẳng có khác nhau, ví như hư không chẳng bị mưa làm ướt, chẳng bị mặt trời làm khô vậy.

Trái lại, nếu chấp thần là vô thường, thì khổ lạc biến đổi. Ví như da trâu, phơi ngoài trời, bị gió mưa làm hư hoại vậy.

- Có người chấp có thân, mà thân chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường. Do chấp như vậy mà tâm thức bị cuồng loạn.

Phật dạy: Tất cả 4 tà chấp về thường và vô thường, nêu trên đây, là do vọng kiến thù chấp nơi 5 ấm sanh ra cả.

Nên biết, “thế gian” có 3 tướng. Đó là:

- 5 ấm thế gian tướng.
- Chúng sanh thế gian tướng.
- Quốc độ thế gian tướng.

Chúng sanh, trú ở nơi các tướng thế gian này, thường khởi sanh 4 tà kiến chấp về thường và vô thường.

-o0o-

2) Nhóm thứ hai: Chấp thân và thế gian hoặc là hữu biên, hoặc là vô biên, hoặc vừa là hữu biên cũng vừa là vô biên, hoặc chẳng phải hữu biên cũng chẳng phải vô biên.

- Có người chấp thế gian là hữu biên, rồi truy tầm cho được nguồn gốc của thế gian; như vậy là chấp thế gian là hữu thi, tức là có đầu mối. Thế nhưng, tìm mãi cũng chẳng ra đầu mối, chẳng ra nguồn gốc của thế gian. Thế gian đã chẳng có đầu mối, thì cũng chẳng có chặng giữa, và rốt ráo chẳng có tận cùng vậy.

Ví như người vào thâm thiền định, được túc mạng trí, có thể thấy 8 vạn kiếp trong quá khứ. Ngoài 8 vạn kiếp, thì mù mịt chẳng biết gì nữa cả. Do vậy mà cho rằng ngoài 8 vạn kiếp cũng là như vậy.

Lại nữa, họ chỉ thấy được thức, lúc ban đầu, gá vào thân trung ấm, rồi tự nghĩ rằng: “Nếu thức gá vào thân trung ấm như vậy, ắt phải có nhân, có duyên gì mà ta chưa biết được thôi”. Rồi từ đó, họ ức tướng phân biệt, chấp có một thể tánh vi tế; từ thể tánh vi tế đó sanh ra giác tánh, mà giác tánh là thân trung ấm vậy.

Từ đó, họ lại suy diễn: “Giác tánh sanh ra ngã; từ ngã sanh ra có 5 trần; theo thanh trần, sanh ra không đại; theo thanh trần và xúc trần sanh ra phong đại; theo sắc trần, thanh trần và xúc trần sanh ra hỏa đại; theo sắc trần, thanh trần, vị trần và xúc trần sanh ra thủy đại; theo sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần và xúc trần sanh ra địa đại; theo không đại sanh ra nhĩ căn; theo phong đại sanh ra thân căn; theo hỏa đại sanh ra nhãn căn; theo thủy đại sanh ra thiệt căn; theo địa đại sanh ra tỷ căn.”

Như vậy lần lần chuyển biến từ tế đến thô, rồi từ thô đến tế, trở về với thể tánh. Ví như lấy đất sét làm ra cái bình, cái chậu...; khi phá cái bình, cái chậu... thì các vật dụng này lại trở về với đất sét. Ở đây có sự chuyển biến từ tế đến thô, từ thô đến tế, mà thể tánh vẫn thường còn.

Trên đây là quan điểm của hàng ngoại đạo Tăng Khur, diễn giải về thể tánh.

- Có người chấp “vi tế trần” là sơ biên (biên bờ đầu tiên) của thế giới; chấp “vi tế trần” là thường pháp, chẳng thể phá, chẳng thể tiêu, chẳng thể hư nát. Vì vi tế trần quá nhỏ, nên phải hội đủ các nhân duyên tội phước hòa hợp, mới dẫn sanh có thân, từ cõi trời cho đến cõi địa ngục. Thân chẳng phải do cha mẹ sanh ra, nên khi tội phước tán hoại, thì thân cũng tán hoại.

- Có người chấp thế giới tự nhiên có; sự giàu nghèo, sang hèn... của con người chẳng phải do hạnh nguyện làm ra được.

- Có người chấp có một vị “Thiên chủ” là đầu mối, sanh ra thế giới; tạo tác ra muôn sự, muôn vật; tạo tác ra thiện ác, tội phước v.v... Khi nào vị Thiên chủ thu hồi công trình tạo tác, thì muôn sự, muôn vật tự nhiên diệt.

- Có người chấp rằng chúng sanh thọ khổ, thọ lạc trong

nhiều đời, nhiều kiếp. Khi hết thọ khổ lạc rồi, thì tự đến chỗ tận đoạn. Ví như cầm đầu mối chỉ, rồi thả cho cuộn chỉ lăn từ trên cao xuống, cho đến khi tháo hết chỉ thì cuộn chỉ chẳng còn lăn xuống nữa. Cũng như vậy, khi tội phước đã đi đến chỗ tận cùng rồi thì trở thành “không”. Dù tinh tấn, dù giải đãi... cũng chẳng có gì khác nhau.

- Có người chấp 8 phương của quốc độ thế gian đều có biên bờ chỉ có phương trên, phương dưới là chẳng có biên bờ.

- Có người chấp bên dưới có địa ngục, bên trên có cõi trời Hữu Đảnh, còn 8 phương kia chẳng có biên bờ

- Có người chấp thần là hữu biên. Ví như nói thần ở nơi thân nhỏ như hạt cát; hoặc nói thân lớn thì thần lớn, thân nhỏ thì thần nhỏ. Lại chấp thần thuộc về sắc pháp nên có thể phân chia.

- Có người chấp thần là vô biên, biến khắp hư không, chẳng có chỗ nào là chẳng có thần. Ví như khi thần ở nơi thân, thì thân biết khổ, biết lạc vậy.

- Có người chấp thế gian là vô thi, tức chẳng có đầu mối. Họ cho rằng nếu thế gian là hữu thi, thì phải là hữu chung. Như vậy thì chẳng có thường thọ thân sau, chẳng có Niết bàn. Cho nên họ chấp thế gian là vô thi.

- Có người chấp quốc độ thế gian trong 10 phương là vô biên.

- Có người chấp thân và thế gian là vô biên, mà quốc độ là hữu biên.

- Có người chấp thân và thế gian là hữu biên, mà quốc độ là vô biên.

- Có người chấp thân và thế gian chẳng phải hữu biên mà

cũng chẳng phải vô biên. Họ cho rằng chấp thân và thể gian là hữu biên hay là vô biên đều có lỗi cả.

3) Nhóm thứ ba: Chấp thân tức là thân, hoặc thân khác thân hoặc thân vừa là thân cũng vừa khác thân, hoặc thân chẳng phải là thân cũng chẳng phải khác thân.

- Có người chấp thân tức là thân, vì cho rằng khi phân chia thân ra thì thân là bất khả đắc. Hơn nữa thân có thọ khổ, thọ lạc, nên thân tức là thân vậy.

- Có người chấp thân là thân; vì khi thân diệt thì thân cũng diệt theo.

- Có người chấp thân khác thân, vì cho rằng thân rất vi tế, nên 5 căn chẳng thể thấy biết được thân. Hơn nữa phải nhất tâm thanh tịnh mới thấy được thân, nên thân khác thân vậy.

- Có người chấp thân khác thân, vì khi thân diệt thì thân vẫn thường còn. Đây thuộc về biên kiến.

- Có người chấp thân vừa là thân cũng vừa khác thân.

- Có người chấp thân chẳng phải là thân cũng chẳng phải khác thân.

4). Nhóm thứ tư: Chấp sau khi chết sẽ có thân chuyển đi, hoặc chấp sau khi chết sẽ chẳng có thân chuyển đi, hoặc chấp sau khi chết sẽ vừa có thân chuyển đi cũng sẽ vừa có thân chẳng chuyển đi, hoặc chấp sau khi chết sẽ chẳng có thân chuyển đi, cũng sẽ chẳng có thân chẳng chuyển đi.

- Có người chấp đã sanh ra ở cõi đời này rồi, thì sẽ đi đến đời sau. Như vậy là chấp sau khi chết, thân sẽ chuyển đi.

- Có người chấp đời trước chẳng từ đâu đến, nên khi chết cũng chẳng đi về đâu. Như vậy là chấp sau khi chết, thân chẳng chuyển đi.

- Có người chấp khi sống thần và thân hòa hợp, còn sau khi chết, thì thân đi mà thần chẳng đi. Như vậy có nghĩa là vừa chuyển đi cũng vừa chẳng chuyển đi.

- Có người cho rằng chấp thần chuyển đi là có lỗi, mà chấp thân chẳng chuyển đi cũng là có lỗi, nên chấp sau khi chết sẽ chẳng có thần chuyển đi cũng sẽ chẳng có thân chẳng chuyển đi.

-o0o-

Tất cả các tà kiến chấp như vậy làm cho tâm chúng sanh cứ phải nổi lên chìm xuống mãi mãi. Vì sao? Vì do tà kiến che tâm mà chúng sanh dù muốn cầu đạo Giải thoát cũng vẫn phải cứ nổi lên và chìm xuống mãi trong biển sanh tử, chẳng sao thoát ra khỏi ngục tù 3 cõi.

Tà kiến chấp rất nhiều chẳng sao kể xiết được.

Thế nhưng, nên biết rằng 16 tà chấp, nêu nơi 4 nhóm trên đây, cùng tất cả các tà kiến chấp khác đều do ức tướng phân biệt khởi sanh ra cả.

Phật dạy: Do duyên 5 âm và y chỉ nơi 5 âm, mà chúng sanh điên đảo khởi các vọng kiến, mà chẳng biết rằng 5 âm cùng hết thầy pháp đều là “không, vô tướng, vô tác”, đều là “như tướng” cả.

Nên biết hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian đều là như. Bởi vậy chẳng nên chấp thiện pháp, bất thiện pháp... dẫn đến chẳng nên chấp Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì các pháp “như tướng” là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì các pháp đều “như tướng”, nên đều tùy thuận nhau, chẳng có chống trái nhau... dẫn đến 10 phương chư Phật cũng là như vậy.

“Nhu” là như vậy. Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Chỉ có các bậc Bồ tát bất thối, các bậc lậu tận A-la-hán, các bậc đã đầy đủ chánh kiến mới có thể tin giải được.

Phật lại dạy: Hết thảy pháp đều như tướng vô tận, nên đều là thậm thâm vi diệu. Phật như thật biết các pháp như tướng vô tận, nên được gọi là Như Lai, vì chúng sanh thuyết pháp, dẫn dắt chúng sanh vào đạo Niết bàn vậy.

-o0o-

Phẩm Thứ Bốn Mười Chín



Vấn Tướng (Hỏi Về Các Tướng)

KINH:

Lúc bấy giờ, chư thiên trong khắp đại thiên thế giới tán hương hoa đầy khắp hư không, đều đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Vậy tướng của Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Nay chư thiên tử! Bát nhã Ba-la-mật tướng là không tướng, vô tướng tướng, vô tác tướng, vô khởi tướng, vô sanh tướng, vô diệt tướng, vô cấu tướng, vô tịnh tướng, vô sở hữu tướng, vô sở y tướng, là hư không tướng. Bởi vậy nên Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm.

Này chư thiên tử! “Nhu tướng” là tướng của thâm Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên Phật dùng thế gian pháp để thuyết giảng cho chúng sanh nghe mà chẳng dùng đệ nhất nghĩa mà thuyết vậy.

Này chư thiên tử! Hết thấy thế gian, trời, người, a-tu-la chẳng thể phá hoại tướng ấy được. Vì sao? Vì hết thấy thế gian, Trời, người và a-tu-la cũng đều là tướng ấy vậy.

Này chư thiên tử! Tướng chẳng thể phá hoại tướng, tướng chẳng thể biết tướng, tướng chẳng thể biết vô tướng, vô tướng chẳng thể biết tướng.

Vì sao? Vì tướng là “vô tướng tướng”. Đã là “vô tướng

tướng”, thì là “Vô sở tri” vậy. Biết như vậy là như thật biết các pháp đều là bất khả đắc.

Vì sao? Vì tướng chẳng phải do sắc làm ra... dẫn đến chẳng phải do thức làm ra, chẳng phải do Đàn Ba-la-mật làm ra... dẫn đến chẳng phải do Bát nhã Ba-la-mật làm ra, chẳng phải do nội không làm ra... dẫn đến chẳng phải do vô pháp hữu pháp không làm ra, chẳng phải do 4 niệm xứ làm ra... dẫn đến chẳng phải do Nhất thiết chủng trí làm ra.

Này chư thiên tử! Hết thấy tướng đều chẳng phải sở hữu của trời, của người, chẳng phải thế gian, chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi.

Này chư thiên tử! Ví như có người hỏi: “Tướng của hư không như thế nào?”. Hỏi như vậy có đúng chăng?

Chư thiên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hỏi như vậy chẳng đúng. Vì hư không chẳng có tướng khả thuyết (có thể nói ra được). Vì hư không là vô tướng, là vô vi, là vô ký vậy.

Phật dạy: Này chư thiên tử! Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì tánh và tướng vẫn thường trú.

Phật như thật biết như tánh tướng, nên được gọi là Như Lai. Chư thiên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã được tánh tướng thậm thâm. Được tánh tướng ấy rồi là được vô ngại trí. An trú trong tánh tướng ấy và dùng Bát nhã Ba-la-mật mà tập tụ tướng của các pháp.

Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Thâm Bát nhã Ba-la-mật là chỗ hành xứ của chư Phật. Do tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà đắc Vô Thượng Bồ Đề. Do đắc Vô Thượng Bồ Đề, mới thông đạt hết thấy các pháp tướng, từ sắc tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tướng vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, này chư thiên tử! Nỗ hoại là tướng của sắc, cảm giác là tướng của thọ, duyên lự là tướng của tưởng, duyên khởi tạo tác là tướng của hành, liễu triệt là tướng của thức. Phật dụng tâm vô tướng, nên xả hết thấy các tướng ấy.

Lại nữa, này chư thiên tử! Hay xả thí là tướng của Đàn Ba-la-mật, chẳng thiệt nảo là tướng của Thi La Ba-la-mật, chẳng nao núng là tướng của Săn Đề Ba-la-mật, chẳng thối thất tướng của Tỳ Lê Gia Ba-la-mật, thường nhiếp tâm là tướng của Thiên Ba-la-mật, thường xả ly tướng là tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Phật dụng tâm vô tướng, nên xả hết thấy các tướng ấy.

Lại nữa, này chư thiên tử! Tâm chẳng bị phiền não nhiều loại là tướng của 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định. Phật dụng tâm vô tướng nên xả hết thấy các tướng ấy.

Lại nữa, này chư thiên tử! Xuất thế gian là tướng của 37 Phẩm Trợ Đạo, xả ly là tướng của không môn, tịch diệt là tướng của vô tướng môn, chẳng khổ là tướng của vô tác môn. Phật dụng tâm vô tướng nên xả hết thấy các tướng ấy.

Lại nữa, này chư thiên tử! Siêu thắng là tướng của 10 Phật lực, chẳng sợ hãi là tướng của 4 vô sở úy, liễu đạt được hết thấy các pháp là tướng của 4 vô ngại trí, chẳng ai có thể sánh kịp là tướng của 18 bất cộng pháp. Phật dụng tâm vô tướng nên xả hết thấy các tướng ấy.

Lại nữa, này chư thiên tử! Thương xót chúng sanh là tướng của đại từ đại bi, thấy biết chân thật là tướng của chánh kiến, chẳng đấm trước là tướng của hành xả, biết rõ hết thấy pháp hiện tiền là tướng của Nhất thiết chủng trí. Phật dùng tâm vô tướng nên xả hết thấy các tướng ấy.

Này chư thiên tử! Vì dụng tâm vô tướng như vậy, nên Phật được gọi là đấng Vô Ngại Trí.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã nói nhiều về không tướng, vô tướng tướng, vô tác tướng... dẫn đến vô sở hữu tướng là tướng của Bát nhã Ba-la-mật rồi. Nay vì sao chư thiên còn hỏi nữa?

Đáp: Phật tùy nơi, tùy thời, tùy căn cơ của chúng sanh đến nghe pháp mà thuyết, để chúng sanh được lợi lạc. Có lúc Phật thuyết “vô”, có lúc thuyết “hữu”, có lúc thuyết về nhân quả, có lúc thuyết về tội phước v.v... Nay chư thiên hỏi về Bát nhã Ba-la-mật tướng, nên Phật mới rộng nói về các tướng của Bát nhã Ba-la-mật.

Trước đây Phật đã nói “Bát nhã Ba-la-mật tướng là như mộng, như huyễn”... tựa như khả đắc (có thể được) mà thật chẳng có tướng khả thủ (có thể nắm bắt được). Chỉ có chư Phật mới có thể như thật biết về tướng ấy.

Chư thiên, dù có lợi trí, nhưng chẳng thể nào biết rõ được nên mới thưa hỏi Phật như vậy.

Phật dạy rằng chư thiên cũng như hết thảy các pháp khác đều là Bát nhã Ba-la-mật tướng, là không tướng.

Hết thảy pháp đều là “không tướng”, có nghĩa là hết thảy pháp đều là “vô tướng tướng”.

Đã là vô tướng tướng thì chẳng có các nguyên nhân dẫn sanh thân sau, nên cũng là “vô tác tướng” vậy.

Bởi vậy nên nói 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” là 3 cửa dẫn vào 3 thừa đạo. Đây là cộng tướng của cả 3 thừa đạo, vì cả 3 thừa đều có nói đến.

Ví như ở cả 3 thừa đều nói đến pháp tướng là bất sanh, bất

diệt, bất cầu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, đều là vô y chỉ, là như hư không. Đây cũng chính là Bát nhã Ba-la-mật tướng vậy.

-o0o-

“Cửa không” chỉ có một, nhưng tùy người căn trí lợi hay độn mà cách vào “cửa không” có nhiều sai khác. Bởi vậy nên mới phân biệt nói không, nói vô sanh, nói vô diệt v.v...

Chư thiên tự niệm rằng: Nếu Bát nhã Ba-la-mật là không, là vô sở hữu, thì tướng của Bát nhã Ba-la-mật là tướng của hư không. Như vậy làm sao có thể diễn bày được. Vì sao? Vì nếu tướng ấy có thể diễn bày được, thì ắt phải là hữu tướng, chẳng phải là vô tướng vậy.

Tự niệm như vậy, nhưng vì sợ oai đức của Phật, nên chư thiên chẳng dám thưa hỏi. Phật biết rõ tâm niệm của chư thiên, nên dạy: Phật thương xót chúng sanh, nên dùng thế để để diễn bày “không tướng”, mà chẳng dùng đệ nhất nghĩa đế. Vì Phật dùng thế để, nên chẳng có gì để nạn vấn cả.

Lại nữa, tuy thuyết “không”, mà chẳng thủ chấp “không”, tuy thuyết thế đế, mà chẳng rơi lọt vào thế đế nên là đồng một tướng vô phân biệt vậy. Tuy nói Bát nhã Ba-la-mật tướng là vô sở hữu, là như hư không tướng, mà chẳng có pháp nào mà chẳng vào trong tướng ấy cả, nên nói hết thấy pháp tướng thế gian đều chẳng thể hoại được. Vì sao? Vì hết thấy thế gian, trời, người, a-tu-la cũng đều là tướng ấy cả, mà tướng thì chẳng thể pháp hoại tướng. Ví như lửa chẳng thể diệt được lửa, nước chẳng thể diệt được nước vậy. Dù miệng nói “phá tướng cho đến chỗ rốt ráo” nhưng “rốt ráo” là bất khả tư nghì, là chẳng thể phá hoại được.

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, là vô tướng,

là vô tác. Bởi vậy nên tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, tướng cũng chẳng thể phá hoại tướng. Vì sao? Vì các pháp dù phân tán, dù tập hợp, thì cũng đều rớt ráo chẳng tăng giảm, rớt ráo chẳng có chỗ phá được. Ví như lấy búa chẻ khúc gỗ lớn ra thành nhiều miếng củi nhỏ, thì lượng gỗ vẫn chẳng có tăng giảm. Lại nữa, hết thấy pháp đều chẳng có định tướng nên chẳng thể phá hoại được. Vì như cây do gốc rễ, thân, cành, lá... hợp lại, mà chẳng có pháp nào nhất định gọi là cây.

Hỏi: *Hết thấy sắc pháp chẳng có tánh giác, nên chẳng hay chẳng biết được. Còn tâm sở pháp có thể hay biết được các tướng. Như vậy vì sao lại nói chẳng hay biết?*

Đáp: Nơi đây Phật nói về thật tướng pháp nên nói sự “thấy, nghe, hay biết” của phàm phu đều là hư vọng. Do chấp có hữu vi pháp tướng mới có nhân duyên hòa hợp sanh, nên nói các pháp là hư vọng, chẳng thật có.

Nên biết rằng:

- Nếu dùng trí để phân biệt các pháp là thường, là vô thường, là không, là tịch diệt v.v... thì vẫn chưa đến được chỗ vô sở hữu.

- Trái lại, nếu “như thật biết” các pháp, thì chẳng cần dùng đến trí dụng, vì trí dụng là trí tướng mà đã là tướng thì chẳng thể biết tướng, tướng chẳng thể biết vô tướng. Nội, tuy có trí mà thật sự là tánh không, ngoại, tuy có tướng, mà cũng vẫn là tánh không. Nội cũng như ngoại đều chẳng có pháp có thể biết được. Có thuyết nói duyên tướng bên ngoài là vô duyên (chẳng có duyên), nên tướng bên ngoài chẳng phải do trí huệ sanh. Cho nên nói trí tướng chẳng có thể biết được vô tướng. Ví như con dao, dù rất bén, cũng chẳng có thể chém được hư không vậy.

Có thuyết nói trí huệ ở bên trong, chẳng có định tướng, mà các pháp ở bên ngoài lại có định tướng, và nói tâm tùy duyên sanh. Cho nên nói vô tướng chẳng thể biết được tướng. Ví như nếu chẳng có những dụng cụ để cưa xẻ gỗ, thì chẳng sao có thể cưa xẻ khúc gỗ lớn ra làm nhiều tấm ván mỏng được vậy.

-o0o-

Tóm lại “thật tướng pháp” là vô tướng tướng. Hết thấy các pháp ở nơi thật tướng đều là không tướng, là vô tướng tướng nên đều là bất khả tri (chẳng thể biết được), bất khả đắc (chẳng thể đắc được).

Hỏi: *Vì sao nói tướng chẳng vào được vô tướng?*

Đáp: Vì vào chỗ vô tướng là đã ly tướng rồi, mà vô tướng là vô sở hữu xứ (chẳng có xứ sở) vậy. Bởi vậy nên tướng chẳng vào được vô tướng.

Lại nữa, “năng tướng” và “sở tướng” đều chẳng có định tướng. Do có sở tướng, mới có năng tướng, và ngược lại. Nếu nói trước đã có năng tướng, mà năng tướng lại là vô tướng (chẳng có tướng), thì chẳng thể nào có sở tướng được. Còn nếu nói trước đã có sở tướng, mà sở tướng là vô tướng, thì cũng chẳng thể nào có năng tướng được.

Cả năng tướng và sở tướng đều chẳng có định tướng, nên các tướng ấy đều chẳng phải là thật tướng. Cho nên nói năng tướng và sở tướng đều là bất khả đắc cả.

-o0o-

Như trước đây đã nói “hết thấy các pháp tướng đều là không tướng, là vô tướng”. Như vậy là tướng chẳng phải do

5 âm làm ra, chẳng phải do 6 pháp Ba-la-mật làm ra... dẫn đến chẳng phải do Nhất thiết chủng trí làm ra. Tướng là vô vi tánh, nên chẳng do pháp nào làm ra, chẳng do người làm ra... dẫn đến chẳng do chư thiên, chư Bồ tát, chư Phật làm ra.

Vì sao? Vì tướng là rốt ráo không, chẳng phải là hữu lậu hay vô lậu, chẳng phải là thế gian hay xuất thế gian vậy.

-o0o-

Trước đây nói vô vi tướng nhằm đối trị sự làm chấp về hữu vi tướng. Nay nói vô vi tướng cũng chẳng có định tướng, khiến có nhiều người nghi, nên Phật nói rõ với chư thiên rằng: Dù có Phật, dù chẳng có Phật, thì các tướng vẫn thường trú. Người biết rõ như vậy là vào được Phật đạo.

Lúc bấy giờ, hàng chư thiên hoan hỷ bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là thâm thâm. Tuy chẳng chấp thủ pháp tướng, mà vẫn có thể tu hành để thành tựu vô thượng phước quả.

Phật dạy: Nếu thấu rõ được tánh tướng như vậy là được vô ngại trí. Nếu chẳng thấu rõ thâm thâm tánh tướng như vậy, thì chẳng có được vô ngại trí.

Phật thông đạt vô ngại, thể nhập vào thật tướng pháp, để rồi từ đó rộng thuyết về tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp, từ não hại tướng, tức là sắc tướng... dẫn đến “liễu vi tướng”, tức là Nhất thiết chủng trí tướng. Phật đã như vậy mà phân biệt ra các tướng.

Phàm phu, do chấp tướng, mà phân biệt ra có các tướng riêng khác. Còn Phật biết rõ hết thảy các pháp tướng đều là không tướng, mà không tướng cũng tức là vô tướng. Phật khắp biết rõ thật tướng của hết thảy các pháp mà thật tướng pháp chính là Bát nhã Ba-la-mật tướng vậy.

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật, hay khai thị thế gian tướng, nên Phật y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, trú trong Bát nhã Ba-la-mật, cung kính, cúng dường, tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật. Phật biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là nhân sanh ra chư Phật, nên nói pháp ấy là pháp tối thượng, chẳng có pháp nào sánh kịp.

Do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà Phật được Vô Thượng Bồ Đề, được thành Phật, nên Phật trở lại cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán và hộ trì pháp ấy.

Này Tu Bồ Đề! Phật biết rõ hết thấy pháp đều là vô tác tướng, vì chẳng có tác giả làm ra, đều chẳng có tướng sanh khởi, vì đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật, mà Phật biết rõ hết thấy pháp đều chẳng có tướng tạo tác, chẳng có tướng sanh khởi, cũng biết rõ hết thấy pháp bất sanh, là vô sở đắc.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật là vô tri giả (chẳng có người biết), là vô kiến giả (chẳng có người thấy), thì làm sao Bát nhã Ba-la-mật lại hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp chẳng thể biết, chẳng thể thấy được.

Thế nào gọi là chẳng thể biết, chẳng thể thấy được?

Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không, là hư vọng, là chẳng kiến cố, nên là chẳng thể biết, chẳng thể thấy được.

Vì hết thấy pháp đều chẳng có chỗ y chỉ, chẳng có gì trói buộc, nên là chẳng thể biết, chẳng thể thấy được.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì sắc chẳng thể thấy; vì “thọ, tướng, hành, thức” chẳng thể thấy,... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí chẳng thể thấy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao chẳng thấy sắc... dẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí, mà Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu chẳng duyên nơi sắc để sanh phân biệt, chẳng duyên nơi “thọ, tướng, hành, thức” để sanh phân biệt, ... dẫn đến chẳng duyên nơi Nhất thiết chủng trí để sanh phân biệt, thì đó gọi là chẳng thấy sắc tướng... dẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí tướng.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị thế gian không.

Thế nào gọi là hay khai thị thế gian không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thế gian không,

khai thị 12 nhập thế gian không, khai thị 18 giới thế gian không, khai thị 12 nhân duyên thế gian không, khai thị ngã kiến cùng 62 kiến chấp thế gian không, khai thị 4 thiên thế gian không, khai thị 4 vô lượng tâm thế gian không, khai thị 4 vô sắc định thế gian không, khai thị 37 Phẩm Trợ Đạo thế gian không, khai thị 10 thiện đạo thế gian không, khai thị nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không thế gian không, khai thị hữu vi tánh và vô vi tánh thế gian không, khai thị 10 lực thế gian không, khai thị 18 bất cộng pháp thế gian không, ... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian không. Như vậy gọi là khai thị thế gian không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật khai thị thế gian không, biết rõ thế gian không, tư duy thế gian không, phân biệt thế gian không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian không.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thế gian không... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng,

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian bất khả tư nghì.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian bất khả tư nghì?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 âm thế gian bất khả tư nghì ... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian bất khả tư nghì.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian ly.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian ly?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 âm thế gian ly... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian ly.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian tịch diệt.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian tịch diệt?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 âm thế gian tịch diệt... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian tịch diệt.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian rốt ráo không.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian rốt ráo không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 âm thế gian rốt ráo không ... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian rốt ráo không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thể gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thể gian tánh không.

Thể nào gọi là hay khai thị Phật thể gian tánh không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thể gian tánh không ... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thể gian tánh không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thể gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thể gian vô pháp không.

Thể nào gọi là hay khai thị Phật thể gian vô pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thể gian vô pháp không... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thể gian vô pháp không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thể gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thể gian hữu pháp không.

Thể nào gọi là hay khai thị Phật thể gian hữu pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thể gian hữu pháp không... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thể gian hữu pháp không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thể gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian vô pháp hữu pháp không.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian vô pháp hữu pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thế gian vô pháp hữu pháp không... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian vô pháp hữu pháp không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian độc không.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian độc không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thế gian độc không... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian độc không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị thế gian pháp tướng. Đó là “tướng” chẳng sanh ở đời này và ở đời sau.

Vì sao? Vì các pháp chẳng có tướng dụng sanh ở đời này và sanh ở đời sau vậy.

-o0o-

LUẬN:

Phật dạy Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật, là nhân duyên xuất sanh chư Phật. Cho nên Phật y chỉ nơi Bát nhã

Ba-la-mật, trú trong Bát nhã Ba-la-mật, cung kính, cúng dường, tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật.

Trong kinh có nói: Chư Phật y chỉ nơi pháp ấy, tôn trọng pháp ấy, và lấy pháp ấy làm thầy.

Nơi đây, Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: Pháp ấy chính là Bát nhã Ba-la-mật. Pháp ấy chẳng có lỗi lầm. Chúng sanh, do tà kiến mà khởi phân biệt thiện pháp với bất thiện pháp; nhưng pháp ấy vẫn y nhiên như vậy.

Người biết ơn Phật, biết tôn quý thiện pháp, thì phải xem pháp ấy là pháp tối thượng, khiến đời này được an vui, lưu danh lại ở đời sau, lại còn được quả báo tối diệu nữa.

-o0o-

Phật dạy hạnh tri ân là cao quý nhất. Đối với pháp bồ thí, pháp trì giới v.v... mà các thiện nam, thiện nữ còn biết tri ân, huống nữa là đối với Bát nhã Ba-la-mật.

Thế nhưng, vì chư thiên từ tự niệm rằng: “Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, chẳng có định tướng, khiến có người chẳng biết quý trọng”, nên Phật dạy rằng: “Ta là đáng tối thượng trong 3 cõi. Thế nhưng ta còn cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, huống nữa là các hàng trời, người”.

Lại có người nghi rằng: “Phật xem thế gian tướng là như hư không tướng, chẳng nên chấp đắm. Như vậy vì sao Phật lại tham đắm Bát nhã Ba-la-mật, lại cung kính, cúng dường, tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật?”

Bởi vậy nên Phật dạy: Ta chẳng có tham tâm, mà chỉ dùng phương tiện phân biệt các pháp thiện ác, các pháp có

lực dụng nhiều hay ít, để chỉ cho chúng sanh biết rõ Bát nhã Ba-la-mật có oai lực tiêu trừ hết các hý luận, tận diệt hết các khổ, khai mở đạo Nhất Thừa, có vô lượng công đức. Bởi vậy nên ta cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như người dẫn đường biết rõ con đường nào tốt, chẳng có hoạn nạn, nên vẫn thường nhớ nghĩ đến con đường ấy, nhằm hướng dẫn đoàn người đi theo mình được an toàn. Cũng như vậy, Phật biết rõ hết thấy pháp đều là vô tác tướng, đều chẳng có tác giả làm ra, đều là rốt ráo không, nên đã dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nhằm dẫn dắt chúng sanh vào nơi thật pháp tướng.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nêu lên câu hỏi: Nếu hết thấy pháp đều là độn tướng, đều chẳng thể biết, chẳng thể thấy, thì làm sao Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Phật, khai thị thể gian pháp tướng?

Phật dạy: Hết thấy pháp chẳng thể biết, chẳng thể thấy được. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không, đều là hư vọng, đều chẳng kiên cố. Lại nữa, vì hết thấy pháp đều chẳng có chỗ y chỉ, đều chẳng có gì trói buộc. Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thể gian pháp tướng.

-o0o-

Hành giả phá hết thấy các pháp tướng, mới nhập vào được pháp “không”. Ví như:

- Nếu chấp “có”, thì khi phá pháp tướng, sẽ thấy “không”, nhập vào pháp “không”.

- Nếu chấp thường, thì khi phá pháp tướng, sẽ thấy “vô thường”, nhập vào pháp “không”.

- Nếu chấp “thật”, thì khi phá pháp tướng sẽ thấy “rốt ráo tận”, nhập vào pháp “không”.

- Nếu chấp “ngã”, thì khi phá pháp tướng sẽ thấy “vô ngã”, nhập vào pháp “không”.

- Nếu chấp “Nhất thiết chủng trí”, thì khi phá pháp tướng sẽ thấy “rốt ráo ly Nhất thiết chủng trí”, nhập vào pháp “không” v.v...

Như vậy là hết thấy các pháp tướng đều nhập vào “không tướng”. Bởi vậy nên nói hết thấy các pháp đều chẳng có chỗ trú, chẳng có chỗ y chi, chẳng có bị ràng buộc, chẳng có bị lệ thuộc, nên là bất sanh bất diệt.

Cũng do vậy, mà nói “thật pháp tướng” chẳng bị trói buộc trong 3 cõi. Vì sao? Vì 3 cõi là hư vọng, là chẳng thật có. Do 3 cõi đều là hư vọng, nên nói hết thấy pháp đều là vô tri giả, vô kiến giả, tức là chẳng có người biết, chẳng có người thấy vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Ở nơi đây, Phật muốn nêu lên các nhân duyên cho thấy rằng, ở nơi thế tánh, các pháp chẳng có sanh duyên thức... dẫn đến chẳng có sanh duyên Nhất thiết chủng trí.

Như vậy gọi là chẳng biết, chẳng thấy hết thấy các pháp vậy.

Hỏi: *Thức chẳng sanh sắc. Nay vì sao lại nói sắc chẳng sanh thức?*

Đáp: Vì tướng “não hại” là tướng của sắc. Thế nhưng, do nơi thức mới phân biệt các pháp tướng, phân biệt các pháp do các duyên hòa hợp sanh.

Ví như, do duyên thân xúc trần, mà phân biệt biết đất có tướng cứng, lửa có tướng nóng, gió có tướng di động v.v... Như vậy là chẳng thể rời thân thức mà biết được tướng của các pháp vậy.

Tuy nhiên, khi vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì sẽ biết rõ các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh. Vì do nhân duyên hòa hợp sanh, nên hết thấy các pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, đều là tự tánh không, đều là vô sở hữu. Như vậy là Bát nhã Ba-la-mật khai thị thể gian pháp tướng không.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, khi quán các pháp, dù lớn, dù nhỏ, dù ở trong, dù ở ngoài... đều biết là rốt ráo không. Như vậy gọi là Bát nhã Ba-la-mật khai thị thể gian pháp tướng không.

-o0o-

Khi Phật khai thị thể gian không, có người nghĩ rằng Phật còn chấp trước pháp. Họ nghĩ rằng: Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật, khai thị thể gian không, mà chẳng phải thật tướng pháp là thường không như vậy.

Phật biết rõ tâm niệm của họ, nên dạy rằng: Ta chẳng ái pháp, nên ta biết rõ hết thấy các pháp tướng, trước sau, chỉ do tư duy trừ lượng mà có; thật chẳng có pháp nào xuất sanh từ không cả.

Phật lại dạy: Chẳng phải do đọc tụng, chẳng phải do nghe người khác nói, mà ta thuyết như vậy. Ta dùng trí huệ Bát nhã Ba-la-mật, tư duy, phân biệt, mới khai thị thể gian pháp tướng không.

Lại nữa, trong chúng hội có người nghĩ rằng: chỉ có Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không.

Phật biết rõ tâm niệm của họ, nên dạy rằng: Bất khả tư nghĩ cũng là rốt ráo không, cũng là bất khả đắc. Rốt ráo không còn được gọi là ly, là tịch diệt v.v...

Ly, nói ở đây, có nghĩa là phân tán cho đến chỗ rốt ráo không, chẳng còn gì để phân tán nữa. Khi đã vào được nơi rốt ráo không, là ly được các tâm và tâm sở pháp, ly được ngôn ngữ, văn tự... Như vậy gọi là tịch diệt.

Hỏi: *Vì sao nói hết thảy các pháp đều là tự tánh không?*

Đáp: Vì nếu còn phân biệt nói có “18 không” là còn có sự đối đãi giữa các pháp.

Ví như nói “nội không” là do y vào nội pháp mà nói. Nếu chẳng có sự phân biệt giữa nội pháp và ngoại pháp, thì chẳng nói đến “nội không”. Dẫn đến “vô pháp hữu pháp không” cũng là như vậy.

-o0o-

Ở đoạn kinh trên đây có nói đến “độc không”.

Nói “độc không” là chẳng phải do nhân duyên đối đãi mà nói. “Độc không” là như hư không, là như pháp tánh thật tế vậy.

-o0o-

Có người chấp có đời này, mà chẳng có đời sau. Như vậy là tà kiến, đọa vào đoạn diệt.

Có người chấp có đời này, và chấp có thần thường trú sẽ nhập vào thân ở đời sau. Như vậy cũng là tà kiến, đọa vào thường kiến.

Bát nhã Ba-la-mật ly chấp cả hai bên. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là “trung đạo đế”.

Tuy nói “không” mà chẳng chấp “không”, nên Bồ tát mới có thể vì chúng sanh mà thuyết về tội phước. Tuy nói tội phước mà chẳng đọa vào thường kiến, nên Bồ tát ở nơi không mà vẫn vô ngại.

Nơi đây, Phật thuyết hết thảy các pháp rốt ráo không, mà chẳng chấp đời này, đời sau, chẳng chấp thường, chẳng chấp đoạn vậy.

-o0o-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật, vì đại pháp sự mà khởi. Bát nhã Ba-la-mật vì bất khả tư nghì sự mà khởi, vì bất khả xưng sự mà khởi, vì bất khả lượng sự mà khởi, vì vô đẳng đẳng sự mà khởi.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật, vì đại pháp sự, vì bất khả tư nghì sự, vì bất khả xưng sự, vì bất khả lượng sự, vì vô đẳng đẳng sự mà khởi.

Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, vì đại pháp sự mà khởi?

Này Tu Bồ Đề! Đại pháp sự của chư Phật là cứu độ hết thảy chúng sanh, chẳng xả bỏ hết thảy chúng sanh.

Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, vì bất khả tư nghì sự mà khởi?

Này Tu Bồ Đề! Bất khả tư nghì sự của chư Phật là các pháp sự mà chẳng ai có thể nghĩ bàn được. Các pháp sự ấy là Phật pháp, là Như Lai pháp, là tự nhiên trí pháp, là

nhất thiết trí pháp.

Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, vì bất khả xứng sự mà khởi?

Này Tu Bồ Đề! Bất khả xứng sự của chư Phật là các pháp sự mà chẳng ai có thể tư duy, xứng lượng được. Các pháp sự ấy là Phật pháp, là Như Lai pháp, là tự nhiên trí pháp, là nhất thiết trí pháp.

Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, vì bất khả lượng sự mà khởi?

Này Tu Bồ Đề! Bất khả lượng sự của chư Phật là các pháp sự mà chẳng ai có thể suy lường được. Các pháp sự ấy là Phật pháp, là Như Lai pháp, là tự nhiên trí pháp, là nhất thiết trí pháp.

Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, vì bất khả lượng sự mà khởi?

Này Tu Bồ Đề! Bất khả lượng sự của chư Phật là các pháp sự mà chẳng ai có thể suy lường được. Các pháp sự ấy là Phật pháp, là Như Lai pháp, là tự nhiên trí pháp, là nhất thiết trí pháp.

Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, vì vô đẳng đẳng sự mà khởi?

Này Tu Bồ Đề! Vô đẳng đẳng sự của chư Phật là các pháp sự mà chẳng ai có thể sánh ngang bằng được. Hết thấy chúng sanh chẳng ai có thể sánh ngang bằng Phật được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chỉ có Phật pháp Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp là bất khả tư nghi, bất khả xứng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải chỉ có Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp là bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng, mà sắc cũng là bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng, mà sắc cũng là bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng vậy. Thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, pháp tánh, pháp tướng cũng đều là như vậy. Bởi vậy nên các tâm và tâm sở đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Sắc bất khả tư nghì, sắc bất khả xúng, sắc bất khả lượng, sắc vô đẳng đẳng cũng là bất khả đắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghì, Nhất thiết chủng trí bất khả xúng, Nhất thiết chủng trí bất khả lượng, Nhất thiết chủng trí vô đẳng đẳng cũng là bất khả đắc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng là bất khả đắc... dẫn đến vì sao Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng là bất khả đắc?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc tướng là chẳng thể nghĩ bàn được, chẳng thể tư duy xúng lượng được, chẳng thể suy lường được, chẳng có gì sánh bằng được, nên là bất khả đắc. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí tướng cũng là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao! Bất khả tư nghì... dẫn đến vô đẳng đẳng là khả đắc (có thể được) chăng? Sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là khả đắc chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là “khả đắc” vậy.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều là bất khả tư nghì... dẫn đến đều là vô đẳng đẳng.

Nay Tu Bồ Đề! Phật pháp bất khả tư nghì, nên cũng là bất khả tư nghì tướng... dẫn đến Phật pháp là vô đẳng đẳng, nên cũng là vô đẳng đẳng tướng.

Nay Tu Bồ Đề! Bất khả tư nghì có nghĩa là chẳng thể nghĩ bàn được; bất khả xúng có nghĩa là chẳng thể xúng lượng được; bất khả lượng có nghĩa là chẳng thể so lượng được; vô đẳng đẳng có nghĩa là chẳng thể sánh bằng được.

Nay Tu Bồ Đề! Phật pháp bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng là như hư không bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng.

Nay Tu Bồ Đề! Phật pháp là bất khả tư nghì... dẫn đến là vô đẳng đẳng như vậy, nên hết thấy thế gian, trời, người, a-tu-la chẳng thể nghĩ bàn được.

-o0o-

Lúc Phật thuyết xong phẩm này, thì có 500 vị Tỷ-kheo và 20 vị Tỷ-kheo ni, chẳng còn thọ hết thấy pháp, được lậu tận, được tâm giải thoát, chứng quả vị A-la-hán; lại có 6 vạn Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh; lại có 20 vị đại Bồ tát được vô sanh pháp nhãn, và sẽ được thọ ký ngay trong Hiền Kiếp.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề, do đã thâm giải Bát nhã Ba-la-mật tướng, nên ở nơi hết thấy pháp chẳng còn chấp trước, được vô ngại, sanh tâm hoan hỷ.

Ngài bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật, vì đại pháp sự, vì bất khả tư nghì sự, vì bất khả xưng sự, vì bất khả lượng sự, vì vô đẳng đẳng sự mà khởi.

Phật ân chứng lời ngài Tu Bồ Đề, và giải thích rộng thêm, khiến ngài Tu Bồ Đề cùng chúng hội đều hoan hỷ tin thọ.

1. Đại pháp sự:

Đại pháp sự của chư Phật là cứu độ hết thảy chúng sanh khỏi các khổ đau, ách nạn, thường ban phát cho chúng sanh vô lượng Phật pháp, chẳng xả bỏ hết thảy chúng sanh.

2. Bất khả tư nghì sự:

Đại pháp sự của chư Phật là bất khả tư nghì. Chẳng có chúng sanh nào có thể nghĩ bàn được.

Phật dạy rằng: Vì thương xót chúng sanh, vì muốn cứu độ chúng sanh, mà chư Phật ở khắp trong 10 phương thường dùng bình đẳng pháp để dìu dắt chúng sanh đến Niết bàn.

Như vậy gọi là bất khả tư nghì sự.

Lại nữa, có nhiều vị Bồ tát đã được vô sanh pháp nhãn rồi, mà vẫn chẳng ly chúng sanh, chưa vội nhập Niết bàn. Chư vị đại Bồ tát ấy, dù đã vĩnh viễn ly dục, mà vẫn thị hiện thọ 5 dục, để phương tiện hóa độ chúng sanh. Các ngài phát đại thệ nguyện thọ sanh thân, làm những việc rất khó làm, như:

- Chịu khổ thay cho chúng sanh.
- Xả thiền định lạc để cùng sống chung với chúng sanh.
- Đồng sự với kẻ ác để phương tiện giáo hóa họ.
- Vào trong pháp hội để hướng dẫn chúng hội v.v...

Như vậy gọi là bất khả tư nghì sự.

Hết thủy chúng sanh, chẳng có ai có thể nghĩ bàn được về các đại pháp sự bất khả tư nghì của chư Phật và của chư đại Bồ tát.

3. Bất khả xứng sự:

Đại pháp sự của chư Phật là bất khả xứng. Chẳng có chúng sanh nào có thể tư duy, xứng lượng được.

- Bát nhã Ba-la-mật khai thị thật tướng pháp, là trí huệ thâm diệu, chẳng phải như trí huệ thế gian cạn cợt, thô tiền.

- Bát nhã Ba-la-mật quảng đại, rộng mênh mông, chẳng phải như trí huệ thế gian thiên cận, hẹp hòi.

- Bát nhã Ba-la-mật đem lại đại lợi ích cho chúng sanh. Khi tu chưa thành, thì cũng được vô lượng phước báo ở cõi trời, cõi người. Khi tu viên mãn rồi, thì được Nhất thiết chủng trí, được quả vị Phật. Chư Phật và chư đại Bồ tát dùng trí huệ Bát nhã Ba-la-mật hành các pháp sự.

Hết thủy chúng sanh, chẳng có ai có thể tư duy, xứng lượng về các pháp sự bất khả xứng của chư Phật và của chư đại Bồ tát .

4. Bất khả lượng:

Đại pháp sự của chư Phật là bất khả lượng. Chẳng có chúng sanh nào có thể suy lường được.

Vì sao? Vì dù là thường, là vô thường, là thật, là hư, là hữu, là vô v.v... thì các pháp bản lai cũng vốn là vô tướng, nên là bất khả lượng (chẳng thể so lường được) vậy.

Lại có thuyết nói rằng chấp tướng là có hạn lượng, chẳng có chấp tướng là chẳng có hạn lượng, là vô lượng vậy. Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chấp tướng, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là bất khả lượng.

Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề thường hành 4 vô lượng tâm, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là bất khả lượng.

Lại nữa, trí huệ thế gian của phàm phu, trí huệ của hàng Nhị thừa là có hạn lượng, còn trí huệ của Phật và chư đại Bồ tát là vô hạn lượng, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là bất khả lượng.

Hết thầy chúng sanh, chẳng có ai có thể suy lường về các pháp sự bất khả lượng của chư Phật và chư đại Bồ tát .

5. Vô đẳng đẳng sự.

Đại pháp sự của chư Phật là vô đẳng đẳng. Chẳng có chúng sanh nào có thể sánh kịp, chẳng có thể ngang bằng được.

Pháp sự vô đẳng đẳng, nói ở đây, cũng có nghĩa là pháp Niết bàn, là Bát nhã Ba-la-mật.

- Pháp Niết bàn là vô đẳng đẳng. Chẳng có pháp hữu vi nào có thể sánh kịp.

Thế nhưng, nên biết ở cả 3 thừa đều có Niết bàn. Đó là: Niết bàn Thanh Văn thừa; Niết bàn Bích Chi Phật thừa, và Niết bàn Phật thừa cũng còn gọi là Niết bàn Đại thừa.

Niết bàn Đại thừa là trên hết, chẳng có Niết bàn nào sánh kịp. Bởi vậy nên nói Niết bàn Đại thừa là vô đẳng đẳng.

- Bát nhã Ba-la-mật đem lại đại lợi cho chúng sanh, chẳng có pháp nào có thể sánh kịp. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là vô đẳng đẳng.

- Bát nhã Ba-la-mật là pháp vi diệu đệ nhất, chẳng có pháp nào có thể sánh kịp. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là vô đẳng đẳng.

Với phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật, hành giả có thể nhập vào nơi “thật tướng pháp”. Trong tất cả các pháp quán,

thì pháp quán về “thật tướng pháp” và “tánh không” là tối diệu, phá được lưới tà kiến chấp. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là vô đẳng đẳng.

Bồ tát được pháp quán bình đẳng này, nên thường khởi đại bi tâm, cứu độ hết thảy chúng sanh.

Như vậy gọi là vô đẳng đẳng sự.

-o0o-

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật vì các đại pháp sự bất khả tư nghi, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng mà khởi. Các đại pháp sự đó là Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp.

Tất cả 4 pháp nêu ở đoạn kinh trên đây đều là Phật pháp cả. Sở dĩ có 4 tên gọi như vậy, vì Phật cũng được gọi là đấng Như Lai, là đấng Tự Nhiên Trí, là đấng Nhất Thiết Trí.

Vì Phật có vô lượng công đức, nên ngoài 4 danh hiệu này, Phật còn có vô lượng danh hiệu khác nữa.^(*)

1. Phật pháp:

Phật pháp là pháp của Phật.

Phật là đấng giác ngộ hoàn toàn, biết rõ các pháp ở quá khứ, ở hiện tại cũng như ở vị lai.

Phật là tiếng gọi tắt của Phật Đà.

2. Như Lai pháp:

Như Lai pháp là pháp của đấng Như Lai.

*. Xem thêm ở Quyển 2 - Phẩm thứ nhất - BÀ GIÀ BÀ.

Như Lai là như pháp tướng; hiểu như pháp tướng, diễn nói theo như pháp tướng, nương theo thật tánh như như mà đến.

Phật đã tu 6 pháp Ba-la-mật trong vô lượng kiếp, nên thể nhập vào “như pháp tướng”, tức là đã như thật biết thật tướng các pháp. Bởi vậy nên Phật được gọi là đấng Như Lai.

3. *Tự nhiên trí pháp:*

Tự nhiên trí pháp là pháp của đấng Tự Nhiên trí.

Phật tự mình tìm đạo Giải thoát, được Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí.

Bởi vậy nên Phật được gọi là đấng Tự nhiên trí.

Các vị Bích Chi Phật cũng có được tự nhiên trí, chẳng theo người khác học đạo. Thế nhưng, Bích Chi Phật chưa được đầy đủ Nhất thiết trí, và Nhất thiết chủng trí như Phật.

Còn hàng Thanh Văn thì do nghe Phật thuyết pháp, rồi y chỉ nơi đó tu hành mà chứng đạo.

4. *Nhất thiết trí pháp:*

Nhất thiết trí pháp là pháp của đấng Nhất Thiết trí.

Phật biết rõ hết thấy các pháp hữu vi và vô vi, quá khứ cùng hiện tại và vị lai, biết rõ hết cả 3 cõi v.v... chẳng có pháp gì mà Phật chẳng biết, nên Phật được gọi là đấng Nhất Thiết trí.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề sợ các Bồ tát sơ pháp tâm sanh tâm chấp pháp, cho là chi Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp mới là bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng, nên ngài bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

Chỉ có Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp mới là bất khả tư nghi, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng chẳng?

Phật dạy: Hết thấy các pháp đều là bất khả tư nghi... dẫn đến đều là vô đẳng đẳng cả.

Phật pháp bất khả tư nghi, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng là như hư không bất khả tư nghi, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng. Do Phật pháp bất khả tư nghi... dẫn đến vô đẳng đẳng như vậy, nên hết thấy thế gian, trời, người, a-tu-la chẳng có thể nghĩ bàn được vậy.

Hỏi: *Vì sao số Tỷ-kheo ni được lậu tận A-la-hán quá ít như vậy?*

Đáp: Ở pháp hội này, Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật là pháp thâm thâm, vi diệu, bất khả tư nghi, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng.

Phải là những vị lợi căn, thượng trí, đã từ lâu gieo trồng thiện căn mới thâm tín giải được pháp này. Bởi vậy nên tùy theo căn trí mà sự chứng đạo có nhiều sai khác.

- Hàng Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di, vì còn phải vướng bận việc đời, nên chỉ xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh mà thôi. Chẳng có vị nào được lậu tận cả.

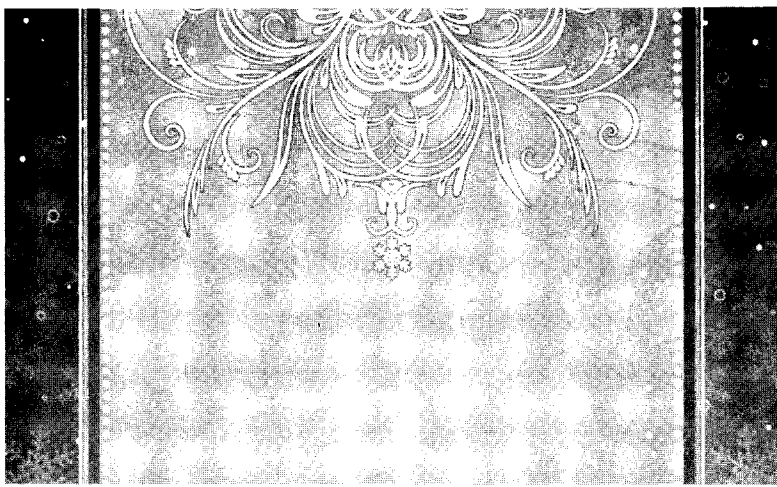
- Trong hành Tỷ-kheo Tăng có rất nhiều vị lợi căn, thượng trí, nên cũng có rất nhiều vị chứng quả vị lậu tận A-la-hán. So với các Tỷ-kheo Tăng, thì số Tỷ-kheo ni được lậu tận A-la-hán rất ít. Vì sao? Vì tuy có thâm tín Bát nhã Ba-la-mật, nhưng đa số Tỷ-kheo ni chưa có lợi căn lanh lợi vậy. Trong kinh nói, sau thời pháp có 500 vị Tỷ-kheo Tăng được lậu tận A-la-hán, mà chỉ có 20 vị Tỷ-kheo ni được quả vị này mà thôi.

- Riêng trong hàng Bồ tát, có 20 vị, do trong vô lượng kiếp đã gieo trồng thiện căn, đã tu tập 6 pháp Ba-la-mật, nên vừa nghe xong thời pháp liền được vô sanh pháp nhãn. Chư vị đại Bồ tát này sẽ được Phật thọ ký ngay trong Hiền Kiếp.

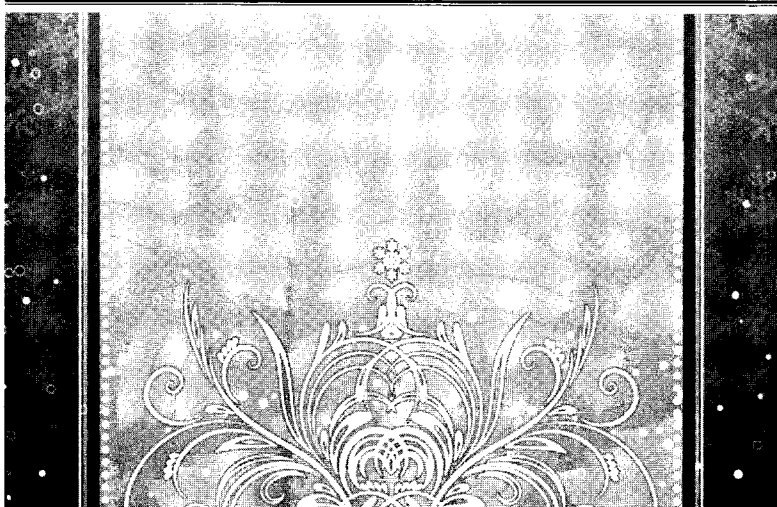
-o0o-

Có thuyết nói: Đức Phật Thích Ca Mưu Ni sẽ thọ ký cho chư vị Bồ tát này ngay trong Hiền Kiếp, nhưng ở các thế giới của các đức Phật khác.

(Hết quyển 70)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 71



Phẩm Thứ Năm Mười



Thành Biện (Nói Về Các Yếu Tố Thành Tựu)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật vì đại pháp sự mà khởi, vì bất khả tư nghị sự, vì bất khả xúng sự, vì bất khả lượng sự, vì vô đẳng đẳng sự mà khởi.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Thâm Bát nhã Ba-la-mật vì đại pháp sự mà khởi, vì bất khả tư nghị sự, vì bất khả xúng sự, vì bất khả lượng sự, vì vô đẳng đẳng sự mà khởi. Vì sao? Vì trong thâm Bát nhã Ba-la-mật bao hàm cả 5 Ba-la-mật kia, bao hàm cả nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, bao hàm cả 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, bao hàm cả 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Ví như vua là bậc tôn quý nhất trong nước, ủy quyền cho các vị đại thần chăm lo việc nước, nên an nhàn. Cũng như vậy, tất cả các pháp, từ Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, Bồ tát pháp... dẫn đến Phật pháp đều ở trong Bát nhã Ba-la-mật cả. Bát nhã Ba-la-mật là pháp tôn quý nhất, hay xuất sanh tất cả các pháp ấy. Cho nên nói Bát nhã Ba-la-mật vì đại sự mà khởi, vì bất khả tư nghị sự... dẫn đến vì vô đẳng đẳng sự mà khởi.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ sắc, chẳng chấp sắc... dẫn đến chẳng thủ Nhất thiết chủng

trí, chẳng chấp Nhất thiết chủng trí, nên hay thành tựu hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ sắc, chẳng chấp sắc... dẫn đến chẳng thủ, chẳng chấp Nhất thiết chủng trí nên thành tựu hết thấy các pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc... dẫn đến thức có thể thủ, có thể chấp chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nhất thiết chủng trí, Vô Thượng Bồ Đề có thể thủ, có thể chấp chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được vậy.

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ta cũng chẳng thấy sắc... dẫn đến thức có thể thủ, có thể chấp, cũng chẳng thấy Nhất thiết chủng trí, Vô Thượng Bồ Đề có thể thủ, có thể chấp. Vì chẳng thấy như vậy nên chẳng thủ, chẳng chấp.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ta cũng chẳng thấy Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp có thể thủ, có thể chấp. Vì chẳng thấy như vậy nên chẳng thủ, chẳng chấp.

Lúc bấy giờ hàng chư thiên cõi Dục và cõi Sắc đồng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm, khó thấy, khó giải, chẳng thể suy lường mà biết được. Chỉ có bậc thiện xảo vi diệu, trí huệ tịch diệt, mới có thể tin giải được.

Nếu người nào thâm tín Bát nhã Ba-la-mật này, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát. Người đó trong vô lượng kiếp đã cúng dường chư Phật, đã gieo trồng thiện căn, đã thân cận chư thiện tri thức, mới có thể tín giải thâm Bát nhã Ba-la-mật này vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu trong cõi đại thiên thế giới có bao nhiêu chúng sanh đều được tín hành, được pháp hành, được 4 quả Thanh Văn, được quả Bích Chi Phật, hoặc trí, hoặc đoạn, thì cũng chẳng sao bằng được vị Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, dù chỉ một ngày. Vì sao? Vì người tín hành, pháp hành, người được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật, hoặc trí, hoặc đoạn, tức là Bồ tát Ma-ha-tát vô sanh pháp nhẫn.

Phật dạy: Này chư thiên tử! Người tín hành, pháp hành, người được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật, hoặc trí, hoặc đoạn tức là vào được vô sanh pháp nhẫn của Bồ tát Ma-ha-tát vậy.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật này, mà biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thì sẽ mau đến được Niết bàn, thù thắng hơn người, vì cầu Thanh Văn hay Bích Chi Phật Đạo, mà bỏ Bát nhã Ba-la-mật để theo học các kinh Thanh Văn hay Bích Chi Phật, dù chỉ trong 1 kiếp hay dưới một kiếp. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật rộng thuyết thượng diệu pháp, mà người tín hành, người pháp hành, người Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật đều phải học. Chỉ học như vậy mới đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ hàng chư thiên cõi Dục và cõi Sắc đồng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thâm Bát nhã Ba-la-mật

phải được gọi là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là pháp bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng.

Người hành Bát nhã Ba-la-mật, dù là tín hành, dù là pháp hành, khi đã vào được thậm thâm pháp này rồi, thì cũng vẫn thành tựu được 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật. Lại do học Bát nhã Ba-la-mật mà thành bậc đại Bồ tát, được Vô Thượng Bồ Đề, nhưng thậm thâm pháp này vẫn chẳng tăng, chẳng giảm.

Chư thiên cõi dục và cõi Sắc bạch Phật xong, đồng đến đảnh lễ dưới chân Phật, điếu quanh Phật rồi cáo lui, trở về Thiên cung.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát nghe thậm Bát nhã Ba-la-mật mà tức thời tín giải như vậy, đã từ đâu sanh về cõi này?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Có Bồ tát nghe thậm Bát nhã Ba-la-mật là tức thời tín giải, chẳng sợ hãi, chẳng nghi hối, hoan hỷ ưa nghe, nghe rồi nhớ mãi chẳng quên sót, trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi chẳng hề xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, lại thường theo sát bên pháp sư, giống như trâu nghé thường theo sát bên trâu mẹ.

Vì thường theo sát bên pháp sư, nên vị Bồ tát ấy khi nghe được Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì miệng liền đọc tụng, tâm liền tín giải, minh liễu chánh kiến. Phải biết vị Bồ tát ấy, đời trước đã ở trong loài người, nay trở lại sanh làm người. Vì sao? Vì Bồ tát ấy, đời trước đã ở trong loài người đã cầu Phật đạo, đã từng nghe thuyết về thậm Bát nhã Ba-la-mật, đã từng biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên sau khi mạng chung, trở lại sanh về cõi này, nghe Bát nhã Ba-la-

mật là tức thời được tín giải.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có vị Bồ tát nào ở cõi khác, thành tựu được các công đức như đã nêu trên đây, mà sau khi mạng chung sanh về cõi này, được nghe Bát nhã Ba-la-mật là tức thời tín giải, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có những trường hợp như vậy, có những vị Bồ tát ở các cõi khác, sau khi mạng chung sanh về cõi này, được nghe Bát nhã Ba-la-mật là tức thời tín giải rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Phải biết đó là những vị đời trước đã từng nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật ở các cõi Phật khác, nên nay mới có được các công đức như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát theo đức Di Lạc nghe thuyết về thâm Bát nhã Ba-la-mật. Do căn lành đó mà nay sanh về cõi này.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát tuy đời trước đã có nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, nhưng chưa có thừa hỏi về thâm lý trong kinh, nên vẫn còn nhiều chỗ nghi. Nay sanh về cõi này, Bồ tát ấy được theo Bát nhã Ba-la-mật mà cũng vẫn còn các chỗ nghi, chưa được tỏ ngộ.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát tuy đời trước đã có nghe 5 Ba-la-mật kia, nhưng chưa có thừa hỏi về thâm lý trong đó, nên vẫn còn nhiều chỗ nghi. Nay sanh về cõi này, Bồ tát ấy được nghe Bát nhã Ba-la-mật mà vẫn cũng còn những chỗ nghi, chưa được tỏ ngộ.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát tuy đời trước có nghe thuyết nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp

không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, nhưng chưa có thừa hỏi về thâm lý trong đó, nên vẫn còn nhiều chỗ nghi. Nay sanh về cõi này, Bồ tát ấy được nghe Bát nhã Ba-la-mật mà vẫn cũng còn những chỗ nghi, chưa được tỏ ngộ.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! có Bồ tát nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã có thừa hỏi về các chỗ nghi trong đó, nhưng chưa thật hành đúng như pháp. Nay sanh về cõi này, Bồ tát ấy được nghe Bát nhã Ba-la-mật chỉ trong vòng một vài ngày là liền được tâm kiên cố. Thế nhưng, nếu xa lìa pháp hội, thì Bồ tát ấy liền thôi tâm. Vì sao? Vì đời trước Bồ tát ấy khi nghe Bát nhã Ba-la-mật, dù có thừa hỏi về các chỗ nghi, nhưng chẳng có thật hành đúng pháp vậy. Bồ tát ấy có lúc muốn nghe, có lúc chẳng muốn nghe, tâm chẳng kiên định, tựa như lông hồng nhẹ bay theo chiều gió.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết Bồ tát ấy phát tâm chẳng được bao lâu, chẳng thường thân cận chư thiện tri thức, chẳng thường cúng dường chư Phật. Ở đời trước, dù Bồ tát ấy đã được nghe Bát nhã Ba-la-mật, nhưng chẳng biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật lại chẳng học 5 pháp Ba-la-mật kia, chẳng học nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng học 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, chẳng học 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết rõ Bồ tát ấy mới phát tâm Đại thừa, nhưng ít có tin, ít có ưa thích, nên chẳng biên chép, chẳng thọ trì... dẫn đến chẳng chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà chẳng biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến

chẳng chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, là người chẳng tu hành đúng theo thâm Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến là người chẳng tu hành đúng theo Nhất thiết chủng trí. Phải biết thiện nam, thiện nữ ấy, chẳng được sự hộ trì của thâm Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được sự hộ trì của Nhất thiết chủng trí, ắt phải bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo mà chẳng biên chép, chẳng thọ trì... dẫn đến chẳng chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật, là người chẳng được Bát nhã Ba-la-mật, khiến phải lạc về Nhị thừa địa vậy.

LUẬN:

Hỏi: Trước nay đã nói nhiều về thâm Bát nhã Ba-la-mật rồi. Vì sao nay còn nói nữa?

Đáp: Người nghe Bát nhã Ba-la-mật mà không thông suốt được nghĩa kinh mới nhầm chán, cho là nói trùng lặp. Họ chẳng biết rằng càng nghe Bát nhã Ba-la-mật nhiều lần thì càng được nhiều lợi ích.

Chư vị Bồ tát nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật rất nhiều lần, mà chẳng hề sanh tâm nhầm chán.

Phật và ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bát nhã Ba-la-mật đem lại nhiều lợi ích cho chúng sanh, nên phải nói đi nói lại rất nhiều lần, khiến cho người nghe mở mang trí huệ, thâm nhập thiền định vậy. Chư Bồ tát cùng các bậc lợi căn, thượng trí ưa thích nghe mãi, chỉ có hàng phàm phu độn căn, thiếu trí, chẳng sao hiểu nổi thâm nghĩa của kinh, nên chẳng muốn nghe nhiều lần, cho là nói trùng lặp như vậy chẳng có lợi ích gì cả.

Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm, vi diệu, bao hàm cả 5 Ba-la-mật kia, bao hàm cả nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, bao hàm cả 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, bao hàm cả 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí. Bát nhã Ba-la-mật vì đại pháp sự nhân duyên mà khởi, chẳng phải có nhân duyên hay vì tiểu nhân duyên mà khởi vậy.

Bởi vậy nên Phật phải nói đi nói lại nhiều lần để chúng hội được khai ngộ.

Hỏi: *Mỗi Ba-la-mật đều có tướng khác nhau. Như vậy vì sao nói Bát nhã Ba-la-mật dung thọ được cả 5 Ba-la-mật kia?*

Đáp: Có Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo thì 5 Ba-la-mật kia mới có đầy đủ các lực phương tiện để hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, để dẫn vào Phật đạo.

Có Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì thiên định mới được thâm sâu... Ví như muốn đốt sạch các cây cỏ khô thì cần có mồi lửa vậy.

Lại nữa, vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ chẳng chấp hết thấy pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, nên nói Bát nhã Ba-la-mật bao hàm hết thấy các pháp, dung thọ hết thấy các pháp vậy.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề tự niệm rằng “Nếu dùng huệ nhãn quán sát hết thấy các pháp, thì sẽ thấy rõ các pháp đều là không, là vô tướng, là vô tác”.

Bởi vậy nên khi Phật hỏi ngài: “Hết thấy các pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí có thể thủ, có thể chấp chẳng?”, thì ngài trả lời rằng: “Chẳng thể được vậy”.

Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề và dạy rằng: Ta chẳng thấy các pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí có thể thủ, có thể chấp, ta cũng chẳng thấy Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp có thể thủ, có thể chấp. Vì chẳng thấy như vậy nên chẳng thủ, chẳng chấp.

Lúc bấy giờ chư thiên hoan hỷ tán thán Bát nhã Ba-la-mật và bạch Phật rằng: Hết thấy chúng sanh trong cõi đại Thiên thế giới, nếu được tín hành, pháp hành, được 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật, hoặc trí, hoặc đoạn cũng chẳng bằng một vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật dù trong một ngày. Vì sao? Vì được tín hành, pháp hành, được quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật tức là được vô sanh pháp nhẫn của Bồ tát.

Hỏi: *Chư Hiền Thánh đã có trí, có đoạn, đã được vô sanh pháp nhẫn. Như vậy vì sao nói chẳng có thể bằng được một vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật dù chỉ trong một ngày?*

Đáp: Chư Hiền Thánh chưa đầy đủ đại bi, chưa đầy đủ bi nguyện rộng độ hết thấy chúng sanh như Bồ tát. Lại nữa, vì chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên Chư Hiền Thánh chẳng có thể ở nơi Niết bàn mà xả ly chấp Niết bàn được.

Chỉ có những bậc đại trí, đại lực mới vượt ra khỏi sự trú chấp về Niết bàn, mới thị hiện ra vào trong sanh tử để phương tiện cứu độ chúng sanh.

Lại nữa, chư Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn thù thắng hơn chư Hiền Thánh có trí; có đoạn, được vô sanh pháp nhẫn, nên công đức của chư Hiền Thánh chẳng thể nào sánh kịp công đức của Bồ tát, dù mới sơ nhẫn. Ví như các vị đại thần, tuy có công đức lớn, nhưng chẳng sao có oai lực bằng vị thái tử được, dù là vị thái tử vừa mới sanh ra đời.

Hàng Nhị thừa thù chấp “noãn, đảnh, nhẫn” làm sơ môn, còn Bồ tát lấy “pháp nhẫn” làm sơ môn. Bởi vậy nên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật dù thành tựu đầy đủ công đức, cũng chẳng bằng một vị Bồ tát nhập sơ môn, huống nữa là vị Bồ tát tu tập đã gần thành Phật.

Hỏi: *Chư Hiền Thánh tu theo Nhị thừa, có đầy đủ “trí đoạn”. Vì sao nói chư vị này chẳng bằng được 1 vị Bồ tát Đại thừa mới vào sơ nhẫn?*

Đáp: Chỗ duyên tuy đồng, vì đều là duyên “pháp tánh thật tế” cả, thế nhưng căn trí lợi hay độn có khác nhau.

Bồ tát có vô lượng công đức vì có đại bi tâm, được chư Phật thường thủ hộ, nên thù thắng hơn.

Nên biết rằng người tu tập Bát nhã Ba-la-mật cũng phân biệt có thượng, có trung, có hạ. Vì:

- Có người nghe Bát nhã Ba-la-mật là liền tín giải, như pháp hành trì.

- Có người nghe Bát nhã Ba-la-mật, có thưa hỏi để hiểu rõ nghĩa lý trong kinh, nhưng lại chẳng hành trì đúng như pháp.

- Có người nghe Bát nhã Ba-la-mật, dù có tin, nhưng cũng chẳng có thưa hỏi để tìm hiểu rõ nghĩa lý trong kinh.

Như vậy, người thượng căn nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật là liền tín giải và hành trì được, người trung căn nghe Bát nhã Ba-la-mật liền sanh tín tâm, nhưng chẳng trú được lâu dài, còn người hạ căn nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, dù có tin nhưng vẫn nhiều chỗ nghi, chẳng được tỏ ngộ.

Lại nữa, người thượng căn nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật liền tín giải, hoan hỷ thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, như pháp tu hành, lại cũng thường theo pháp sư để được nghe mãi.

Còn hai hạng người trung căn và hạ căn, do độn căn, phước mỏng, chẳng hiểu nỗi thâm nghĩa của kinh nên thường lạc về Nhị thừa địa, chẳng được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì.

-o0o-

Phẩm Thứ Năm Mười Mốt



Thí Dụ

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ví như người vượt biển lớn, chẳng may thuyền vỡ, nếu chẳng kịp bám vào một chiếc phao, một khúc gỗ, một tấm ván... dẫn đến một thân chết hay bất cứ một vật nổi khác, thì ắt phải bị chết chìm, dù chưa chết ngay, thì cũng chẳng sao vào bờ được, dần dần rồi cũng sẽ phải bị chết chìm.

Trái lại, nếu người ấy bám được một chiếc phao, một khúc gỗ, một tấm ván... dẫn đến một thân chết hay bất cứ một vật nổi nào khác, thì phải biết người ấy được thoát chết, dần dần vào bờ vậy.

Cũng như vậy, này Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, chỉ tin Phật mà chẳng y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, chẳng biên chép thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, cũng chẳng y chỉ nơi 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến chẳng y chỉ nơi Nhất thiết chủng trí, thì phải biết trên đường hành đạo, người ấy bị suy giảm đạo tâm, chẳng có thể đến được Nhất thiết chủng trí, và sẽ chỉ thủ chứng các quả vị Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Trái lại, nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn, lại y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến

chánh ức niệm tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì được hộ trì như vậy, nên trên đường hành đạo người ấy chẳng bị suy giảm đạo tâm, vượt khỏi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, được đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ví như người dùng bình đất chưa được nung chín để đựng nước, chẳng được như ý muốn, vì chẳng bao lâu bình sẽ bị tan rã, trở lại thành đất.

Trái lại, người biết dùng bình đất đã được nung chín để đựng nước, được như ý muốn, vì bình chẳng bị tan rã, chứa nước rất tốt vậy.

Cũng như vậy, này Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, dù có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn mà chẳng y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy chẳng được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì chẳng được hộ trì như vậy nên trên đường hành đạo, người ấy bị suy giảm đạo tâm, bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Trái lại, nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn, lại y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì được hộ trì như vậy, nên trên đường hành đạo người ấy chẳng bị suy giảm đạo tâm, vượt khỏi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, được đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ví như người lái buôn bắt cần, dùng thuyền không chắc chắn để chuyên chở hàng hóa ra biển khơi, thì phải biết con thuyền như vậy chẳng sao chịu nổi sức sóng gió. Do vậy mà thuyền sẽ bị chìm giữa biển, và người lái buôn ấy sẽ phải bị mất hết tài sản, và có thể bị nguy hại đến tánh mạng nữa.

Trái lại, người lái buôn có trí, biết đóng thuyền lớn chắc chắn, trang bị đầy đủ tiện nghi, rồi mới cho thuyền hạ thủy để chở hàng hóa ra biển khơi, thì phải biết con thuyền như vậy sẽ đủ sức chịu sóng gió. Do vậy mà thuyền sẽ vượt biển an toàn.

Cũng như vậy, này Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, dù có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn mà chẳng y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy chẳng được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì chẳng được hộ trì như vậy nên trên đường hành đạo, người ấy bị suy yếu đạo tâm, bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Trái lại, nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn, lại y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì được hộ trì như vậy, nên trên đường hành đạo người ấy chẳng bị suy giảm đạo tâm, vượt khỏi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, được đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ví như có cụ già trên 100 tuổi, sức yếu lại bệnh hoạn, phải nằm liệt giường. Cụ già

ấy tự dùng sức mình để trỗi dậy mà chẳng sao đứng dậy được, dù cố gắng đứng dậy được, thì cũng chẳng sao cất bước đi được.

Trái lại, nếu cụ già ấy được hai người mạnh khỏe kèm dìu hai bên, thì cụ có thể đứng dậy và đi được.

Cũng như vậy, này Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, dù có đầy đủ tín tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn mà chẳng y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy chẳng được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì chẳng được hộ trì như vậy nên trên đường hành đạo, người ấy bị suy giảm đạo tâm, bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Trái lại, nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn, lại y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì được hộ trì như vậy, nên trên đường hành đạo người ấy chẳng bị suy giảm đạo tâm, vượt khỏi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, được đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Đoạn kinh trên đây nói đến hai hạng Bồ tát. Đó là:

- Hạng Bồ tát đã vào được thật tướng các pháp.

- Hạng Bồ tát tuy chưa vào được thật tướng các pháp, nhưng ở nơi Phật đạo đã có tín tâm, có nhẫn tâm, có tịnh tâm có thâm tâm, lại cũng đã có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn.

“Tín” là tin có nhân duyên tội phước, có quả báo, lại tin rằng do tu tập 6 pháp Ba-la-mật, mà sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Có người tuy tin Phật đạo, nhưng do tư duy, trừ lượng mà tâm chưa được nhẫn. Cho nên phải có “nhẫn”.

Có người tuy đã có nhẫn nhưng chưa dứt bỏ được các tà nghi, khiến tâm loạn động. Cho nên phải có “tịnh”, tức là phải định tâm.

Có người tuy đã có định nhưng trí huệ còn nông cạn, chưa thấu rõ được chỗ thâm diệu của kinh. Cho nên phải có “thâm”, tức là phải có trí huệ thâm thâm.

Khi đã có được đầy đủ 4 tâm trên đây rồi, hành giả lại phải nhất tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Cho nên phải có “nguyện”.

Lại nữa, hành giả cần xem việc thế gian là việc nhỏ, chẳng nên tham đắm. Cho nên phải có “giải”.

Khi đã có “tịnh”, có “nguyện”, có “giải” rồi, thì hành giả phải xả tài vật, xả thân nhuế v.v... Cho nên phải có “xả”.

Đầy đủ các pháp trên đây rồi, hành giả phải siêng năng tu tập, chẳng có giải đãi, thối thất. Cho nên phải có “tinh tấn”.

Mặc dù đã có được đầy đủ các công đức như vậy, nhưng nếu chẳng có y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì hành giả vẫn còn có thể bị các ác ma, các ác tri thức dẫn dắt, khiến đạo tâm bị suy giảm. Người như vậy chỉ được hưởng phước báo thế gian, hoặc nhiều nhất là chỉ được các quả vị Thanh Văn và Bích Chi Phật, chẳng có thể được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Ở đoạn kinh trên đây, Phật có nêu lên 4 thí dụ:

1) *Dụ về người đi biển bị thuyền vỡ:*

Nếu người đi biển chẳng may bị thuyền vỡ, mà gặp được

một vật nổi trên mặt biển để bám vào, thì thoát được nạn chết chìm, mà còn có thể đến bờ an toàn.

Người tu hành cũng là như vậy. Nếu trên đường hành đạo mà được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì sẽ có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Vật nổi dụ cho lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật vậy.

2) *Dụ về cái bình đất đựng nước:*

Cái bình đất dùng để đựng nước, nếu chẳng được nung chín, thì chẳng bao lâu sẽ bị tan vỡ, chẳng có thể đựng nước được. Trái lại, nếu cái bình được nung chín rồi, thì sẽ trở thành chắc chắn, đựng nước rất tốt vậy.

Cái bình dụ cho Bồ tát. Cái bình chưa được nung chín, chẳng thể dùng để đựng nước được, dụ cho Bồ tát chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Cái bình đã được nung chín, đựng nước tốt, dụ cho Bồ tát có đầy đủ lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

3) *Dụ về chiếc thuyền chở hàng hóa trên biển:*

Chiếc thuyền không chắc chắn chuyên chở hàng hóa ra biển, chẳng có thể chịu nổi sức sóng gió, khiến phải bị chìm giữa biển. Trái lại chiếc thuyền lớn, chắc chắn, chẳng bị sóng gió đánh chìm, nên có thể vượt biển an toàn.

Chiếc thuyền không chắc chắn dụ cho Bồ tát tuy đã có đủ tín, nhẫn, tịnh, thâm, nguyện, giải, xả, tinh tấn, tuy có hành các thiện pháp, tuy muốn cầu Phật đạo mà chẳng có y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì. Chiếc thuyền này bị chìm, khiến của cải bị mất sạch, dụ cho Bồ tát ấy chỉ được các phước báo hữu lậu, hoặc chỉ được các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật, chẳng thể đến được Vô Thượng Bồ Đề, trái với bốn nguyện của Bồ tát vậy.

Còn chiếc thuyền lớn, chắc chắn dụ cho vị Bồ tát có đầy đủ tín, nhẫn, tịnh, thâm, nguyện, giải, xả, tinh tấn, lại y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật cùng 5 Ba-la-mật kia, được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì. Chiếc thuyền này chẳng bị chìm, chuyên chở hàng hóa đến bờ an toàn, dụ cho Bồ tát ấy có được lực phương tiện Bát nhã ba-la-mật hộ trì nên được đại lợi ích, được vô lượng Phật pháp, được Nhất thiết chủng trí ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

4) *Dụ về cụ già trên 100 tuổi, sức yếu và bệnh hoạn:*

Cụ già này tuổi cao, sức yếu lại nhiều bệnh, phải nằm liệt giường. Nếu cụ tự dùng sức mình để trỗi dậy, thì cụ cũng chẳng sao đứng dậy được, mà dù có đứng dậy được, thì cụ cũng chẳng bước đi xa được.

Trái lại nếu có hai người khỏe mạnh kèm dìu hai bên thì cụ có thể đứng dậy đi được.

Cụ già bệnh này dụ cho Bồ tát chưa đoạn được 62 tà kiến chấp cùng các phiền não. Cụ già này từ trên giường muốn đứng dậy dụ cho vị Bồ tát ấy muốn vượt ra khỏi 3 cõi, nhưng chẳng thành tựu được ý nguyện, chẳng thành tựu được Bồ tát hạnh, chẳng đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Trái lại nếu vị Bồ tát ấy biết y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, thì nhờ lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, sẽ tận đoạn được các kiết sử, phiền não.

Cụ già được hai người khỏe mạnh kèm dìu, nên có thể đứng dậy đi được, dụ cho vị Bồ tát ấy khi đã được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, có thể thành tựu viên mãn Bồ tát hạnh... dẫn đến có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề.

KINH:

Lúc bấy giờ Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề rằng: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ông đã vì chư Bồ tát mà thưa hỏi Như Lai về các pháp sự như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà từ sơ phát tâm đến nay, dụng tâm chấp ngã và chấp ngã sở để tu bố thí... dẫn đến để tu trí huệ, khi tu bố thí tự nghĩ rằng: “Tôi là người hành bố thí, tài vật đem ra bố thí là của tôi”... dẫn đến khi tu trí huệ, cũng tự nghĩ rằng “tôi là người tu trí huệ, trí huệ là của tôi”, thì phải biết người ấy chỉ tu “ngã thí”... dẫn đến chỉ tu “ngã huệ” mà thôi. Vì sao? Vì tu như vậy là có tư duy, phân biệt, có chấp ngã, và ngã sở, nên chẳng được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì. Vì sao? Vì tất cả 6 Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật đều chẳng có các tướng phân biệt như vậy. Phải xả ly mọi chấp phân biệt, xa lìa chấp có bờ bên này và bờ bên kia (thử ngạn và bỉ ngạn) thì mới vào được thật tướng của 6 Ba-la-mật.

Do người ấy chấp như vậy, nên chẳng có thể đến được Nhất thiết chủng trí, mà phải bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Như vậy là cầu Phật đạo mà chẳng có phương tiện lực.

-o0o-

Thế nào là người cầu Phật đạo chẳng có phương tiện lực?

Này Tu Bồ Đề! Đó là người cầu Phật đạo, mà từ sơ phát tâm cho đến nay vẫn thường dụng tâm chấp ngã và ngã sở, khi hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến khi hành Bát nhã Ba-la-mật. Ví như hành bố thí mà thường nghĩ rằng:

“Tôi là người hành bố thí, tài vật đem ra bố thí là của tôi, và có người nhận sự bố thí của tôi”.

Do nghĩ như vậy nên sanh cao tâm, Người ấy chẳng biết rằng phải xả ly mọi chấp phân biệt, xa lìa chấp có bờ bên này và bờ bên kia, mới vào được thật tướng của 6 Ba-la-mật.

Do chẳng biết như vậy nên người ấy chẳng có được sự hộ trì của Đàn Ba-la-mật... dẫn đến chẳng có được sự hộ trì của Bát nhã Ba-la-mật, khiến chẳng có được phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Này Tu Bồ Đề! Người cầu Phật đạo mà chẳng có phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có thể đến được Nhất thiết chủng trí, nên phải bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

-o0o-

Thế nào là người cầu Phật đạo có phương tiện lực?

Này Tu Bồ Đề! Đó là người cầu Phật đạo, mà từ sơ phát tâm cho đến nay, chẳng có dụng tâm chấp ngã và ngã sở, khi hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến khi hành Bát nhã Ba-la-mật. Ví như hành Đàn Ba-la-mật, người ấy chẳng dấy niệm nghĩ rằng: “Tôi là người hành bố thí, tài vật đem ra bố thí là của tôi, và có người nhận sự bố thí của tôi”.

Người ấy biết rõ rằng, tất cả 6 Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật đều chẳng có các tướng phân biệt như vậy, biết rõ rằng phải xả ly mọi tướng phân biệt, xa lìa chấp có bờ bên này và bờ bên kia, thì mới vào được thật tướng của 6 Ba-la-mật.

Do biết rõ như vậy, nên người ấy có được sự hộ trì của Đản Ba-la-mật... dẫn đến có được sự hộ trì của Bát nhã Ba-la-mật, khiến có được phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Này Tu Bồ Đề! Người cầu Phật đạo có đầy đủ phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật chẳng bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, nên mau đến được Nhất thiết chủng trí... dẫn đến mau được Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Phật ẩn chứng lời ngài Tu Bồ Đề, rồi nhân đó dạy cho Bồ tát phải tu tập các thiện pháp như thế nào để có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Bồ tát cầu Phật đạo, dù có tín tâm, có nhẫn tâm, có tịnh tâm, có thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn rồi, nhưng nếu chẳng có y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì cũng chẳng sao đến được Nhất thiết chủng trí... dẫn đến chẳng sao được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì tu tập thiện pháp mà tâm vẫn còn chấp ngã và ngã sở thì chẳng có được sự hộ trì của Đản Ba-la-mật... dẫn đến chẳng có sự hộ trì của Bát nhã Ba-la-mật. Hành giả phải dùng trí Bát nhã Ba-la-mật để xả ly mọi sự chấp phân biệt, xa lìa các chấp “thử-bì” (bờ bên này và bờ bên kia), mới vào được thật tướng của 6 Ba-la-mật, vì tất cả 6 pháp của Ba-la-mật đều chẳng có các tướng phân biệt vậy.

Phật lại chỉ rõ thế nào là cầu Phật đạo và thế nào là cầu Phật đạo có phương tiện lực.

Phật lại dạy tiếp rằng: Bên trong phải quán “ngã không” và bên ngoài phải quán “pháp không”. Chẳng chấp các pháp tướng như vậy là được lực phương tiện của Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu đã có Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, có được phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật, thì người cầu Phật đạo mới chẳng bị lạc về Nhị thừa địa, mau đến được Nhất thiết chủng trí, dẫn đến mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát phải như vậy mà tu tập mới có thể thành tựu viên mãn “Bồ tát bốn nguyện” vậy.

Phẩm Thứ Năm Mười Hai



Thiện Tri Thức

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hàng tân học Bồ tát phải học 6 pháp Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Hàng tân học Bồ tát muốn học 6 pháp Ba-la-mật, trước hết phải thân cận cúng dường các bậc thiện tri thức.

Bậc thiện tri thức dạy đệ tử khi tu tập 6 pháp Ba-la-mật rằng:

- Phải đem công đức tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

- Chẳng nên chấp sắc... dẫn đến thức là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên chấp Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên chấp nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên chấp 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên chấp 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên chấp 10 Phật lực... dẫn đến chẳng nên chấp Nhất thiết chủng trí là Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì chẳng chấp 5 âm, chẳng chấp 6 pháp Ba-la-mật, chẳng chấp 18 pháp không, chẳng chấp 37 Phẩm trợ đạo, chẳng chấp 4 thiên, chẳng chấp 4 vô lượng tâm, chẳng chấp

4 vô sắc định, chẳng chấp 5 thần thông, chẳng chấp 10 Phạt lực... dẫn đến chẳng chấp Nhất thiết chủng trí là Vô Thượng Bồ Đề mới chính là được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Lại cũng dạy đệ tử khi tu tập 6 pháp Ba-la-mật rằng:

- Chẳng nên tham đắm sắc... dẫn đến thức, chẳng nên tham đắm Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nên tham đắm nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nên tham đắm 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, chẳng nên tham đắm 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông, chẳng nên tham đắm 10 Phạt lực... dẫn đến chẳng nên tham đắm Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì tất cả các pháp ấy đều là tự tướng không, đều chẳng có thể tham đắm được.

- Chẳng nên tham đắm 4 quả Thanh Văn, chẳng nên tham đắm Bích Chi Phật Đạo, chẳng nên tham đắm Bồ tát vị... dẫn đến chẳng nên tham đắm Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì tất cả các pháp ấy đều là tự tánh không, đều chẳng có thể tham đắm được.

LUẬN

Ngài Tu Bồ Đề hỏi về trường hợp tân học Bồ tát phải tu tập 6 pháp Bát nhã Ba-la-mật như thế nào. Phật dạy rằng Bồ tát phải tu tập lâu ngày mới được các pháp sự vi diệu, thế nhưng chẳng nên chấp thủ hay tham đắm bất cứ một pháp nào cả. Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều là tự tướng không, tự tánh không, đều là bất khả đắc cả.

Bồ tát tu tập pháp “không” được xếp thành hai hạng:

- Hạng tiểu Bồ tát.

- Hạng đại Bồ tát.

Hạng “tiểu Bồ tát” chỉ mới được nhu thuận nhãn, nên phải tu tập pháp không để có khí phần trí huệ.

Bởi vậy nên Phật từng dạy rằng: Nếu Bồ tát muốn thể nhập vào pháp tánh không, thì phải tu tập các công đức trong thời gian lâu dài.

Ví dụ như trong pháp Thanh Văn, thì người có tín tâm quy hướng về Tam Bảo gọi là được Noãn Pháp. Rồi từ nơi tín tâm đó còn phải tu tập thiền định, mới gọi là được Đánh Pháp, mới được tâm không, được vô ngại giải thoát. Do vậy mà phạm phu xem pháp Tiểu Thừa là Đại.

Lại nữa, Bồ tát phải tu tập lâu ngày các công đức của 6 Ba-la-mật, để được “Bát nhã Ba-la-mật vị”. Do vậy mà phạm phu cũng xem chư vị tân học Bồ tát là Đại.

Thế nhưng trong Phật pháp, thì hàng tân học Bồ tát chỉ được gọi là tiểu Bồ tát mà thôi.

-o0o-

Nơi đây Phật khuyên các tân học Bồ tát muốn tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì trước hết phải thân cận, cúng dường chư thiện tri thức.

Có được chư thiện tri thức dạy dỗ, thì hàng tân học Bồ tát mới thành tựu được bất hoại pháp, nghĩa là hành 6 Ba-la-mật, hành hết thấy các thiện pháp, mà chẳng trú chấp, chẳng tham đắm.

Ví như chim Kim Sí Điều, ngay từ khi còn nhỏ đã phải tập bay từ núi này sang núi khác. Cũng như vậy, hàng tân học Bồ tát phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật trong thời gian lâu dài mới có được thâm trí huệ Bát nhã Ba-la-mật được.

Lại nữa, ví như lửa, dù chỉ là một đóm nhỏ, có công năng thiêu đốt cả đám rừng. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật có công năng phá sạch hết thảy kiết sử, phiền não.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát phải thường tu học thâm Bát nhã Ba-la-mật, để liễu triệt được hết thảy pháp đều là rốt ráo không, để dứt sạch hết thảy kiết sử, phiền não. Như vậy mới có thể trở thành bậc Đại Bồ tát, đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, được Nhất thiết chủng trí... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ tát thường làm những việc rất khó làm. Đó là ở nơi pháp tánh không, mà muốn cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề, muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Ông nên biết rằng:

- Vì lân mẫn chúng sanh, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn an lạc chúng sanh, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn cứu khổ thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn làm chỗ quy y cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn làm chỗ y cứ cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn làm con đường “cứu cánh” cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn làm “còn đảo” cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn dẫn đạo thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn làm chỗ “thú hướng” cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

* Thế nào gọi là “Vì lân mẫn chúng sanh, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là vì thương xót chúng sanh, muốn cứu vớt chúng sanh ra khỏi 3 đường ác, dẫn dắt họ đến bờ Niết bàn vô úy, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

* Thế nào gọi là “Vì muốn an lạc chúng sanh, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là vì muốn cứu chúng sanh ra khỏi các ưu phiền, khổ não, dẫn dắt họ đến nơi an lạc Niết bàn, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

* Thế nào gọi là “Vì muốn cứu khổ thế gian, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là vì muốn tận đoạn các khổ “sanh - tử” nơi chúng sanh, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, đến với chúng sanh để thuyết pháp cho họ nghe, khiến họ tinh tấn tu hành 3 thừa đạo, dần dần được giải thoát.

* Thế nào gọi là “Vì muốn làm chỗ quy y cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là vì muốn cứu chúng sanh ra khỏi “sanh, già, bệnh, chết” cùng ưu bi khổ não, và dạy họ quay về nương tựa nơi pháp Niết bàn, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

* Thế nào gọi là “Vì muốn làm chỗ y cứ cho thế gian mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là vì muốn thuyết cho chúng sanh nghe các pháp là vô y xứ (chẳng có chỗ y cứ), mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát thuyết các pháp đều là vô y xứ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc bất tương tục, nên là vô sanh. Vì sắc vô sanh, nên là vô diệt. Vì sắc vô diệt nên là vô y xứ. Vì thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là bất tương tục, là vô sanh, là vô diệt, nên đều là vô y xứ.

* Thế nào gọi là “Vì muốn làm con đường cứu cánh cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”.

Này Tu Bồ Đề! Đó là vì muốn thuyết cho chúng sanh nghe sắc rất ráo như tướng là chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức rất ráo như tướng là chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức dẫn đến Nhất thiết chủng trí rất ráo như tướng là chẳng phải Nhất thiết chủng trí.

Như tướng là rất ráo, là cứu cánh. Hết thấy các pháp đều là rất ráo như tướng cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy các pháp đều rất ráo như tướng thì Bồ tát làm sao có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Lại nữa, trong cú cánh tướng là chẳng có phân biệt sắc... dẫn đến chẳng có phân biệt Nhất thiết chủng trí. Như vậy làm sao Bồ tát có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Trong cú cánh tướng là chẳng có phân biệt sắc... dẫn đến chẳng có phân biệt Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát quán các pháp tướng tịch diệt, mà chẳng sanh tâm sợ hãi, là việc rất khó làm. Vì sao? Vì Bồ tát phải tự niệm “pháp thậm thâm như vậy, ta phải biết rõ như vậy, và ta phải vì thế gian nói như vậy”.

* Thế nào gọi là “Vì muốn làm còn đảo cho thế gian, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Những vùng đất bị nước bao bọc chung quanh, cắt rời khỏi các vùng đất khác, thì được gọi là còn đảo.

Cũng như vậy, hết thấy các pháp từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, trước sau đều đứt đoạn.

Này Tu Bồ Đề! Do vì bờ trước và bờ sau đều đứt đoạn nên hết thấy các pháp đều là tịch diệt, là diệu bảo, là không, là vô sở đắc.

Đại Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp tịch diệt, vì diệu là chỗ tận đoạn ái nhiễm, rốt ráo ly dục, dẫn vào Vô Dư Niết bàn vậy.

* Thế nào gọi là “Vì muốn làm dẫn đạo cho thế gian, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là chư Đại Bồ tát vì chúng sanh mà thuyết giảng sắc... dẫn đến thức là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, vì

chúng sanh mà thuyết giảng 12 nhập, 18 giới, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, vì chúng sanh mà thuyết giảng 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, vì chúng sanh mà thuyết giảng Tu-đà-hoàn... dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm. Như vậy là vì muốn dẫn đạo thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề phát tâm hoan hỷ mà bạch Phật rằng: Có Bồ tát chưa đoạn sạch phiền não, chưa được đầy đủ đại bi, chưa được bất thối chuyển mà biết rõ hết thảy pháp đều là tự tánh không và lại phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, như vậy là việc rất khó làm.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Bồ tát thương xót chúng sanh nên phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, dạy dỗ chúng sanh tu tập 3 thừa đạo, dẫn dắt chúng sanh đến Niết bàn thường lạc.

-o0o-

Ví như thuốc hay, tuy có vị đắng mà có thể chữa lành bệnh, nếu người bệnh kiên trì uống thuốc ắt sẽ chóng lành. Cũng như vậy, cứu độ và an lập chúng sanh tuy là việc rất khó làm, nhưng Bồ tát đại nguyện viên thành đạo hạnh.

* Chúng sanh do chấp thế lạc là những pháp hữu vi, mà thường chẳng được an ổn, hết vui rồi là liền khổ.

Bồ tát dạy chúng sanh biết rõ 6 đạo chúng sanh là vô thường, là khổ, là chẳng có gì an ổn, phải thoát ly ra khỏi 6 đạo, mới đến được bờ Niết bàn thường lạc.

Bồ tát an lạc chúng sanh ở cả đời này và cả đời sau.

* Chúng sanh cứu khổ cho nhau chỉ đem lại sự an ổn nhất thời. Ví như người bị giặc cướp bức bách, bị ác thú rượt bắt... Nếu may mắn được người khác đến cứu kịp thời thì sẽ được thoát nạn. Thế nhưng, do nhân duyên còn có phiền não, còn có các ác hạnh, nên người ấy vẫn còn bị ma chướng quấy nhiễu, còn bị những kẻ ác đến gây nạn.

Bồ tát thuyết pháp cho chúng sanh nghe, khiến họ tinh tấn tu tập 3 thừa đạo, đoạn dứt được các khổ, dần dần được giải thoát.

* Chúng sanh nương tựa vào các pháp thế gian, mà các pháp thế gian chỉ là tạm bợ. Ví như đang đi giữa đường gặp trời mưa to gió lớn, nên phải tạm ẩn trú và nhà dân ở bên đường qua cơn nguy khó. Bồ tát dạy chúng sanh quay về nương tựa nơi Phật pháp, dẫn dắt họ đến Niết bàn.

Chúng sanh bị các phiền não thường thiêu đốt thân tâm, khiến phải bị trói buộc mãi trong vòng “sanh, già, bệnh, chết”. Chỉ có niệm Phật, tu tập theo lời Phật dạy thì mới vĩnh viễn thoát ra khỏi các khổ vậy.

* Chúng sanh thường y cứ nơi các pháp hữu vi, mà các pháp hữu vi là do nhân duyên sanh, chẳng có tự thể, nên chẳng thể làm chỗ y cứ được. Do vậy mà chúng sanh thường bị các khổ não bức bách.

Bồ tát dạy cho chúng sanh y chỉ nơi Phật pháp, lại dạy chúng sanh rằng “Vô y chỉ” pháp mới thật là chân thật pháp. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là bất tương tục, là vô sanh, là vô diệt, nên là vô y xứ vậy.

Hỏi: Trước đây nói các pháp đều là vô y chi. Như vậy vì sao nói phải y chi nơi Phật pháp?

Đáp: Có hai trường hợp “y chi”. Đó là:

- Nếu y chi nơi các pháp hữu vi, thì có ái kiến, có phiền não.
- Nếu y chi nơi pháp Niết bàn thanh tịnh, thì diệt trừ được các ái kiến, phiền não. Vì sao? Vì thật tướng pháp là rốt ráo không, rốt ráo bất khả đắc, nên “y chi” nơi thật tướng pháp cũng chính là “vô y chi” vậy.

-o0o-

* Lại nữa, chúng sanh do nghiệp lực quả báo mà ức tướng phân biệt ra có 6 tình, chấp có pháp này, pháp nọ, chấp có trước, có sau.

Thế nhưng, khi đã và được “Đệ nhất nghĩa đế” rồi, thì sẽ biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không, đều là vô sở trú cả.

Bồ tát dạy chúng sanh như vậy chính là làm cón đảo cho chúng sanh an trú, khiến họ chẳng còn bị chìm đắm trong dòng nước ái nữa.

* Lại nữa, Bồ tát là người dẫn đạo chúng sanh, diu dắt chúng sanh trên đường “Bát Chánh”, lại dùng thuyền “Bát Nhã” chở họ đến nơi Niết bàn an lạc.

-o0o-

KINH:

Phật dạy tiếp:

* Thế nào gọi là “vì muốn làm chỗ thú hưởng cho thế gian, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, vì chúng sanh thuyết giảng sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều đến chỗ không, lại vì chúng sanh thuyết giảng sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì sắc là tướng không... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí là tướng không, mà trong “không tướng”, thì chẳng có chỗ đến, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ vô tướng, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong vô tướng thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ vô tác, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong vô tác thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ vô khởi, vô sở hữu, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì trong vô khởi... dẫn đến trong bất cấu, bất tịnh, thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ như mộng, như huyễn, như diệm, như hương, như ảnh, như hóa, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong mộng, huyễn... dẫn đến trong hóa thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ vô lượng và vô biên, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong vô lượng, vô biên thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ bất thủ,

bất xả, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong bất thủ, bất xả thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ bất tăng, bất giảm, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong bất tăng, bất giảm thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ bất khứ, bất lai, bất nhập, bất xuất, bất hợp, bất tán, bất trước, bất đoạn nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong bất khứ, bất lai... dẫn đến trong bất trước, bất đoạn thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả, tri giả, kiến giả nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong ngã, nhơn... dẫn đến trong tri giả, kiến giả, thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ thường, lạc, ngã, tịnh, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong thường, lạc, ngã, tịnh thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ tham, sân, si, mạn, nghi, kiến, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong tham, sân, si, mạn, nghi, kiến thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghi tánh, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghi tánh, thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ bình đẳng tánh, chỗ bất động tánh nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong bình đẳng tánh và bất động tánh, thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ 5 âm, 12 nhập, 18 giới nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong 5 âm, 12 nhập, 18 giới thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ 6 pháp Ba-la-mật, 37 phẩm Trợ Đạo, 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải đến. Vì sao? Vì trong 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm trợ Đạo, 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo, Vô Thượng Bồ Đề, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến trong Vô Thượng Bồ Đề, thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ai là người tín giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật này?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu có vị Bồ tát nào từ trước ở các cõi Phật, đã tu tập đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đã được các thiện căn thuần thực, đã cúng dường vô lượng

chư Phật và chư thiện tri thức, thì phải biết đó là bậc tín giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật này.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người tín giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật này có tánh và tướng như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đoạn xả “tham, sân, si” là tánh tướng của vị Bồ tát tín giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật này.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao trong 9 điều nguyện nêu trên đây của Bồ tát lại đặc biệt nói rộng về điều nguyện “muốn làm chỗ thú hướng cho chúng sanh”?*

Đáp: Thú có nghĩa là đến. “Thú hướng” có nghĩa là hướng đến một mục tiêu nào. Đây là hướng đến Niết bàn an lạc, vô úy. Như vậy là “muốn an lạc chúng sanh” và “muốn làm chỗ thú hướng cho chúng sanh” đồng nghĩa với nhau.

“Được an lạc nơi Niết bàn” là cứu cánh, và “thú hướng Niết bàn” là phương tiện. Vì “Thú hướng Niết bàn” là phương tiện nên phải rộng nói.

Đoạn kinh trên đây cho thấy rằng, hướng đến Niết bàn là hướng đến chỗ cứu cánh, chỗ rốt ráo không, tức là vào nơi thật tướng của các pháp vậy. Đến chỗ “không tướng” là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong “không” thì “đến” và “chẳng đến” cũng đều là bất khả đắc.

-o0o-

Ví như hư không chỉ có danh, mà chẳng có tướng. Cũng như vậy, hết thảy các pháp tướng đều là hư vọng, chẳng thật

có. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng, thì hết thảy các pháp đều là rốt ráo không.

Ví như khi mới quen biết một người nào, ta chỉ biết người ấy qua tướng trạng bên ngoài, hoặc qua lời giới thiệu của người khác, phải tiếp xúc lâu ngày mới biết rõ được tâm tánh của người ấy. Cũng như vậy, khi chưa quán chiếu thì thấy mỗi pháp có tướng riêng khác, khi đã có được trí huệ Bát nhã rồi, đã quán chiếu thâm sâu rồi, thì sẽ thấy rõ các pháp đều là hư vọng, và đều bình đẳng cả.

Phàm phu qua kính nghiệp báo, điên đảo vọng chấp các pháp có tướng sai khác, mà chẳng có biết rõ rằng thật tướng pháp là như hư không, chẳng có chỗ đến, chẳng có chỗ từ, chẳng có chỗ chấp, vì đều là hư vọng cả. Ví như người chấp ngã, chấp thân do 5 ấm hòa hợp là thật có mà chẳng biết rằng đó là hư vọng, chẳng thật có. Dẫn đến các chấp về “thường lạc, ngã, tịnh” của hàng Nhị thừa cũng đều là 4 chấp điên đảo. Đây chỉ là do tương quan đối đãi mà nảy sinh ra các chấp như vậy. Người tu hành, khi phá được các chấp này thì sẽ có được 4 thánh hạnh, nhưng cũng biết rõ các thánh hạnh đó cũng đều là bất khả đắc cả.

-o0o-

Pháp Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm như vậy, nên theo lời Phật dạy, thì chỉ có những người nào từ trước đã ở các cõi Phật, đã tu tập đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đã được thiện căn thuần thực, đã cúng dường vô lượng chư Phật và chư thiện tri thức, mới có thể tin giải được. Đó là những người đoạn xả 3 độc ‘tham, sân, si’ vậy.

Hỏi: *Nếu chưa vào được vô sanh pháp nhẫn thì là sao có thể đoạn được 3 độc?*

Đáp: “Đoạn” nói ở đây có thể hiểu theo hai nghĩa. Đó là:

- Đoạn căn bản của ba độc.
- Đoạn hiện hạnh của ba độc.

Nếu chỉ mới đoạn hiện hạnh phiền não, thì chưa thể vào được thật tướng pháp. Vì sao? Vì do chưa đoạn được căn bản phiền não, nghĩa là chưa đoạn được tận gốc các phiền não, nên chưa quán triệt được pháp “không”. Do chưa quán triệt được pháp “không”, nên chưa vào được nơi thật tướng pháp vậy.

Phẩm Thứ Năm Mười Ba



Thú Nhất Thiết Trí (Hương Về Nhất Thiết Trí)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát tín giải thâm Bát nhã Ba-la-mật này sẽ đến chỗ nào?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát tín giải thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ đến Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hướng đến Nhất thiết chủng trí, nhằm làm chỗ nương tựa cho hết thảy chúng sanh tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Tu Bát nhã Ba-la-mật là tu hết thảy các pháp.

Bạch Thế Tôn! Vô sở tu (chẳng chỗ tu) là tu Bát nhã Ba-la-mật, vô thọ tu (chẳng thọ tu) là tu Bát nhã Ba-la-mật, hoại tu là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Do pháp gì hư hoại, mà gọi “hoại tu” là tu Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

- Vì sắc hư hoại... dẫn đến thức hư hoại nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

- Vì 12 nhập hư hoại, 18 giới hư hoại nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

- Vì ngã hư hoại... dẫn đến tri giả hư hoại, kiến giả hư hoại nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

- Vì Đàn Ba-la-mật hư hoại... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật hư hoại, nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

- Vì nội không hư hoại... dẫn đến vô pháp hữu pháp không hư hoại, nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

- Vì 4 niệm xứ hư hoại... dẫn đến Nhất thiết chủng trí hư hoại, nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Vì sắc hư hoại... dẫn đến Nhất thiết chủng trí hư hoại, nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

Lại nữa, Bồ tát bất thối chuyển, ở nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, phải tự nghiệm biết như vậy.

Nếu có vị Bồ tát nào ở nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng trú chấp, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Nếu có vị Bồ tát nào ở nơi Đàn Ba-la-mật... dẫn đến ở nơi Thiền Ba-la-mật, ở nơi 4 niệm xứ... dẫn đến ở nơi Nhất thiết chủng trí, mà chẳng trú chấp, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây nói “đến” và “chẳng đến” ở nơi hết thảy pháp là bất khả đắc, nên là “chẳng đến” cũng ‘chẳng phải chẳng đến’.

Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật “Bồ tát tín giải thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ đến chỗ nào”? Vì sao Phật lại trả lời là “sẽ đến Nhất thiết chủng trí”?

Đáp: Hàng ngoại đạo chấp thường, nên cho rằng các pháp theo luật nhân quả đã tương tục truyền nối từ vô thi đến nay và cũng sẽ tương tục truyền nối mãi đến các đời sau.

Do vì muốn phá chấp thường đó, mà Phật dạy “chẳng đến” và cũng “chẳng phải chẳng đến”.

Ở nơi đây, ngài Tu Bồ Đề chẳng chấp tâm, chẳng thủ pháp, mà thưa hỏi Phật như trên. Bởi vậy nên Phật cũng dùng tâm vô trú mà đáp lại rằng: Bồ tát tin giải Bát nhã Ba-la-mật sẽ đến Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không. Ở nơi rốt ráo không, thì chẳng có gì chướng ngại, nên nhân và quả đồng nhất. Mà đã là chẳng có chướng ngại, thì tức là được giải thoát vậy.

Bởi vậy nên chư Bồ tát hướng tới Nhất thiết chủng trí, nhằm làm chỗ nương tựa cho hết thảy chúng sanh.

Hỏi: *Vì sao Bồ tát tin giải thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ là chỗ nương tựa cho hết thảy chúng sanh?*

Đáp: Bồ tát phát đại từ bi tâm thương xót hết thảy chúng sanh, nên thường tu tập Bát nhã Ba-la-mật, hướng đến Nhất thiết chủng trí, dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật cứu độ chúng sanh.

Vì sao? Vì tu Bát nhã Ba-la-mật là tu hết thảy các pháp, biết rõ thật tướng của hết thảy các pháp. Vì tu Bát nhã Ba-la-mật là vô sở tu, tức là chẳng có chỗ tu, là vô thọ tu, tức là chẳng thọ hết thảy các quán, do hết thảy các pháp quán đều lỗi lầm. Vì tu Bát nhã Ba-la-mật là hoại tu, do biết rõ hết thảy các pháp đều là vô thường, là tán hoại. Phật ẩn chứng lời trình bày trên đây của ngài Tu Bồ Đề, và dạy thêm rằng: Bồ tát bất thoải chuyên phải tự nghiệm biết như vậy.

Lời Phật dạy trên đây có nghĩa là “người tu tập Bát nhã Ba-la-mật phải biết rõ Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thấy các pháp là rốt ráo không, mà chẳng nên thủ chấp tướng “không” đó”.

-o0o-

KINH:

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát bất thối chuyển chẳng nên tin theo lời người khác, cho đó là thiết yếu, cũng chẳng y theo lời người khác mà hành động.

Bồ tát bất thối chuyển chẳng bị “tham, sân, si” dẫn dắt, chẳng bao giờ xa rời 6 pháp Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi nghe thuyết thâm Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát bất thối chuyển chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, mà còn hoan hỷ ưa nghe, còn thọ trì đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm và đúng như pháp tu hành.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, mà còn hoan hỷ ưa nghe, còn thọ trì đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, thì Bồ tát ấy phải thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tùy thuận Nhất thiết chủng trí là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là “Tùy thuận Nhất thiết chủng trí là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật”?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là:

- Dùng “không” để tùy thuận. Như vậy là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

- Dùng ‘vô tướng’, ‘vô tác’ để tùy thuận. Như vậy là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

- Dùng “vô sở hữu, vô sanh, vô diệt, vô cấu, vô tịnh” để tùy thuận. Như vậy là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

- Dùng “như mộng, như huyễn, như diệm, như hưởng, như ảnh, như hóa” để tùy thuận. Như vậy là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo như lời Phật dạy thì “Bồ tát dùng không, vô tướng, vô tác... dẫn đến dùng như mộng, như huyễn, như diệm, như hưởng, như ảnh, như hóa để tùy thuận, là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật”.

Như vậy, Bồ tát ấy hành những pháp gì? Bồ tát ấy hành ‘sắc, thọ, tưởng, hành, thức’... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì chỗ hành xứ của Bồ tát là pháp vô tác (chẳng phải được làm ra), vô hoại (chẳng thể hoại), vô khứ (chẳng có đi), vô lai (chẳng có đến), vô trú (chẳng có trú), nên chẳng có thể tư duy, trừ lượng được. Đã chẳng thể tư duy trừ lượng được, thì chẳng có thể nói hành sắc... dẫn đến chẳng có thể nói hành Nhất thiết chủng trí là hành Bát nhã Ba-la-mật được. Vì sao? Vì sắc tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là sắc... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí.

Vì sắc như tướng và Bát nhã Ba-la-mật như tướng là nhất như, chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì Nhất thiết

chúng trí như tướng và Bát nhã Ba-la-mật như tướng là nhất như, chẳng phải hai, chẳng phải khác.

-o0o-

LUẬN:

Bồ tát bất thối chuyển chẳng tin theo lời người khác, cũng chẳng y theo lời người khác để làm các sự việc, chẳng khởi niệm chấp lời nói đó là thật hay là chẳng phải thật.

Vì sao? Vì ở trong thế gian có 2 hạng người mà lời nói chẳng thể tin được. Đó là:

- Hạng người chấp đắm dục lạc, bất tịnh trong giới tại gia.
- Hạng người chấp các tà kiến trong giới xuất gia.

Khi đã liễu đạt được các thật tướng pháp rồi, thì dù ma có hiện thân Phật nhằm phá hoại chánh pháp, thì Bồ tát cũng vẫn chẳng tin theo. Vì sao? Vì đã được vô vi pháp rồi nên tâm Bồ tát vẫn thường an ổn. Đây chính là trường hợp các Bồ tát tuy chưa được Phật đạo, mà đã uốn dẹp được các tham dục và các phiền não, nên chẳng còn bị động tâm, lại thường chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, trái lại còn hoan hỷ, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm và như pháp tu hành Bát nhã Ba-la-mật nữa.

Ví như sấm sét làm cho các loài chim nhỏ hoảng hốt, run rẩy, trái lại đại bàng, không tước thì hân hoan nhảy múa. Cũng như vậy, hàng phàm phu, do độn căn thiếu trí, nên nghe Bát nhã Ba-la-mật sanh tâm sợ hãi, trái lại hàng Bồ tát bất thối chuyển nghe Bát nhã Ba-la-mật thì rất vui mừng ưa nghe mãi, chẳng bao giờ nhàm chán.

Theo lời Phật dạy, thì chỉ có những vị Bồ tát ở thời quá khứ đã được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã gieo trồng thuần thực các thiện căn, đã có đại trí huệ, đã có đại oai đức, nên nghe thuyết thâm Bát nhã Ba-la-mật mới chẳng có sợ hãi.

Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề hỏi về Bồ tát dụng pháp tu hành khiến chẳng có sợ hãi, và được Phật giải đáp, tóm tắt như sau:

- Tùy thuận Nhất thiết chủng trí là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

- Tùy thuận Nhất thiết chủng trí là tùy thuận rốt ráo không. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí là tịch diệt tướng, pháp tịch diệt tướng là Nhất thiết chủng trí.

- Tùy thuận rốt ráo không là dùng “không, vô tướng, vô tác” để tùy thuận, dùng “vô sở hữu, vô sanh, vô diệt, vô cấu, vô tịnh” để tùy thuận, dùng “như mộng, như huyễn, như diệm, như hường, như ảnh, như hóa” để tùy thuận.

- Tùy thuận như vậy là chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí là vô pháp, là thật pháp, chẳng phải là hữu vi pháp. Bởi vậy nên nói chỗ hành xứ của Bồ tát là pháp vô tác (chẳng phải được làm ra), vô hoại (chẳng thể hoại), vô khứ (chẳng có đi), vô lai (chẳng có đến).

Như vậy là hết thảy các pháp chẳng theo 6 pháp Ba-la-mật mà đến, cũng chẳng vào trong Phật pháp, nên là chẳng từ đâu đến và cũng chẳng đi về đâu.

Lại nữa, hữu vi pháp là hư vọng, nên là chẳng có chỗ trú, vô vi pháp chẳng thể ức tướng phân biệt được, nên là chẳng có chỗ trú.

Do nơi 5 ấm hòa hợp mà khởi ra có 6 đường chúng sanh, khi 5 ấm chẳng còn tương tục nữa, thì cũng chẳng còn có 6

đường chúng sanh nữa. Lúc bấy giờ các tâm hành đều diệt, các ngôn ngữ đều đoạn.

Bởi vậy nên thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật là chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì sắc tức là Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật. Vì sắc như tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng, cùng với Bát nhã Ba-la-mật như tướng là nhất như, chẳng phải hai, chẳng phải khác.

(Hết quyển 71)